Tập San Thị Hiện

PL. 2557 - 2013

CHÙA BẢO SƠN - BAO SON BUDDHIST TEMPLE, Inc

Thành kính tri ân Tam Bảo,
các bậc Sư trưởng,
Cha mẹ sinh thành và Đàn na tín thí.

Kỷ niệm 03 năm thành lập Chùa Bảo Sơn

MỤC LỤC

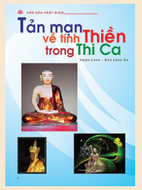

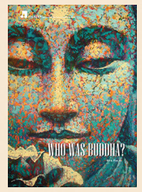

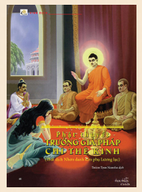

28

84

90

10

26

- Lá thư thị hiện 3
- Phải có con mắt trạch pháp khi nghe kinh - HT. Thích Thiện Siêu 6
- Tản mạn về tính Thiền trong Thi ca - Thiện Long – Hàn Long Ẩn 10
- Vài nét về chùa Bảo Sơn - Tỳ kheo Thích Huệ Giáo 14
- Gây quỹ xây dựng tượng Phật - Bồ tát (trang ảnh) 16
- Đức Phật đã nói gì về việc ăn thịt - Tỳ kheo Ajahn Brahmavamso - Tỳ kheo Thiện Minh *dịch* 18
- Phương danh cúng dường xây dựng tượng Phật -Bồ tát và chư vị Bồ tát tại chùa Bảo Sơn 22
- Văn nghệ gây quỹ thỉnh tượng Phật - Bồ tát - Lần 2 (trang ảnh) 24
- Cảm niệm Cha Mẹ - Các người con Bảo Sơn 26
- Hoa vàng trước ngõ - HG (thơ) 28
- Mặt đất - DL. Hạnh Hải (thơ) 28
- Hoa đăng - HG (thơ) 29
- Nhẹ gánh - DL. Hạnh Hải (thơ) 29
- Cuộc đời - HG (thơ) 29
- An vị Phật (trang ảnh) 30
- Who was Buddha? - Rick Fields 32
- Khóa tu Địa Tạng (trang ảnh) 36
- Vu Lan 2012 (trang ảnh) 37
- Tri kiến Phật trong ẩn dụ nhà lửa - Huệ Giáo 38
- Tu viện Quan Âm - Thời khóa tu học 40
- Trang cúng dường 41
- Xuân Quý Tỵ (trang ảnh) 42
- Một phiên tòa cảm động ở Indonesia - Du Hóa 44
- Sự tích khăn tang - Tường Dinh 45
- Phật thuyết Trưởng giả pháp chí thê kinh - Thích Tịnh Nghiêm *dịch* 48
- Thời khóa sinh hoạt chùa Bảo Sơn 51
- Phật đản 2557 - Lễ tắm Phật (trang ảnh) 52
- Vu Lan nhớ mẹ - Lệ Nguyệt 54
- Thư pháp - Hải Triều Phong 56
- Cho để con tu cứu đời - Nguyên Chánh 58
- Chùa Bảo Sơn an vị Phật - Bồ tát, A La Hán (trang ảnh) 60
- Quan điểm của Đức Phật về thực phẩm và dinh dưỡng -Hyeon - Sook Lim - Nghiệp Đức *dịch* 62
- Tudis về chùa 75
- Lễ Vu Lan 2013 (trang ảnh) 76
- Ý nghĩa việc niệm Phật vãng sanh - Thường Quý Hoàng Minh *dịch* 78
- Một màu hoa cho mùa Vu Lan - Hoang Phong 84
- Văn nghệ gây quỹ trả nợ chùa (trang ảnh) 90
- Tổ Sư Nguyên Thiều với ngôi chùa Thập Tháp - Huệ Tịch 94
- Thăm tặng quà Trung tâm bảo trợ Lộc Thọ (trang ảnh) 100
- Thăm tặng quà Hội người mù tỉnh Khánh Hòa (trang ảnh) 102
- Kỷ niệm Bảo Sơn- Nguyên Thảo - Nguyễn Kim Phương 104
- Hội Từ thiện Hoa Từ Bi - Bảo Sơn cứu trợ lũ lụt tại tỉnh Bình Định - Thị xã An Nhơn - Huyện Tuy Phước (trang ảnh) 108
- Chùa Bảo Sơn - Thời khóa tu học 110
- Hộp thư 111
- Phương danh bảo trợ in ấn 112
- Phiếu nhận Tập San Thị Hiện 112

Lá Thư Thị Hiện

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý Nam nữ Phật tử, Quý Thiện hữu tri thức,

Đặc San Thị Hiện còn rất non trẻ cả về chất và lượng, tuy nhiên đã chuyển tải nội dung tâm thành của người con Phật tại tịnh nghiệp chùa Bảo Sơn, nhân kỷ niệm 03 năm thành lập chùa, và phổ biến văn hoá, sinh hoạt Phật giáo trong cộng đồng người Việt Nam tại xứ người, góp tay vun trồng hoa lá trong vườn hoa Phật giáo khắp nơi làm tươi đẹp cuộc đời.

Chúng tôi nhóm chủ trương, chưa kỳ vọng Tập San đặc biệt này, sẽ phổ biến nội dung uyên áo của tư tưởng Phật giáo, mà chỉ là những chia sẻ những thăng hoa trong đời sống đạo của người con Phật.

Số đầu tiên đánh dấu 03 năm chùa Bảo Sơn có mặt tại đất khách quê người, đây là một sự cố gắng lớn của người con Phật khắp nơi, để tồn tại và phát triển cho đến ngày nay, hầu chia sẻ đến với bạn đọc.

Tập San sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai, chúng tôi rất mong sự tiếp tay của quý vị, như một nguồn động viên lớn, để tạo thêm năng lượng tinh thần cho chúng tôi dấn thân vì lợi ích của số đông.

Xin trân trọng cám ơn và cầu chúc quý liệt vị hỷ lạc trong suối người yêu thương của chư Phật.

Ban Chủ Trương

CHỦ TRƯƠNG
Bao son Buddhist Temple, Inc
A California Non-profit Religious Incorporation- ID: 45-2822854

CHỦ BIÊN
Huệ Giáo
Với sự cộng tác của: Chư Tôn Thiền đức Tăng Ni, Chư Tăng chùa Bảo Sơn và nhiều Thiện hữu tri thức Phật giáo khác.

THƯ KÝ
Thế Nhất

TRÌNH BÀY
Nguyên Trang

SỬA BẢN IN
Minh Thanh

LIÊN HỆ QUẢNG CÁO & PHÁT HÀNH
Lệ Nguyệt - Thế Đạo

Những bài vở đăng tải trên Tập San Thị Hiện không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm chủ trương.
Mọi thư từ, bài vở, chi phiếu yểm trợ TẬP SAN THỊ HIỆN xin đề và gửi về:
Bao Son Buddhist Temple - 24613 5th Street- Murrieta- CA 92562
Điện thoại: 951-294-7560 - Email: chuabaoson@gmail.com - Website: www.chuabaoson.net
Tập San Thị Hiện xin chân thành tri ân quý tác giả có bài viết trích đăng trên với mục đích chia sẻ lời Phật dạy đến với đại chúng.

Xuân Giáp Ngọ - 2014

BAO SON BUDDHIST TEMPLE

Happy New Year

Chúc Mừng Năm Mới

Kính chúc Chư Tôn Thiền Đức Tăng - Ni

Pháp Thể Khinh An

Tuệ Đăng Thường Chiếu

Quý Ân nhân - Hội Đoàn - Phật tử

Đồng hương xa gần

An Khang Thịnh Vượng

CHÙA BẢO SƠN

BAN CHỦ BIÊN TẬP SAN THỊ HIỆN

HỘI TỬ THIÊN HOA TỪ BI - BẢO SƠN

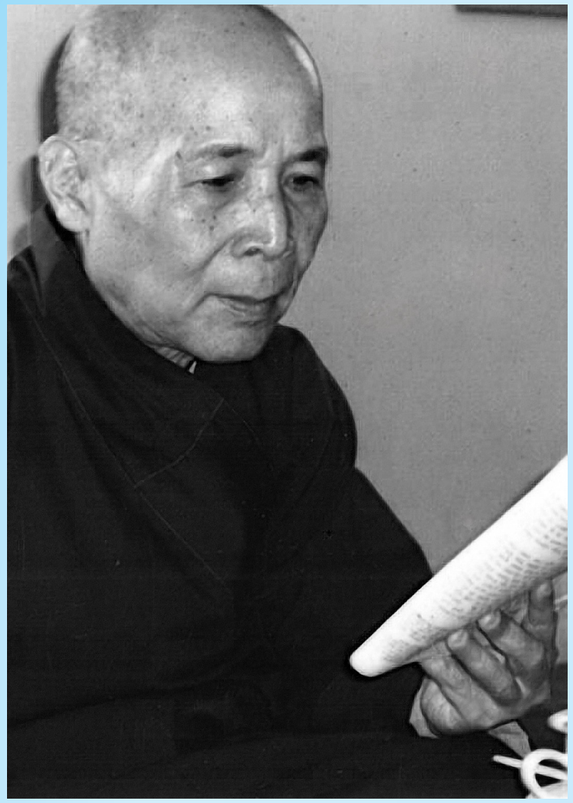

PHẢI CÓ CON MẮT TRẠCH PHÁP KHI NGHE KINH

HT. Thích Thiện Siêu

Khi dịch xong kinh Trường A-hàm năm 1962 tôi cảm thấy có một vài thắc mắc tuy thông thường nhưng sẽ không tránh khỏi xuất hiện một cách mau lẹ đến ít nhiều quý vị đọc kinh này. Để giải thích phần nào những thắc mắc đó hầu tránh khỏi cái nạn vì nghẹn bỏ ăn, ở đây xin nêu vài ý kiến theo trường hợp này:

1. Thuyết pháp độ sanh là bản hoài của Phật, vậy tại sao khi Thành Đạo rồi Ngài lại không muốn thuyết pháp, đợi đến khi Phạm Vương thưa thỉnh, Ngài mới thuyết?

- Xin thưa: Như kinh đã nói đến, không phải Phật nhất định không muốn thuyết pháp, song Ngài còn ngần ngại giữa một bên là giáo lý giác ngộ quá cao siêu, một bên căn tính chúng sanh quá thấp kém, sợ đem giáo pháp ấy nói cho chúng sanh ấy có hại hơn có lợi. Trong lúc Phật đang quán xét phải thuyết pháp cách nào mới đưa đến nhiều lợi ích, thì Phạm vương đến thưa thỉnh. Như vậy việc thưa thỉnh này chỉ đáng xem là một việc làm đúng lúc chớ không phải một quyết định tối hậu, mở đầu cuộc thuyết pháp của Phật. Vả lại, thời bấy giờ dân Ấn Độ tin thờ Phạm Thiên Vương là chúa tể. Nay thấy Phạm Thiên Vương thỉnh Phật thuyết pháp như vậy thì họ sẽ tôn kính Phật mà lắng tai nghe, trừ bỏ lòng tự tôn vào giáo pháp của Bà-la-môn xưa nay. (Muốn hiểu rộng hơn xin xem Luận Đại Trí Độ quyển 7).

2. A Nan không thỉnh Phật ở đời lâu thêm vì tâm trí bị Ma Vương ám. Nhưng sau đó Ngài nhận lời Ma Vương nhập Niết-bàn, như thế phải chăng Phật thiên vị Ma Vương?

- Xin thưa: Phàm ở đời việc gì đến nó phải đến. Khi cơ duyên hóa độ đã mãn tất nhiên Phật vào Niết-bàn, dù khi đó có hay không có Ma Vương thưa thỉnh. Trái lại, khi cơ duyên hóa độ chưa mãn, lúc Ngài ở bên sông Ni-liên-thuyền, lúc Ngài vừa Thành Đạo, dù Ma Vương có đến thỉnh Phật vẫn không vào Niết-bàn. Vậy việc Phật nói với Ma Vương sau ba tháng sẽ vào Niết-bàn chỉ là một dịp Phật thổ lộ ý định của mình mà thôi.

3. Phật là bậc tự tại tự chủ, sao Ngài không duy trì xác thân ở đời mãi mãi để làm lợi ích cho chúng sanh? Nếu Phật còn phải chịu sự sống chết như mọi người, thì sao gọi Phật là tự tại tự chủ?

- Xin thưa: Chân lý muôn đời của vũ trụ là hễ có sinh thì có diệt, có hiệp thì có ly, không một ai có thể làm cho khác đi được. Nhưng chúng sanh vì vô minh thường có tham vọng đi ngược lại chân lý nên phải đau khổ đời đời. Trái lại chư Phật Bồ - Tát giác ngộ, thể nhập chân lý nên thường được tự tại như chân lý, một sự tự tại siêu tuyệt: Ở nơi sinh mà bất sinh, ở nơi diệt mà bất diệt; bất sinh bất diệt tức giải thoát tự tại ngoài vòng chi phối của bất cứ điều gì, dù là sinh là tử. Cho nên cùng một hình thức sinh tử, ta thấy về xác thân mà ở nơi chúng sanh thì là luân hồi đau khổ, ở nơi Phật thì lại tự tại giải thoát.

Còn sự lợi sự hại theo Phật thì chúng sanh lắm lúc không đồng nhau. Cùng một chuyện chúng sanh thấy lợi, Phật thấy không lợi, chúng sanh thấy hại, Phật thấy không hại. Do đó, dù Phật diệt độ mà Ngài vẫn thấy chúng sanh còn được nhờ giáo pháp Phật để lại, để nỗ lực tu hành mà không sanh tâm ỷ lại vào sự tế độ của Phật. Mỗi người phải lo tự giác ngộ chứ không ai giác ngộ thế cho ai được. Hễ ai giác ngộ được, người đó hết đau khổ, dù Phật còn ở đời, mà chúng sanh không chịu tự lo giác ngộ theo phương pháp Phật chỉ dạy cũng không ích gì.

Một câu chuyện tương tự dưới đây, tuy đơn giản nhưng có thể làm một tiêu chuẩn cho ta suy nghiệm đến đường lối cứu đời của Phật khác xa thường tình nghĩ tưởng: Lúc Phật còn tại thế, có một người đàn bà không may phải làm dâu trong một gia đình ác độc, bà ta bị hất hủi, bạc đãi đủ điều, nên chỉ còn biết đặt hy vọng vào đứa con độc nhất của mình. Nhưng cũng rủi luôn cho bà, đứa con ấy vừa lên ba thì mệnh yểu. Bà đau khổ điên cuồng ôm thây con đến mấy vị bác sĩ, nhờ cứu chữa. Bác sĩ, lương y nào cũng lắc đầu bó tay. Cuối cùng có người vẽ cho bà tìm đến đức Thế Tôn, may ra Ngài có thể cứu được con bà. Một tia hy vọng cuối cùng lại vụt sáng giữa lúc tâm thần đang bối rối đau khổ, bà ôm xác con chạy gấp đến chỗ Phật, sau khi vái chào, bà liền cầu xin Phật cho đứa con bà sống lại, Phật dạy: Được, Bà hãy đi kiếm cho Ta một nắm hạt cải ở nhà nào từ xưa nay không có người chết, đem về đây Ta sẽ cứu cho". Bà mừng rỡ lật đật chạy đi kiếm.

Khi bà đến nhà thứ nhất, được người đem cho nắm hạt cải. Bà liền hỏi chủ nhà: "Nhà này xưa nay có ai chết không?" Chủ nhà trả lời: "đã có mấy người chết". Bà ta nói Đức Thế Tôn dặn kiếm thứ hạt cải ở nhà nào xưa nay không có người chết, nên bà ta đem trả lại nắm hạt cải. Bà ta cũng hỏi và cũng không nhận như nhà trước. Cứ như thế bà ta đi từ nhà nọ đến nhà kia khắp vùng mà vẫn không kiếm ra một nắm hạt cải đúng như lời Phật dặn. Bỗng nhiên một giây phút tỉnh ngộ, lý vô thường bật sáng trong tâm bà, phá tan bao điều sầu khổ, u ám, bà lặng lẽ đem con đi chôn rồi trở lại tinh xá bạch Thế Tôn: "Việc Ngài dạy con đã làm xong". Rồi bà đảnh lễ Phật xin quy y làm đệ tử.

Khi đọc chuyện này, không khéo lại có người đặt lời phê phán: "Thế Phật có hơn gì mấy ông bác sĩ, lương y? Phật còn không bằng các đạo sĩ, giáo chủ khác dùng phép lạ cứu người chết rồi sống lại? Tình thương của Phật như thế tỏ ra một tình thương quá lạt lẽo đến phũ phàng, một tình thương không thực tế! "Nhưng không, nếu cứ ôn tồn suy nghĩ chắc người ta sẽ không phê phán một cách quá nông nổi và sai lầm đối với lòng từ bi quá thâm thúy và thiết thực như trên của Phật. Đối với Phật, Ngài đã thấy rõ, sở dĩ chúng sanh đau khổ chỉ vì không giác ngộ được chân lý thực tại vô thường, lại muốn bám chặt vào những mảnh vô thường và nhận chắc đó là ta và của ta, vì vậy tình thương của Ngài là cốt làm thế nào phá trừ vô minh đưa chúng sanh đến nơi giác ngộ tức hết đau khổ, nếu không như vậy, dù có làm cách nào, cũng chỉ là cách cứu chữa tạm thời, đôi

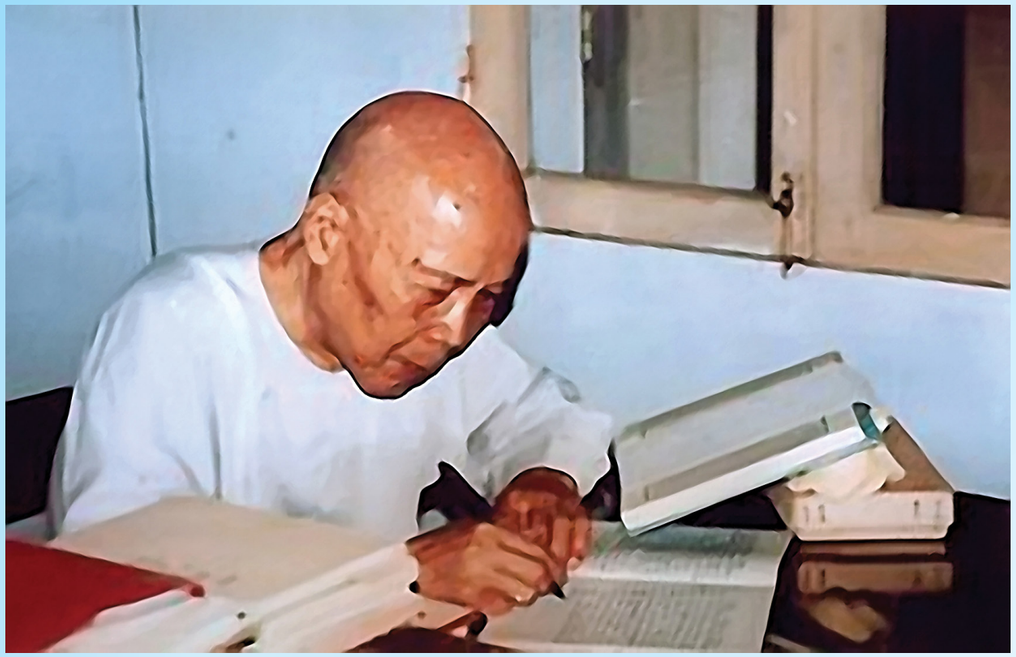

khi còn vì nó gây thêm đậm nét đau khổ là khác. Ví dụ như ông thầy thuốc không chịu tìm chữa từ bịnh căn, chỉ nghe con bịnh nói đau mắt, đau đầu bừa, không tìm nguyên nhân thì không bao giờ hết bịnh, vì bịnh căn là mầm mống chưa trừ.

Như vậy đến đây, ta hiểu được rằng tại sao Phật không dùng phép lạ cứu sống đứa con người đàn bà kia. Chúng ta cũng biết rõ rằng dù Phật có cứu sống đứa nhỏ bằng phép lạ đi nữa rồi một ngày kia nó cũng vẫn già, vẫn bịnh, vẫn chết và người đàn bà mẹ nó, cũng vẫn đau khổ như từ bao giờ không hơn không kém, nếu bà không một lần tỉnh ngộ như trong khi đi xin hạt cải: chết sống không phải là khổ mà khổ vì không giác ngộ lẽ chết sống.

4. Chúng sanh đau khổ nhưng kém hèn không tự cứu lấy mình được mới chạy đến Phật cầu cứu. Thay vì phải soi sáng, cứu độ cho họ, Phật lại dạy: "Các ngươi hãy tự thắp đuốc lên mà đi". Như thế nghĩa là sao? Nếu chúng sanh tự thắp đuốc lên mà đi được thì phỏng có lợi ích gì mà họ phải chạy đến Phật?

- Xin thưa: Phật dạy mỗi người phải tự giác ngộ lấy mình chớ không ai giác ngộ thế cho được, đó là lời dạy chí lý hiển nhiên đúng thật không thể chối cãi được, và câu "Các ngươi hãy tự thắp đuốc lên mà đi" đã nằm trong ý nghĩa tự giác ngộ đó. Tuy nhiên, nếu suốt một đời giáo hóa của Phật, thỉ chung Ngài chỉ dạy có một câu ấy bất cứ đối với ai và bất cứ lúc nào, thì cũng đáng cho ta sự thắc mắc trên, bởi nếu như vậy, chúng ta sẽ không hiểu gì là cái đuốc. Tại sao phải tự thắp, làm thế nào để thắp và đi về đâu. Nhưng đằng này khác hẳn, sau giáo pháp Phật đã dạy, giáo pháp đó không ích lợi gì cả nếu chúng sanh không chịu khó học hỏi kinh nghiệm thực hành, nương giáo pháp để tự tạo lấy sự giác ngộ chính trong lòng mình. Phật vì thương chúng sanh cho nên Ngài lại phải nhắc nhở chúng sanh lo thực hành với lời dạy trên.

Giáo pháp như ngón tay chỉ, chân lý ví như mặt trăng, Phật truyền dạy giáo pháp khác nào như Phật đã đưa tay chỉ mặt trăng (đây là Phật khai hóa cứu độ cho chúng sanh), người muốn thấy mặt trăng, tất phải định thần mở mắt nhìn theo hướng tay chỉ, không phải chờ ai nhìn thế mà cho thấy được. Nếu Phật có nhìn thấy hay người khác có nhìn thấy, cũng chỉ là Phật thấy, mấy người kia thấy, chớ không phải mình thấy. Giáo pháp lại có thể ví như những điều kiện bên ngoài để tạo ra hạnh phúc chân thật bên trong; khi một người có đủ các điều kiện ấy mà vẫn thấy mình chưa đủ hạnh phúc thì họ phải lo tự tạo lấy hạnh phúc cho họ, chớ không ai bên ngoài xen vào hay mang lại một hạnh phúc chân thật trong lòng họ được.

Để hiểu rõ hơn, ta cần xác nhận thời gian tính lời dạy trên trong quá trình thuyết giáo của Phật. Theo như trong kinh này thì câu "Các ngươi hãy tự thắp đuốc lên mà đi" đã được Phật dạy vào lúc sắp nhập Niết-bàn và lúc nhiều giáo pháp đã được Phật nói ra. Như thế có theo Phật ta mới hiểu rõ đường lối tu hành, mới thoát khỏi các ý nghĩ ỷ lại sai lầm rằng ta có thể nhờ người khác đem lại giác ngộ và hạnh phúc chân thật cho ta, và mới hiểu tại sao phải tự thắp đuốc lên mà đi và thắp bằng cách nào để khỏi bị ở mãi trong chốn tối tăm đau khổ.

5. Đạo Phật chủ trương lý trí, chú trọng thực tiễn, tại sao trong kinh còn có những chỗ nói đến các vị thần, như thiên thần, lâm thần, thọ thần v.v... Như thế Phật giáo cũng tin có quỷ thần, mơ hồ? Phật giáo cũng là một đa thần giáo?

- Xin thưa: Phật giáo không hề lấy việc tin quỷ thần, cầu khấn, thầm làm phương châm giải khổ, nhưng Phật giáo quan niệm giữa vũ trụ có vô lượng thế giới và vô số chúng sanh xuất hiện dưới vô số hình thức sai khác, lớn có, bé có, ở hư không có, ở dưới biển có, hữu hình có, vô hình có, tùy theo căn thức và nghiệp cảm. Mỗi chúng sanh cũng chỉ là mỗi chúng sanh, không chúng sanh nào có thể sáng tạo và cai quản chúng sanh nào, ngoại trừ tính cách tương quan hổ thành theo luật nhân duyên nhân quả. Do đó, Phật không bao giờ khuyên dạy người ta cầu xin phúc họa nơi quỷ thần, mà dạy người ta lo cầu xin họa phúc ngay nơi mình. Khác với đa số người thế gian và đa thần giáo xem quỷ thần như những vị sáng tạo và có quyền phép ban phước giáng họa và người ta cần đến đó cầu xin hoặc sợ sệt kính lễ, trong khi Phật giáo dù nói đến thần này thần kia chỉ có nghĩa tại chỗ kia chỗ nọ mà thôi, có với không có nó không là việc bận rộn đến tinh thần của những Phật tử chân chánh.

6. Người ta nói "Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách", một thường dân còn có bổn phận đối với quốc gia xứ sở, huống những người cầm quyền trị vì, thế nhưng trong kinh có đoạn kể chuyện vua tôi nước nọ đều xuất gia cả. Xuất gia như thế có hại cho quốc gia không? Có thụ động, trốn trách nhiệm không?

- Xin thưa: giá trị của sự xuất gia ở chỗ khác đã có nói nhiều, ở đây xin tóm tắt rằng sự xuất gia chân chính bao gồm một ý nghĩa từ bỏ dục vọng, tham lam, ngã chấp, để khuôn mình trong lối sống đạo đức với chí hướng cầu chân thiện mỹ và ban phát chân thiện mỹ. Xuất gia như thế đâu phải là một hành vi thụ động, trốn đời, hại đời? Và đâu dễ có mấy người xuất gia, khiến đến nỗi quốc gia phải suy yếu vì họ? Vả chăng việc nước là việc chung, không người này còn người khác, một số rất nhỏ người xuất gia có thấm vào đâu với đại đa số dân chúng. Một điều mà thiết tưởng ai cũng thấy rõ, nước mạnh không nhất thiết phải dân đông nhưng cốt phải muôn dân nhất trí, và muốn cho muôn dân nhất trí là phải có đạo đức, hy sinh, công chính. Mọi người dân trong khi cố công kiến thiết, họ cũng phải cố công xây dựng ở họ, ở người khác một sức mạnh đạo đức, biết hy sinh, không ích kỷ, không cố vị tham quyền mới duy trì được nền an lạc chung.

Như thế suy đến chuyện xuất gia của vua tôi nước nọ, thay vì nói đó là yếm thế, trốn trách nhiệm, ta hãy nói đó là một cử chỉ cao thượng hiếm có, đã nêu một gương sáng không tham cố quyền lợi, không cố thủ địa vị là điều xưa nay thật khó tìm thấy ở trong bao nhiêu người có địa vị trong tay. Tuy vậy, thật ra việc xuất gia như trên rất hiếm có trong lịch sử và giả sử có ta cũng thấy rõ đâu có làm hại cho quốc gia, xã hội bằng những con người bất nhân vô đạo, cố vị tham quyền kết tụ lại trong quốc gia hay thế giới, mà xưa nay đâu đâu cũng có. Cứ xem nhân loại ngày nay ta cũng đủ thấy là hiện đang đau khổ vì dục vọng hay những lời dạy ly dục và sự xuất gia như trên?

Tóm lại, trong khi xem kinh, nên có con mắt trạch pháp để nhận định những lời nào Phật quyền thuyết, những lời nào Phật thật thuyết, những lời nào là chính yếu, những lời nào là phụ yếu, và suy nghiệm lối thuyết pháp tất đàn của Phật mới mong học được những chỗ đáng học, nắm được chỗ chính yếu của giáo lý để khỏi kẹt vào những thắc mắc không trọng hệ nhưng lắm lúc làm trở ngại những giáo lý trọng hệ cần được chú tâm suy tầm tu niệm nhiều hơn.

Tản mạn về tính Thiền trong Thi Ca

Thiện Long - Hàn Long Ẩn

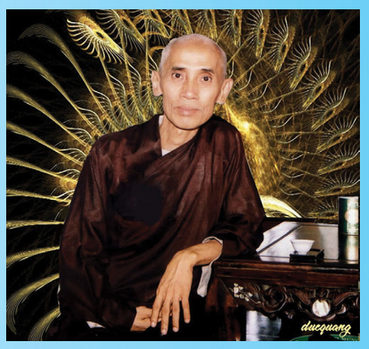

Đi vào cõi Thiền trong Thi ca là đi vào cõi mênh mông bạt ngàn, trùng trùng điệp điệp của muôn vàn cảm xúc. Ngôn ngữ của Thiền trong Thi ca bất luận sử dụng theo một cấu trúc nào nó vẫn luôn hàm chứa những triết lý siêu việt, vượt ra ngoài cảm quan và tri giác của cuộc sống đời thường. Tính Thiền trong Thi ca là một dạng ngôn ngữ được sử dụng như là một công cụ tìm kiếm chân lý, hay nói cách khác là lịch nghiệm nó bằng sự rung động của trái tim hơn là để hiểu nó.

Nói về Thi ca và Thiền, Tuệ Sỹ viết: "… Muốn cho lời thơ tuyệt diệu thì phải là không gò ép vừa không vừa tĩnh. Tĩnh cho nên thâu tóm hết mọi vọng động; không cho nên bao hàm vạn cảnh. Ngắm nhìn sự đời bôn ba giữa đời mà như thấy mình nằm trên chóp đỉnh non cao. Đủ hết mặn nồng, chua chát trong đó có cái hương vị tuyệt vời."

… Đạt tới cõi thượng thừa của thơ, như người học thiền chứng chỗ không tịch của Đạo; cái đó vừa khó, vừa dễ. Học Thiền ba mươi năm đày đoạ thâm tâm mà không thành. "Phẫn chí bỏ đi, bất chợt thấy một cánh hoa rơi, cõi không tịch cũng hốt nhiên, đột ngột mở ra chỗ ảo diệu đó". Vì thế, tính Thiền trong Thi ca luôn ẩn chứa những tư tưởng uyên áo, thậm thâm vi diệu.

Thử đọc bài thơ của Thiền sư Từ Đạo Hạnh (1072 - 1117) bàn về triết lý Có Không (hữu không) thâm u viễn viễn đầy thuyết phục:

"Tác hữu trần sa hữu
Vi không nhất thiết không
Hữu không như thủy nguyệt
Vật trước hữu không không".

(Có thì có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa xem bóng nguyệt lòng sông
Ai hay không có, có không là gì?)

Bằng sự quán chiếu tu tập sâu sắc về triết lý Tánh Không, Thiền sư đã trực ngộ được bản thể của vũ trụ nhân sinh là thâm diệu mà ngôn ngữ thế gian không thể diễn đạt hết nghĩa lý sâu xa, nó chỉ có thể"thực chứng" với nỗ lực của tự thân.

Vì tự tại vô ngại với vạn pháp mà Thiền sư nhìn hoa rơi mà chẳng thấy xuân tàn, nhìn lá vàng rơi mà chẳng thấy mùa thu úa màu. Mãn Giác Thiền sư (1052 - 1096) trong "Cáo Tật Thị Chúng" đã cho chúng ta diện mạo của một mùa xuân miên viễn như thế:

"Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tùng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai".

(Xuân ruổi trăm hoa rụng
Xuân tới, trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước một nhành mai).

Sanh, trụ, dị, diệt hay xuân, hạ, thu, đông là quy luật tuần hoàn tất yếu của vũ trụ, nhưng qua cái nhìn "vô ngã tính" và cách chuyển tải triết lý Phật giáo bằng ngữ điệu Thi ca của Thiền sư, bài thơ đã trở nên bất hủ.

HÀN MẶC TỬ
(1912 — 1940)

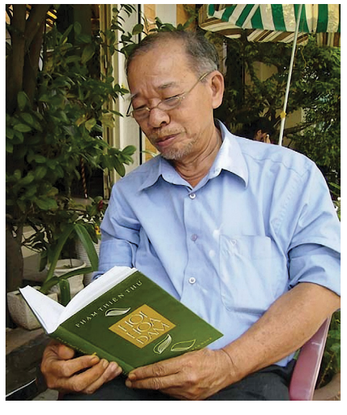

Cứu cánh của Thiền là "đốn ngộ", là đưa hành giả trở về với "Bản lai diện mục". Cho nên, dù chỉ là những câu thoại đầu đơn giản hay những bài kệ, câu thơ ngắn gọn nhưng cũng có thể trở thành chiếc bè để đưa hành giả sang bên kia bờ giác ngộ.

Chỉ là chuyện đói thì ăn, khát thì uống thôi mà Trần Nhân Tông (1258 - 1308), sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm, đã chỉ cho chúng ta một "công án" Thiền trong bài "Kệ Vân" (bốn câu cuối của "Cư Trần Lạc Đạo Phú"):

"Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền".

(Cư trần vui đạo hãy tùy duyên,
Đói cứ ăn no, mệt ngủ liền.
Báu sẵn trong nhà thôi khỏi kiếm,
Vô tâm trước cảnh hỏi gì thiền.).

Thơ Trần Nhân Tông vừa mang tính chất uyên bác thâm u của một Thiền sư, vừa mang tính chất dân dã nên dễ đi vào lòng người. Từ sự thực nghiệm sâu sắc về Thiền đi đến một đời sống tâm linh đầy phóng khoáng, không gò bó bởi hình tướng của thế gian. Đọc bài thơ "Nguyệt" ta mới cảm nhận sự rung cảm đầy chất lãng mạn của Ngài:

"Bán song đăng ảnh mãn sàng thư,
Lộ trích thu đình dạ khí hư,
Thụy khởi châm thanh vô mích xứ,
Mộc tê hoa thượng nguyệt lai sơ".

(Đèn song chếch bóng, sách đầy giường,
Đêm vắng, sân thu lác đác sương,
Thức dậy tiếng chày đâu chẳng biết,
Trên cành hoa quế, nguyệt lồng sương).

Nhìn thấy trăng trong giọt sương lung linh huyền ảo giữa đêm khuya thanh vắng chỉ có Thi sĩ và Thiền sư mới nhìn được. Khách thể là trăng, chủ thể là thi nhân. Cả chủ thể lẫn khách thể đang gặp nhau trong cuộc tồn sinh phiêu phong bạt ngàn vô tận.

Trăng trong thơ Lý Bạch thì khác, ông u uẩn trong trăng niềm cô liêu khắc khoải về một quê hương xa xăm vời vợi. Bài thơ "Tĩnh Dạ Tứ" thể hiện điều đó:

"Sàng tiền minh nguyệt quang
Nghi thị địa thượng sương
Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương".

(Đầu giường trăng tỏ rạng
Đất trắng ngỡ như sương
Ngẩng đầu nhìn trăng sáng
Cúi đầu nhớ cố hương).

Cái chếch choáng mờ ảo giữa màn đêm, hồn thơ Lý Bạch đã bay bỗng lâng lâng vào cõi mộng ảo bao la đất trời. Ở đây trăng là sương hay sương là trăng? Hay như cuộc đời mộng thực, tỉnh mê mờ ảo?

Hàn Mặc Tử thì điên với trăng trong thống ẩm cuồng ca:

"Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng,
Trăng Trăng!
Ai mua trăng tôi bán trăng cho
Không bán đoàn viên, ước hẹn hò…
Bao giờ đậu trạng vinh qui đã
Anh lại đây tôi thối chữ thơ.
…
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi
Tôi lần cho trăng một tràng chuỗi
Trăng mới là Trăng của Rạng Ngời
Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng,
Trăng, Trăng!".
(Trăng Vàng Trăng Ngọc)

Trăng trong Thi ca có khi là cái đẹp trong sáng hồn nhiên, nhưng cũng có khi là giọt lệ chia ly, là tiếng hờn lưu lạc, là chứng nhân cho nội tâm đắng cay, sầu khổ.

Tô Đông Pha không thổn thức trong trăng mà nghẹn ngào trong đêm mưa buồn thanh vắng:

"Thềm vắng, đêm mưa, buồn da diết
Nghẹn ngào cô quạnh khóc ai đây".

Hay như Tuệ Sỹ một mình bước đi heo hút cô liêu trên đỉnh tuyết để tìm lại hồn mình trong"dấu tích hoang đường":

"Ai tóc trắng đìu hiu trên đỉnh tuyết
Bước chập chùng heo hút giữa màn sương
Viên đá cuội mấy nghìn năm cô quạnh
Hồn tôi đâu trong dấu tích hoang đường".

Trong cuộc phiêu bồng lang thang từ mấy nẻo luôn hồi, thi nhân cảm nhận cuộc sống như là một cuộc chơi. Vũ Hoàng Chương ngậm ngùi:

"Ta còn để lại gì không?
Kìa non đá lở nọ sông cát bồi,
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về".

Bùi Giáng cứ ngỡ dạo gót trần gian chơi một chút rồi đi, nhưng "Có ngờ đâu ở mãi đến bây giờ." Và cuộc chơi đó vẫn đến hồi kết:
"Rồi tôi cũng phải xa tôi
Đời tài hoa cũng xa xôi ven trời".

Trịnh Công Sơn xem cuộc đời như hạt bụi trong cuộc tồn sinh rong chơi lữ thứ... *"Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi / Để một mai vươn hình hài lớn dậy / Ôi cát bụi tuyệt vời / Mặt trời soi một kiếp rong chơi...".*

Thiền sư và Thi sĩ tuy đi hai con đường nhưng chung một hướng. Thiền sư đi tìm sự chứng ngộ tâm linh, còn thi sĩ đi tìm cái đẹp trong muôn trùng cảm xúc bao la bạt ngàn của con người và vũ trụ vạn hữu.

Thơ và Thiền gặp nhau trong cảm nhận tri thức và trực giác. Thiền không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt, mà thơ cũng không thể dùng lời để diễn đạt hết xúc cảm của nội tâm. Thơ là"Thi thị khả giảng bất khả giảng chi gian" có nghĩa là thơ có cái giảng và có cái không thể giảng được. Thơ và Thiền nằm trong cái siêu nhiên đó. Cho nên, những bài thơ tuy là thơ thiền nhưng vẫn phóng khoáng. "Phạm Thiên Thư trong tập thơ Đưa em tìm động hoa vàng" có đoạn viết:

"Mùa Xuân mặc lá trên ngàn
Mùa Thu mặc chú bướm vàng tương tư
Động Nam Hoa có Thiền sư
Đổi kinh lấy rượu tâm hư uống tràn."

Khi Thiền sư đủ bản lĩnh để đổi kinh lấy rượu rồi là thong dong "thõng tay vào chợ", "kỵ ngưu quy gia", giải thoát và giác ngộ.

Thiền sư Ngốc Tử muốn lên cõi Niết Bàn vẫn thương cho người ở lại:

"Tim này ví xẻ làm đôi
Nửa dâng cúng Phật chao ôi còn nàng?
Lung linh dưới ánh trăng vàng
Như Lai Điều ngự trên làn tóc em."

Như Lai là Điều Ngự, điều ngự cũng có nghĩa là về ngự trên làn tóc em. Trong em, Thiền sư nhìn thấy được thấp thoáng có bóng dáng của Như Lai dưới ánh trăng vàng lung linh huyền ảo.

Hai câu thơ sau của Thiền sư Thiện Quang cũng mang Từ bi tâm của công hạnh Bồ Tát:

"Ta sợ khi ta thành chánh quả
Nghìn năm chẳng thấy dấu chân em".

Ta là Thiền sư biết chuyển hóa tự thân, đoạn trừ khổ đau, đạt đến cảnh giới Niết Bàn vẫn thương cho em cứ mãi rong ruổi trôi dạt trong biển sanh tử luân hồi.

Tính Thiền trong Thi ca không chỉ là những triết lý siêu việt, ngôn ngữ huyền ảo mà cũng có lúc phóng khoáng với một tinh thần lạc quan, yêu đời.

Cuộc đời chúng ta như những "Con chim ở trọ trần gian, con cá ở trọ trong khe nước nguồn...", thắc mắc làm chi bến nọ bờ kia.

Dù sao ta cũng phải cám ơn trần gian tạm bợ này như nhà thơ Bùi Giáng:

"Ta cám ơn trần gian này lắm lắm
Nhờ nơi đây ta biết được vui sầu".

Và vẫn biết rằng "Luân Hồi Có Nhau" như nhà thơ Thái Tú Hạp:

"Ta về tịch mặc ngàn hoa
Lá cao vút đẫm mây qua đỉnh trời
Nhân gian dành trọn cuộc chơi
Ta cùng em hát bên đồi xuân xưa
Nhất quán rồi - mộng mai sau
Tâm vô lượng mở - có nhau luân hồi
Cảm ơn thơ, cảm ơn đời
Trăm năm nhật nguyệt, đầy vơi nghĩa tình".

Tính Thiền trong Thi ca vượt ra ngoài ngôn ngữ của thế gian, vượt ra ngoài luận lý của con người, chỉ có thể cảm nhận nó bằng sự rung cảm của tâm hồn.

Kỷ niệm Khóa Tu Học Bắc Mỹ,
8 / 2013
(hanlongan@gmail.com)

Vài nét về chùa BẢO SƠN

Tỳ kheo Thích Huệ Giáo

Chùa Bảo Sơn được thành lập vào ngày 01 tháng 11 năm 2010, tại Thị trấn Murrieta thuộc County Riverside, Tiểu bang California nước Mỹ. Tên chùa, trước tiên được lấy lại từ ngôi tổ đình của Thầy tổ chúng tôi xuất gia tại quê hương Bình Định, bây giờ không còn nữa, sau đó cộng thêm vào ý tưởng ngoại cảnh, từ một dãy núi đẹp đầy lá xanh bao phủ và bạt ngàn hương thơm đồng nội, được cuốn quyện và tung bay theo từng làn gió nhẹ phảng phất từ phía sau lưng đất chùa thổi vào. Đây là một ngôi chùa nằm vỏn vẹn trong khuôn viên đất rộng 24,000 Sft, từ một ngôi nhà gỗ nhỏ cũ kỹ sửa lại thành ngôi chánh điện trang nghiêm xinh xắn, đủ để làm mát lòng người con Phật gần xa đến chiêm bái. Một lợi thế nơi khu dân cư ít người, do đó sự yên tĩnh trọn vẹn bao trùm ngôi chùa vào mọi thời khắc, không khí thật là thanh bình, se lạnh khi hoàng hôn phủ xuống. Phía sau lưng của chùa có một ngọn đồi nhỏ nằm trong khuôn viên đất, nơi đây đã kiến tạo một trong bốn thánh tích quan trọng trong cuộc đời hoằng hoá của Đức Phật là vườn Lộc uyển. Hình ảnh Đức Phật thuyết bài pháp đầu tiên cho năm anh em Kiều Trần Như, đó là những vị đệ tử đầu tiên, ngộ đạo qua chân lý: KHỔ - TẬP - DIỆT - ĐẠO. Phía sau lưng đất chùa là một hòn núi rộng trải dài và bao phủ, luôn luôn có những ngọn gió mát dịu thổi vào từng ngõ ngách của chùa, tạo cho không khí thêm trong lành, tươi mát.

Thị trấn không đông dân này, lại càng ít người Việt Nam sinh sống, do đó ngôi chùa vẫn còn thưa thớt người địa phương, lẫn người Việt Nam đến chùa lễ Phật. Vào những ngày tu tập, phần lớn là những Phật tử từ phương xa như ở Santa Ana, Los Angeles và San Diego cùng các vùng phụ cận đến tham dự.

Sở dĩ, ngôi chùa được hình thành nơi đây, chính là từ tâm nguyện của những người con Phật, nơi đâu chưa có chùa thì nơi đó cần được kiến tạo ngôi già lam để mang đạo vào đời và làm lợi ích chúng sanh. Mặc dầu, vẫn biết khó khăn trước mắt, nhưng với tâm nguyện độ sanh, hy vọng

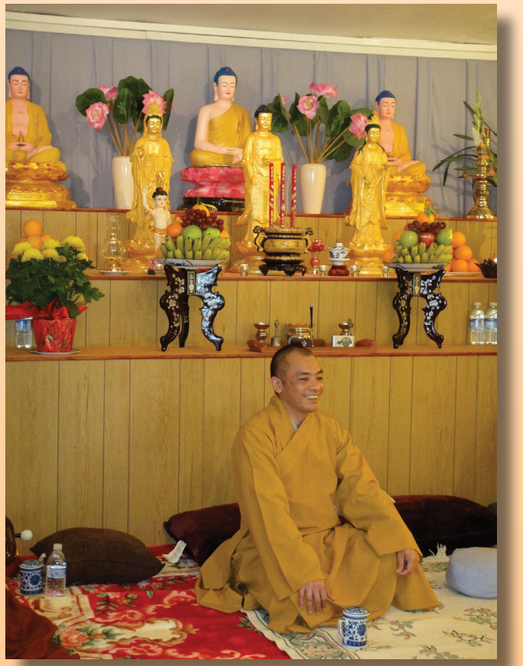

trong tương lai ngôi chùa cũng sẽ được hoàn thành và đi vào ổn định cuộc sống tâm linh.

Vào thời điểm này, nếu nói là ngôi chùa thì chưa đúng nghĩa của nó, nhưng là một tịnh thất và một hội chúng tu tập thì chắn chắn phải có, nếu hiểu rằng tâm thanh tịnh là đạo tràng thì Bảo Sơn đã là một đạo tràng.

Với ước nguyện của người con Phật, thiết lập tịnh độ ngay đây và ngay thế giới này, thì ý nghĩa xây chùa và dựng tháp miếu thật sự cần thiết bất cứ nơi đâu, thời gian nào, không cần chúng ta phải bàn cãi, chùa to chùa nhỏ, chùa chiền quá nhiều, so với số lượng nhu cầu của Phật tử. Đạo Phật sản sinh ra người con Phật chứ không phải người con Phật sản sinh ra đạo, đạo Phật là gốc, đã có, người con Phật chúng ta chỉ có nhiệm vụ gìn giữ và phát triển, chứ không cần phải suy nghĩ.

Vài nét về ngôi chùa Bảo Sơn, xin dâng trình lên chư Tôn Đức và gửi đến toàn thể Quý Phật tử, xem đây là một pháp khí của tòa nhà đạo pháp hiện hữu tại thế gian.

Trân trọng,

GÂY QUỸ XÂY DỰNG TƯỢNG PHẬT - BỒ TÁT - LẦN 1

ĐỨC PHẬT ĐÃ NÓI GÌ VỀ VIỆC ĂN THỊT

Tỳ kheo Ajahn Brahmavamso
Tỳ kheo Thiện Minh *dịch*

Giới thiệu: Tỳ kheo Brahmavamso là một tu sĩ người Anh. Ông xuất gia năm 23 tuổi sau khi tốt nghiệp Đại học Oxford ở Anh quốc. Ông là một trong những vị đệ tử người Tây phương đầu tiên của ngài thiền sư Ajahn Chah, Thái Lan. Hiện nay, ông là vị Tăng trưởng Tu viện Bodhinyana (Giác Minh) và là vị lãnh đạo tinh thần Hội Phật Giáo Tây Úc.

Ngay từ lúc Đạo Phật được thành lập hơn 2.500 năm về trước, các Tăng Ni vẫn sống nhờ vào việc khất thực. Trước kia và hiện giờ cũng vậy, họ không được phép trồng tỉa lấy lương thực, không được tích lũy thực phẩm, cũng như không được tự nấu nướng thức ăn. Thay vào đó, mỗi buổi sáng họ dùng bữa của mình bằng cách sử dụng bất kỳ thứ gì các Phật Tử đã tự nguyện dâng cúng cho họ. Cho dù thức ăn có giàu năng lượng hay kém phẩm chất, khoái khẩu hay khó ăn, tất cả đều được họ chấp nhận với lòng tri ân và được xem như là dược phẩm để duy trì sự sống. Đức Phật đã đặt ra nhiều giới luật ngăn cấm chư Tăng không được đòi hỏi thức ăn mà họ ưa thích. Kết quả là chư Tăng chỉ nhận các loại thực phẩm giống hệt như thức ăn người dân thường hay sử dụng - và thông thường thì các thực phẩm đó có chứa thịt cá.

Một lần nọ, có một vị tướng giàu có và đầy uy thế tên là Siha (nghĩa là"Sư tử") đến thăm Đức Phật. Tướng quân Siha trước kia là đồ đệ hết lòng ủng hộ các tu sĩ Kỳ-na giáo; nhưng ông rất cảm động và cảm kích sau khi nghe những lời dạy của Đức Phật, nên ngay trong buổi gặp gỡ đó, vị tướng này đã xin quy y Tam Bảo (nghĩa là trở thành Phật tử). Sau đó, tướng quân Siha mời Đức Phật cùng với một số rất đông các vị chư Tăng đến nhà của ông trong Thành phố để dùng cơm vào buổi sáng hôm sau. Để sửa soạn cho bữa cúng dường thức ăn đó, tướng quân Siha ra lệnh người đầy tớ đi mua một số thịt ở chợ để dùng vào dịp lễ này. Khi các vị tu sĩ Kỳ-na giáo nghe biết được sự quy y Phật Pháp của người bảo trợ cũ của họ và ông ta đang sửa soạn một bữa cơm cúng dường Đức Phật cùng chư Tăng, họ trở nên bực tức và nói rằng:

"Từ nay sẽ có nhiều vị đạo sĩ Ni-kiền (tu sĩ Kỳ-na giáo) vẫy tay, than phiền từ đường xe ngựa này đến đường xe ngựa khác, từ khắp ngã rẽ này sang ngã rẽ khác trong thành phố, rằng: Ngày hôm nay tướng quân Siha đã giết một con vật béo, để dọn một bữa tiệc thiết đãi ẩn sĩ Cồ Đàm (Đức Phật). Ẩn sĩ Cồ Đàm đã cố ý ăn thịt từ con vật mà ông ta biết đã được giết để thiết đãi ông ta và các vị chư tăng đi theo; và việc này được thực hiện chỉ vì ông ta mà thôi"[1]

Thật ra, tướng quân Siha đã phân biệt rất hợp với đạo đức, giữa một bên là thịt mua tại chợ đã được giết mổ sẵn để bán và bên kia là mua một con vật còn sống và ra lệnh giết. Sự phân biệt này không mấy hiển nhiên đối với một số người Âu Mỹ, nhưng đã được ghi chép rất nhiều lần trong giáo lý của Đức Phật. Thế rồi, để xác định rõ thái độ về việc ăn thịt cho chư Tăng, Đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ-kheo, Ta cho phép các vị dùng thịt cá trong ba trường hợp sau đây: thịt này phải chưa được các vị nhìn thấy, các vị chưa được nghe biết, hoặc giả chư vị không có gì phải nghi ngờ là con vật đó đã được sát sanh chỉ nhằm mục đích thiết đãi cho chư vị. Nhưng các vị không được cố tình sử dụng thứ thịt đã được giết chỉ dành cho các vị sử dụng mà thôi."[2]

Có nhiều đoạn trong Kinh điển Phật giáo cho thấy Đức Phật và các vị chư Tăng của ngài được cúng dường thịt và các ngài cũng nhận để ăn. Một trong những đoạn kinh nầy được viết trong phần mở đầu câu chuyện liên quan đến một giới luật hoàn toàn không liên quan gì đến thịt (Ni-tát-kỳ Ba-dật đề, Xả đọa pháp, 5) và thoáng qua cho thấy thịt nói

ở đây hoàn toàn chỉ là ngẫu nhiên đối với đề tài chính mà câu chuyện muốn nhấn mạnh đến tính xác thực của đoạn văn:

- Bà Uppalavanna (Liên hoa sắc) là một trong hai vị nữ đại đệ tử của Đức Phật. Bà thọ giới tỳ-kheo-ni khi vẫn còn trẻ và chẳng bao lâu đã được giác ngộ hoàn toàn. Ngoài sự kiện bà là một vị A-la-hán, bà còn có nhiều uy lực thần thông đến độ chính Đức Phật đã tuyên bố bà là người lỗi lạc nhất trong số tất cả các vị nữ đệ tử về mặt này. Một lần kia, trong khi bà Uppalavanna đang ngồi tham thiền một mình vào buổi trưa tại khu vườn"Người Mù", trong một cánh rừng hẻo lánh bên ngoài thành Xá-vệ, có một vài tên cướp đi ngang qua đó. Mấy tên cướp vừa mới đánh cắp một con bò, giết con vật và chạy trốn với một ít thịt. Vừa nhìn thấy một vị ni sư tham thiền điềm tĩnh và nghiêm trang, tên cướp đầu sỏ đã nhanh nhẹn bỏ một ít thịt bò trong một cái bao làm bằng lá cây và để lại cho ni sư. Ni sư Uppalavanna nhặt miếng thịt bò lên và quyết định dâng cúng cho Đức Phật. Ngay sáng sớm hôm sau, sau khi đã nấu thức ăn với thịt đó, bà cất mình lên không trung và bay tới nơi Đức Phật đang ngụ, tại Trúc Lâm bên ngoài thành Vương Xá, và như thế Ni sư đã bay một quãng đường trên 200 kí-lô-mét. Mặc dù không nghe nói đến việc Đức Phật đã thực sự sử dụng món thịt đó, nhưng rõ ràng là một ni sư có nhiều thần thông ắt hẳn bà đã biết Đức Phật dùng món ăn nào.

Tuy nhiên cũng có một số thịt đặc biệt cấm các vị chư tăng không được sử dụng. Đó là: thịt người, vì những lý do đã quá rõ ràng; thịt voi và thịt ngựa vì trong thời kỳ đó, hai con vật này được coi là thú vật của nhà vua; thịt chó - vì dân chúng thường coi chó là con vật ghê tởm; thịt rắn, sư tử, cọp, báo, gấu và linh cẩu - vì người ta tin rằng ai ăn thịt những loài thú rừng nguy hiểm này sẽ toát ra một mùi đặc biệt có thể khiến cho các con vật đồng loại tấn công người đó để trả thù.

Vào cuối cuộc đời Đức Phật, người anh họ của ngài tên là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) có ý định chiếm quyền lãnh đạo Tăng đoàn. Để có được hậu thuẫn của các vị khác, Devadatta đã cố gắng tỏ ra nghiêm khắc hơn cả Đức Phật và muốn chứng minh rằng Đức Phật có phần dễ duôi. Devadatta đề nghị với Đức Phật là tất cả các vị Tăng Ni đều phải "ăn rau đậu" ("ăn chay trường"). Đức Phật đã từ chối và một lần nữa Ngài nhắc lại một giới luật mà Ngài

đã thiết lập nhiều năm về trước, qui định tất cả các Tăng Ni có thể ăn thịt hay cá, khi nào biết rõ thịt con vật đó không bị cấm sử dụng và khi họ không có lý do gì để nghi ngờ rằng con vật đó được giết đặc biệt dùng để chiêu đãi họ (Tam tịnh nhục).

Hồi đó, Luật đã đề cập rõ ràng đến vấn đề này. Các vị Tăng Ni có thể ăn thịt. Ngay cả Đức Phật cũng đã dùng thịt. Tiếc thay, một số người Tây Phương ngày nay thường xem việc ăn thịt đối với các vị Tăng Ni như là sự nuông chiều ưu đãi. Đó là một điều rất xa sự thật - vì tôi đã từng thực hiện việc"ăn chay trường"được ba năm trước khi trở thành một tu sĩ. Trong năm đầu khi tôi tu học tại vùng Đông Bắc Thái Lan, tôi đã phải cố gắng đối diện với nhiều bữa ăn chỉ có cơm nếp với ếch luộc (ăn toàn bộ cả thịt lẫn xương), hoặc với ốc sên dai như cao su, hoặc kiến càng nấu với cà-ri, hoặc châu chấu chiên giòn - tôi nghĩ có lẽ người"ăn chay"là người tốt phước hơn! Nhân ngày Lễ Giáng Sinh đầu tiên tại miền Đông Bắc Thái Lan, một người Mỹ đến thăm tu viện khoảng độ một tuần trước ngày 25 tháng 12. Thật khó có thể tin nổi, ông ta có một trại nuôi gà tây, và rồi, ông ta đã nhanh chóng nhận ra chúng tôi đang phải sống trong hoàn cảnh khổ sở như thế nào. Ông ta hứa sẽ đem đến cho chúng tôi một con gà tây để ăn Giáng Sinh. Ông ta bảo sẽ chọn một con gà tây thật to béo đặc biệt dành cho chúng tôi... và tôi thấy nản lòng. Chúng tôi không thể nhận thịt gà tây đó khi biết đích xác con vật bị giết lấy thịt đặc biệt để cho các vị Tăng Ni sử dụng. Chúng tôi từ chối không nhận món quà đó. Thế là tôi đành phải quay về với thức ăn của cư dân trong làng - lại cơm nếp với ếch luộc.

Các vị tăng ni không được lựa chọn gì cả khi đến bữa ăn và điều này còn khó khăn hơn là "ăn chay trường". Tuy nhiên, chúng ta có thể khuyến khích việc ăn rau đậu, và nếu như những vị cư sĩ hộ tăng đem đến cúng dường chư Tăng toàn là thực phẩm rau đậu và không có thịt, thì trong trường hợp đó, các vị sư cũng không phàn nàn. Mong rằng quí vị hiểu cho điều nầy, và hãy đối xử tốt với các loài thú vật.

Tài liệu tham khảo

[1] Book of the Discipline (Luật tạng), vol. 4, p.324
[2] ibid, p. 325

Nguyên tác: "What the Buddha said about eating meat?", Ajahn Brahmavamso, Tỳ kheo Thiện Minh dịch.

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG XÂY TƯỢNG PHẬT - BỒ TÁT VÀ CHƯ VỊ LA HÁN TẠI CHÙA BẢO SƠN

Danh sách này nếu có thiếu xót, Quý Phật tử niệm tình hoan hỷ!
Nguyện đem phước báo này hồi hướng đến sự an lạc cho tất cả chúng sanh trong pháp giới, và những hương linh còn đâu đây sớm được siêu thoát.

STT	TÊN HỌ	PHÁP DANH	ĐỊA CHỈ	TỊNH TÀI	GHI CHÚ
1	Lưu Ngọc Tâm	Quang Ngọc	San Diego	2000$	
2	Lê Bửu Chi		San Diego	1000$	
3	Nhuận Hương Điệp		San Diego	1000$	
4	Nguyễn Thị Thoa	Diệu Thoa	San Diego	40$	
5	Nguyễn Thị Bê		San Diego	20$	
6	Võ Thanh Hằng		San Diego	20$	
7	Thích Nữ Như Bình		Temecula	500$	
8	Thích Nữ Như Châu		Temecula	1000$	
9	Que Kim Ho		San Diego	100$	
10	Cao Thị Hường		San Diego	100$	
11	Huệ Linh		San Diego	100$	
12	Tô Hán Hoan		San Diego	100$	
13	Trần Phước Hùng		San Diego	100$	
14	Trần Quang Đức		San Diego	60$	
15	Trần Thanh Sơn		San Diego	100$	
16	Phùng Muối		San Diego	100$	
17	Ngô Hiếu		San Diego	50$	
18	Trịnh Mùi		San Diego	100$	
19	Ngô Tư Trung		San Diego	50$	
20	Ngô Nhơn		San Diego	100$	
21	Ngô Tú Châu		San Diego	100$	
22	Trần Ngọc Minh		San Diego	100$	
23	Trần Thanh Kim		San Diego	100$	
24	Huynh Nghĩa - Thao Châu		victorville	900$	
25	Thanh Hương - Tâm Tráng		Hawwail	500$	
26	Tân- Thùy		Murrieta	2000$	
27	Huỳnh Văn Vi		Hawwail	500$	
28	Huỳnh Nguyệt Hồng		Hawwail	1000$	
29	Huỳnh Tòng Vĩ		Hawwail	500$	
30	Huỳnh Mỹ Hóa		Hawwail	300$	
31	Nguyễn Thị Bé- Diệu Phước		Murrieta	300$	
32	Gia đình Elaine Wong		Murrieta	400$	
33	Phan Ngoc Trân	Nhuận Bảo	Việt Nam	50$	
34	Nguyễn Thị Kim Tuyết	Nhuận Sương	Corona	50$	
35	Tô Mẫn		San Diego	100$	
36	Chú Tư		San Diego	10$	
37	Bùi Thị Quỳnh Nga	Nguyen Hoa	Temecula	100$	
38	Bùi Thị Ánh Tuyết	Nguyên Ân	Temecula	100$	
39	Nguyễn Ngọc Mindy	Phổ Thảo	Temecula	20$	
40	Nguyễn Ngọc Nikki	Phổ Hiếu	Temecula	20$	
41	Trần Thị Vân	Lệ Nguyệt	Temecula	300$	
42	Nguyễn Thị Hiền		San Diego	1000$	
43	Nguyễn Văn Quân		Temecula	100$	

44	Sao Võ		San Diego	100$	
45	Thanh Thúy		San Diego	70$	
46	Diệu Ngọc		Murrieta	400$	
47	Bùi Thị Mỹ Thanh		Temecula	1000$	
48	Dung Phamacy		San Diego	100$	
49	Trương Thị Lương		San Diego	35$	
50	Từ Túy Phụng		San Diego	35$	
51	Diệu Liên- CHơn Quảng		San Diego	35$	
52	Phước Diệu		San Diego	35$	
53	GĐ Tâm Lưu		San Diego	350$	
54	Lisa Lương			50$	
55	Ashley			50$	
56	Sanh Lan		Murrieta	170$	
57	Bác Thời		San Diego	20$	
58	Trần Đào			100$	
59	Hà Nho			50$	
60	Vương Loan			50$	
61	Phạm Hòa			20$	
62	Allenana Wong			20$	
63	GĐ Ngô Chánh				
64	GĐ Ngô Ngọc Anh				
65	Gđ Ngô Hén				
66	Gđ Ngô Ngọc Khánh				
67	Gđ Ngô Minh				
68	Gđ Ngô Đức		Temecula	3,300$	
69	Gđ Tăng Mỹ Tâm				
70	Gđ Tăng Kim Thu				
71	Gđi Tăng Kim Loan				
72	Gđi Tăng Kim Vốn				
73	Gđi Tăng Vạn Cường			1,200$	
74	Gđ Tạ Nguyệt Nga				
75	Gđ Tạ Lê Xiếu				
76	Gđi Tạ Lê Vân			750$	
77	Chị Thủy (Vân)		San Diego	100$	
78	Gđ Trí Cường		San Diego	20 $	
79	Bùi Ái Tân		Temecula	300$	
80	Cường Liên		Temecula	500$	
81	Anh Mẫn		Temecula	500$	
82	Bùi Mai		San Diego	200$	
83	Anh Sỏi		Peris	40$	
84	Cường Thúy		Peris	50$	
85	Loan Sừ		Peris	50$	
86	Nguyệt Nga		Temecula	100$	
87	Minh Đức		Temecula	130$	
88	Ngô Khanh		Temecula	130$	
89	Phạm Xí Hùng		Temecula	100$	
90	Alearn Vuong		Temecula	200$	
91	Diệu Ngọc		Temecula	200$	
92	Minh Nguyệt		Temecula	50$	
93	Chị Tiếng		San Diego	50$	
94	Hùng Nguyễn		San Diego	100$	
95	Gđ Nguyễn Thị Thọ		Widorma	550$	

DẤU ẤN BẢO SƠN

VĂN NGHỆ GÂY QUỸ THỈNH TƯỢNG PHẬT BỒ TÁT - LẦN 2

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát.

Kính bạch chư Tôn Thiền Đức,
Kính thưa các bậc Cha Mẹ,

Chúng con đã từng nghe có một nhà thơ đã nói:

Ngôn ngữ trần gian túi rách
Chứa không đầy hai tiếng Mẹ ơi.

Thật vậy, công ơn sanh thành và nuôi dưỡng của cha và mẹ đến với chúng con như trời cao, như biển rộng, thế mà cuộc đời này quá ngắn ngủi làm sao chúng con có thể báo đáp công ơn này trong muôn một:

Tần tảo sớm hôm Mẹ nuôi con khôn lớn
Mang cả tấm thân Cha che chở đời con.

Những bậc cha mẹ có thể hy sinh cả tánh mạng để tạo nhiều niềm vui, hạnh phúc cho chúng con, dù trong đêm khuya lạnh buốt, hay giữa trưa hè nắng gắt, lời ru của mẹ, giọng hát của cha vẫn ngọt ngào muôn thuở

Đi khắp thế gian không ai tốt bằng Mẹ.
Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng Cha.

cảm niệm Cha Mẹ

các người con Đảo Sơn

Cuộc đời chúng con, có quá nhiều vấp ngã, lắm chuyện vui buồn, chỉ những lúc ánh mắt mẹ hiền, và nắm tay khô cằn của Cha, chúng con đủ nghị lực để đứng vững giữa cuộc đời.

Nước biển mênh mông không đong đầy tình Mẹ.
Mây trời lồng lộng không phủ kín công Cha.

Hạnh phút thay, cho những ai còn Cha Mẹ trên trần thế, và ngậm ngùi thay những người con đã mất mẹ. Mất Mẹ như mất cả bầu trời. Mất Cha như mất cả đường đi lối về.

Các bạn ơi, chúng ta hãy trân quý những gì đang còn đó, đừng bao giờ để hối hận, để nuối tiếc, và để buồn khổ khi Cha Mẹ không con. Trong giờ phút này, chúng ta hãy để tâm nhớ lại những công ơn sâu dày của Cha Mẹ, bằng tấm lòng hiếu thảo, hãy nhớ rằng:

Ai còn Mẹ xin đừng làm Mẹ khóc.
Đừng để buồn lên mắt Mẹ nghe không.

Chúng ta hãy cùng nhau, dâng tách trà dâng lên các bậc sanh thành, cầu nguyện cho Cha Mẹ đương tại thế phát nguyện tu trì thân tâm an lạc. Những người đã mất sớm siêu sanh tịnh độ.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát chứng minh

hoa vàng trước ngõ

Thấy hoa vàng trước ngõ
Dưới ánh sáng trong xanh
Hoa nở với cuộc đời
Đi theo cùng năm tháng.

Thấy hoa vàng trước ngõ
Xuyên qua mái rèm thưa
Hoa chen nhau sự sống
Và luôn cả nắng mưa.

Thấy hoa vàng trước ngõ
Như màu áo Phật bay
Tùy duyên đời ngũ trược
Lặng lẽ bóng cô liêu.

Thấy hoa vàng trước ngõ
Màu hoa của giải thoát
Hoa của cả tình thương
Xin hiến dâng cuộc đời.

HG

mặt đất

Ta là mặt đất
Lặng yên và thấu hiểu
Em là suối nguồn
Tắm mát đời ta
Ta là mặt đất
Lặng yên và thấu hiểu
Em là cỏ hoa
Tươi thắm cùng ta
Em hỡi em
Dù đời có đớn đau
Xin em đừng buồn tủi
Dù đời đầy giông tố
Xin em đừng tuyệt vọng
Ta bên em ta nghe và thấu hiểu
Bước đi em hãy bước đi em
Bước đi em trong niềm vui xoá bỏ ưu phiền
Thở đi em hãy thở đi em
Thở đi em tim em đừng đập vội
Ta trong em ta nghe và thấu hiểu
Đời có em như có thêm giọt nắng
Ta có em như có một cành hoa
Em của ta của mẹ của bao la
Em của ta của mẹ của muôn loài.

DL. Hạnh Hải

hoa đăng

Hoa là pháp bảo Phật trao
Đèn là ánh sáng dẫn vào chân tâm
Tích rằng tâm đã truyền tâm
Đèn kia tiếp nối cho ngàn đèn sau
Vô tận đăng một pháp mầu
Vượt qua biển khổ cứu ngàn sinh linh.

HG

nhẹ gánh

Nhẹ gánh hồng ta về chơi giữa phố
Thấy thong dong trên mỗi bước chân đi
Từng lớp người qua về trên phố thị
Ôi tình thương tràn ngập bất tư nghì.

Những đóa hoa ngày cũ đã úa tàn
Là vun đắp cho nụ hoa chớm nở
Chị em về vui cười bên dốc nhỏ
Ôi tình thương lan tỏa khắp không gian.

DL. Hạnh Hải

cuộc đời

Tuổi đời mong manh quá
Thoáng như giấc mộng dài
Giựt mình nhìn ngó lại
Hơn bốn mươi tuổi đời

Nhiều ngày trên cô lữ
Khách mỏi chân trở về
Tìm đâu là nẻo đến
Cước tóc nhuộm sương mây

Cuộc đời là quán trọ
Thân giả tạo rong chơi
Khi một vầng trăng chiếu
Tuổi đã nhuộm nắng chiều

Khúc vô thường rung chuyển
Bến mê trở hướng về
Bên lẳn cây ngọn gió
Sen hồng tỏa ngát hương.

HG

AN VỊ PHẬT

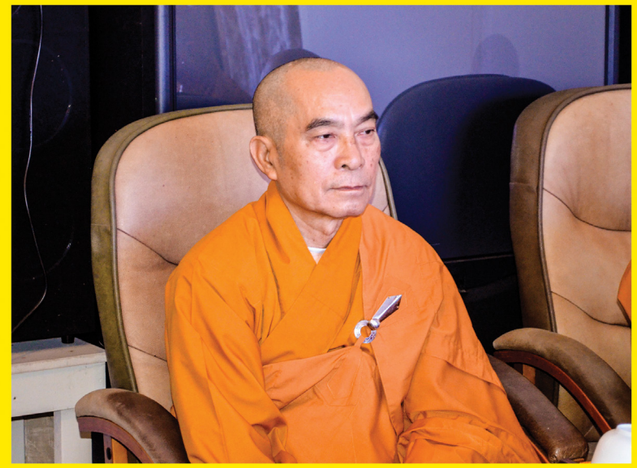

WHO WAS BUDDHA?

RICK FIELDS

SIDDHARTHA GAUTAMA WAS BORN around 567 B.C.E., in a small kingdom just below the Himalayan foothills. His father was a chief of the Shakya clan. It is said that twelve years before his birth the brahmins prophesied that he would become either a universal monarch or a great sage. To prevent him from becoming an ascetic, his father kept him within the confines of the palace. Gautama grew up in princely luxury, shielded from the outside world, entertained by dancing girls, instructed by Brahmins, and trained in archery, swordsmanship, wrestling, swimming, and running. When he came of age he married Gopa, who gave birth to a son. He had, as we might say today, everything.

The Buddha Emerging From His Mother's Side,
Third Century Pakistan, Courtesy The Freer Gallery

And yet, it was not enough. Something -something as persistent as his own shadow- drew him into the world beyond the castle walls. There, in the streets of Kapilavastu, he encountered three simple things: a sick man, an old man, and a corpse being carried to the burning grounds. Nothing in his life of ease had prepared him for this experience, and when his charioteer told him that all beings are subject to sickness, old age, and death, he could not rest. As he returned to the palace, he passed a wandering ascetic walking peacefully along the road, wearing the robe and carrying the single bowl of a sadhu, and he resolved to leave the palace in search of the answer to the problem of suffering. He bade his wife and child a silent farewell without waking them, rode to the edge of the forest where he cut his long hair with his sword and exchanged his fine clothes for the simple robes of an ascetic.

With these actions Siddhartha Gautama joined a whole class of men who had dropped out of Indian society to find liberation. There were a variety of methods and teachers, and Gautama investigated many—atheists, materialists, idealists, and dialecticians. The deep forest and the teeming marketplace were alive with the sounds of thousands of arguments and opinions, and in this it was a time not unlike our own.

Gautama finally settled down to work with two teachers. From Arada Kalama, who had three hundred disciples, he learned how to discipline his mind to enter the sphere of nothingness; but even though Arada Kalama asked him to remain and teach as an equal, he recognized that this was not liberation, and left. Next Siddhartha learned how to enter the concentration of mind which is neither consciousness nor unconsciousness from Udraka Ramaputra. But neither was this liberation and Siddhartha left his second teacher.

For six years Siddhartha along with five companions practiced austerities and concentration. He drove himself mercilessly, eating only a single grain of rice a day, pitting mind against body. His ribs stuck through his wasted flesh and he seemed more dead than alive. His five companions left him after he made the decision to take more substantial food and to abandon asceticism. Then, Siddhartha entered a village in search of food. There, a woman named Sujata offered him a dish of milk and a separate vessel of honey. His strength returned, Siddhartha washed himself in the Nairanjana River, and then set off to the Bodhi tree. He spread a mat of kusha grass underneath, crossed his legs and sat.

He sat, having listened to all the

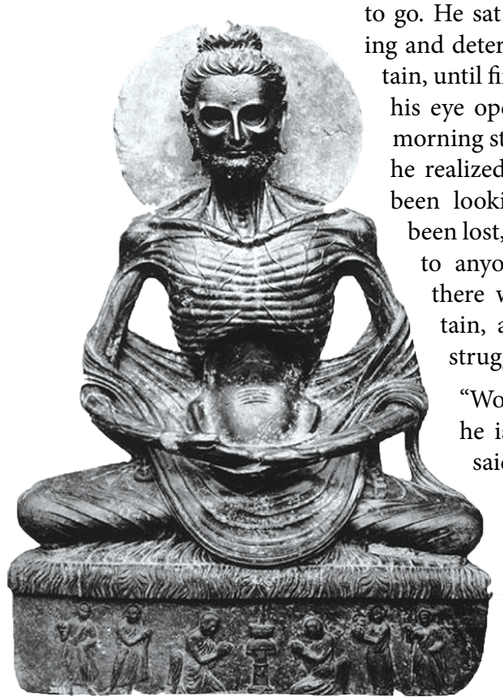

The Fasting Buddha, *Second or Third Century Gandhara, India, Courtesy Central Museum of Lahore*

teachers, studied all the sacred texts and tried all the methods. Now there was nothing to rely on, no one to turn to, nowhere to go. He sat solid and unmoving and determined as a mountain, until finally, after six days, his eye opened on the rising morning star, so it is said, and he realized that what he had been looking for had never been lost, neither to him nor to anyone else. Therefore there was nothing to attain, and no longer any struggle to attain it.

"Wonder of wonders," he is reported to have said, "this very enlightenment is the nature of all beings, and yet they are unhappy for lack of it." So it was that Siddhartha Gautama woke up at the age of thirty-five, and became the Buddha, the Awakened One, known as Shakyamuni, the sage of the Shakyas.

For seven weeks he enjoyed the freedom and tranquility of liberation. At first he had no inclination to speak about his realization, which he felt would be too difficult for most people to understand. But when, according to legend, Brahma, chief of the three thousand worlds, requested that the Awakened One teach, since there were those "whose eyes were only a little clouded over," the Buddha agreed.

Shakyamuni's two former teachers, Udraka and Arada Kalama, had both died only a few days earlier, and so he sought the five ascetics who had left him. When they saw him approaching the Deer Park in Benares they decided to ignore him, since he had broken his vows. Yet they found something so radiant about his presence that they rose, prepared a seat, bathed his feet and listened as the Buddha turned the wheel of the dharma, the teachings, for the first time. The First Noble Truth of the Buddha stated that all life, all existence, is characterized by duhkha—a Sanskrit word meaning suffering, pain, unsatisfactoriness. Even moments of happiness have a way of turning into pain when we hold onto them, or, once they have passed into memory, they twist the present as the mind makes an inevitable, hopeless attempt to recreate the past. The teaching of the Buddha is based on direct insight into the nature of existence and is a radical critique of wishful thinking and the myriad tactics of escapism—whether through political utopianism, psychological therapeutics, simple hedonism, or (and it is this which primarily distinguishes Buddhism from most of the world's religions) the theistic salvation of mysticism. Duhkha is Noble, and it is true. It is a foundation, a stepping stone, to be comprehended fully, not to be escaped from or explained. The experience of duhkha, of the working of one's mind, leads to the Second Noble Truth, the origin of suffering, traditionally described as craving, thirsting for pleasure, but also and more fundamentally a thirst for continued existence, as well as non-

existence. Examination of the nature of this thirst leads to the heart of the Second Noble Truth, the idea of the "self," or "I," with all its desires, hopes, and fears, and it is only when this self is comprehended and seen to be insubstantial that the Third Noble Truth, the cessation of suffering, is realized.

The five ascetics who listened to the Buddha's first discourse in the Deer Park became the nucleus of a community, a sangha, of men (women were to enter later) who followed the way the Buddha had described in his Fourth Noble Truth, the Noble Eightfold Path. These bhikshus, or monks, lived simply, owning a bowl, a robe, a needle, a water strainer, and a razor, since they shaved their heads as a sign of having left home. They traveled around northeastern India, practicing meditation alone or in small groups, begging for their meals.

The Buddha's teaching, however, was not only for the monastic community. Shakyamuni had instructed them to bring it to all: "Go ye, O bhikshus, for the gain of the many, the welfare of the many, in compassion for the world, for the good, for the gain, for the welfare of gods and men."

For the next forty-nine years Shakyamuni walked through the villages and towns of India, speaking in the vernacular, using common figures of speech that everyone could understand. He taught a villager to practice mindfulness while drawing water from a well, and when a distraught mother asked him to heal the dead child she carried in her arms, he did not perform a miracle, but instead instructed her to bring him a mustard seed from a house where no one had ever died. She returned from her search without the seed, but with the knowledge that death is universal.

As the Buddha's fame spread, kings and other wealthy patrons donated parks and gardens for retreats. The Buddha accepted these, but he continued to live as he had ever since his twenty-ninth year: as a wandering sadhu, begging his own meal, spending his days in meditation. Only now there was one difference. Almost every day, after his noon meal, the Buddha taught. None of these discourses, or the questions and answers that followed, were recorded during the Buddha's lifetime.

The Buddha died in the town of Kushinagara, at the age of eighty, having eaten a meal of pork or mushrooms. Some of the assembled monks were despondent, but the Buddha, lying on his side, with his head resting on his right hand, reminded them that everything is impermanent, and advised them to take refuge in themselves and the dharma—the teaching. He asked for questions a last time. There were none. Then he spoke his final words: "Now then, bhikshus, I address you: all compound things are subject to decay; strive diligently."

The first rainy season after the Buddha's *parinirvana,* it is said that five hundred elders gathered at a mountain cave near Rajagriha, where they held the First Council. Ananda, who had been the Buddha's attendant, repeated all the discourses, or *sutras,* he had heard, and Upali recited the two hundred fifty monastic rules, the *Vinaya,* while Mahakashyapa recited the *Abhidharma,* the compendium of Buddhist psychology and metaphysics. These three collections, which were written on palm leaves a few centuries later and known as the Tripitaka (literally "three baskets"), became the basis for all subsequent versions of the Buddhist canon.

Rick Fields was a Contributing Editor to *Tricycle* and an editor of *Yoga Journal.* His other books include *The Code of the Warrior* (HarperCollins) and *Instructions to the Cook* (with Bernard Glassman, Bell Tower). "Who Was the Buddha?" is adapted from *How the Swans Came to the Lake* (Shambhala). Rick passed away in 1999.

Nguồn: www.quangduc.com

KHÓA TU ĐỊA TẠNG

VU LAN 2012

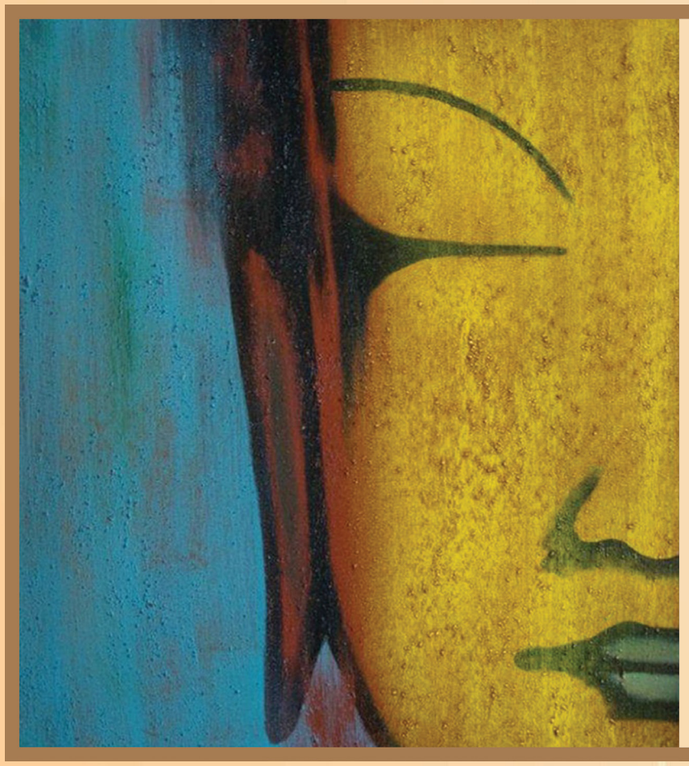

suy nghiệm Lời Phật: tri kiến phật trong ẩn dụ nhà Lửa

Huệ Giáo

Hình ảnh ngôi "nhà lửa" được đức Phật dùng hiện tượng cụ thể để vận ý trong Kinh Pháp Hoa, là một ảnh dụ chuyển tải chất liệu cuộc sống thật hết sức sống động, dạt dào thức giác, gắn liền vào đời sống thực của con người nhưng không hề ủy mị, chứa đựng tình cảm phàm tình, mà ngược lại đầy tuệ giác thâm sâu, chan hòa một tình yêu vị tha vô hạn.

Một ngôi nhà đơn sơ tạo dựng bằng mái tranh vách đất nằm trên đồi cao đầy gió, hay căn nhà nhỏ bao quanh giữa ruộng đồng mênh mông bát ngát, cho đến những biệt thự cao sang, dát vàng, những cung điện nguy nga tráng lệ được bao phủ hoa và trái cùng muôn vàn tiếng chim hót thanh thoát, rộn tiếng nói cười, đã và đủ làm thỏa mãn cảm xúc, ước muốn sở hữu, khát vọng sống còn của con người, bỗng chốc tất cả bị thiêu đốt sụp đổ, tàn rụi và biến mất trong sự sanh diệt vô thường của thế gian tạm bợ, duyên sanh, và trong sự hỏa hoạn ngập tràn của tạp liệu khí đốt phiền não.

Phải tức tốc thoát ra khỏi ngôi nhà lửa, là quyết ngữ mang đậm tính giáo dục thức giác, và trong thế cách thôi thúc, nhẹ nhàng nhưng đầy khẩn cấp. Có rất nhiều đồ chơi vui thích cho chúng sanh đang ở bên ngoài ngôi nhà lửa là một cách khích dụ vô cùng quyền xảo, chuẩn mực tinh tế không sai lệch. Chỉ có một cánh cửa để ra vào, lối duy nhất có thể tự thoát và cứu thoát những người con non dại muôn thuở, sợ quả báo hơn sợ những gì mình đang tạo tác, đã ngủ quên trong niềm thỏa mãn tạm bợ, đó là chủ hướng tạo dựng của người Cha. Đức Phật là vị Cha lành vô cùng hiền từ và nhân hậu, chúng sanh chính là những người con thơ dại, thiếu tự quyết và định đoạt vận mệnh.

Bước chân ra khỏi nhà lửa là sự cất bước từ cánh cửa hẹp của ngôi nhà nhỏ, để vươn mình ra phương trời cao rộng, đó là một sự cất bước quyết liệt, của một chúng sanh đang bị thêu đốt trong các thế giới ô nhiễm bởi phiền não trói, cột trong tam giới, mà thênh thang du hành trong pháp tánh thường trú và bản thể nhất như.

Thật vậy, sự ra đời của Đức Phật chỉ có một mục đích duy nhất: "Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến". Phật tri kiến là sự hiểu biết toàn giác. Sự hiểu biết không khiếm khuyết về duyên sanh vô ngã, ngộ rõ sự ảo giác và ảo tưởng của cái thấy biết. Tri kiến Phật là sự thấy biết tận cùng ngọn nguồn, gốc rễ sự vận hành của vạn pháp, thông suốt sự di chuyển của thời gian và di dịch của không gian, chủ thể và khách thể, tình cảm và lý trí, nghiệp lực và trí lực, cho đến phàm phu và thánh quả.

Sự bốc cháy, thiêu đốt, tan rã, hủy hoại, sụp đổ, v.v... từ trong ngọn nguồn của tâm thức hữu tình và khí thế gian xảy ra liên tục trong cuộc sống của trần thế và những cảnh giới phi trần thế là kết quả minh chứng cho trí tuệ giác ngộ. Tri kiến Phật đã tiên liệu và minh định cho hiện tượng vạn sự vạn vật đó, không phải đồng nhất như những lời sấm ngữ, tiên tri, phán quyết trôi nổi lúc có lúc không, mà chính là một sự thật hiện hữu đang ngấm ngầm châm ngòi, phát hỏa bất cứ lúc nào hội duyên.

Đã là chúng sanh bị vây hãm trong nghiệp lực vô minh, chúng ta không thể hiểu biết rõ được ngọn ngành, gốc rễ hệ quả của sự thiêu đốt đó, có chăng, chỉ học được từ lời dạy của Đức Phật và những con người thức tỉnh liên tục. Chúng sanh trong ba cỏi, dục giới - sắc giới và vô sắc giới đã được cảnh báo, rằng ngôi nhà lớn, tam giới đó đang bị lửa phiền não hừng hực thiêu đốt trong từng giây phút, và đang, bị vận hành trong sự vô thường. Tâm điên đảo, thù hằn, bảo thủ, bạo lực, khủng bố. v.v… những tâm hành tiêu cực, nhiều ích kỷ và lắm hưởng thụ là những chất liệu làm tăng trưởng sự thiêu đốt này. Hơn thế, chính sự khát khao và thỏa mãn trong dục vọng cũng vẫn bị nung cháy theo luật vô thường, chẳng có gì còn sau những đeo đuổi, tìm kiếm. Vậy mà, đã mấy ai đồng ngộ với lời cảnh báo khốc liệt này, thế mới biết tri kiến Phật hiện đang không hiện hữu trong trí óc của các loài. Tri kiến Phật trong loài nào cũng có, khác chăng là sự thức tỉnh của mỗi loài, không phân biệt cao hạ, giai tầng đời sống, mà chính là sự cách biệt cảm thức, thọ thức, nghiệp lực và trí lực.

Phương tiện quyền xảo là hoạt dụng của tri kiến Phật. Nhà chỉ có một cửa chỉ cho tri kiến Phật - Phật thừa, loài nào cũng có và đều có thể đạt được. Bên ngoài thì có nhiều đồ vui thích đó chính là phương cách để cho nhiều loại chúng sanh biết được rằng, từ những đồ vui thích đó, mượn chúng để đi đến cùng một cánh cửa này. Đó là cánh cửa giải thoát khỏi tam giới của tất cả chúng sanh để đi đến quả vị Phật, không có con đường nào khác, chiếc xe khác đủ sức chuyển tải đầy đủ, vô lượng cõi thánh phàm đã dung nhiếp trong mười phương pháp giới.

Nhà lửa, "Tam giới bất an du như hỏa trạch" là thí dụ thứ nhất trong Kinh Pháp Hoa, một bộ kinh chứa đựng tư tưởng thân chứng, suy nghiệm uyên áo của đức Phật, tuy nhiên bằng trí tuệ phương tiện Ngài đã khai mở trí giác của chúng sanh qua nhiều cấp độ tu chứng và quả vị giải thoát, để cuối cùng chỉ có một con đường duy nhất là Phật thừa, điểm cuối cùng của chặng đường tu tập. Nếu quả vị của một La Hán, là giải thoát hoàn toàn trong tự thân của mình, và một Bồ tát đã tự giác ngộ cho mình và có nhiều lợi lạc cho số đông chúng sanh, khi chưa hoàn toàn viên mãn, thì đó cũng chẳng phải là điểm dừng, đây là yếu chỉ mà tư tưởng Kinh Pháp Hoa muốn dẫn đến. Nhiều trang kinh khác ghi chép lại lời Phật dạy, bảo rằng, con đường thành Phật là con đường cần đạt đến, chỉ có Phật quả mới hội đủ tròn đầy, trong việc cứu khổ và ban vui, cho mình và tha nhân.

Học Kinh Pháp Hoa, là học một hệ tư tưởng thâm sâu, nhiều ý. Chúng sanh khó hiểu, khó thấy, khó nghe và khó tin những gì Ngài nói trong bản kinh này, do đó Đức Phật đã dùng nhiều hình tượng thật gần gũi ngay trong đời sống để ảnh dụ đưa chúng sanh đi từ chỗ gần đến chỗ xa, mạch cạn đến mạch sâu, từ thấp đến cao và cuối cùng là một đích. Tri kiến Phật khó có thể diễn tả hết bằng lời, và khó hiểu được qua tri thức thế gian tầm thường, qua sự chắp vá vay mượn của ngôn ngữ. Tri kiến Phật cũng không phải là đối tượng để nghiên cứu, để tìm cầu, khảo sát, mà để sống và thâm nhập một cách nhiệt huyết và nghiêm cẩn. Cổ nhân đã từng dạy: "Ngôn ngữ đạo đoạn". Dùng ngữ ngôn phàm tình chỉ làm sai lệch thánh ngữ, những điều do tâm chứng. Tuy nhiên, nói thế thì không có ai có thể hiểu được giác tâm này? Con đường phương tiện là con đường có thể để hiểu được thánh đạo. Phương tiện để đi vào thánh tâm và thánh giáo, thiết nghĩ đó là con đường hành trì. Siêng năng đọc, tụng, hiểu nghĩa, giảng giải, ghi chép, thực hành thì có khả năng tắm gội trong biển tuệ giác. Ai sẽ thành Phật, và thâm nhập tri kiến Phật đó chính là những người biết tri và hành hợp nhất. Thật vậy, dù chúng ta có hiểu biết thông suốt lời dạy của Phật chăng nữa, đó cũng là cái thấy biết của thức biến, con đường thể nhập Phật trí vẫn còn xa vời, cần phải học, phải suy nghiệm và thực hành nhiều hơn nữa, trong sự cần mẫn và thiết tha tầm cầu vô hạn. Như cổ đức đã tán ca giáo pháp trong biểu thức bừng ngộ:

"Phật pháp cao siêu rất nhiệm mầu
Trong ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay thấy nghe chuyên trì tụng
Nguyện hiểu Như Lai nghĩa nhiệm mầu".

TU VIỆN QUAN ÂM

THỜI KHÓA TU HỌC NĂM 2014

8505 Bowles road - Tampa - FL. 33637 - Tel: 813-334-4149. Email: tuvienquanamflorida@yahoo.com

THÁNG 01:

* *Chủ nhật ngày 26/01/2014 (nhằm ngày 26/12/ Quý Tỵ), Từ 6: 30 AM đến 6: 30 PM*
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

* *Thứ sáu ngày 31/01/2014 (nhằm ngày 01/01/ Giáp Ngọ)*
Tết Nguyên Đán - Đón Mừng XUÂN DI LẶC Năm Giáp Ngọ

THÁNG 02:

* Chủ nhật ngày 23/02/2014 (nhằm ngày 24/01/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

THÁNG 03:

* Chủ nhật ngày 30/03/2014 (nhằm ngày 30/02/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

* Thứ tư ngày 19/03/2014 (nhằm ngày 19/02/ Giáp Ngọ) 8:30 PM : Lễ Vía BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM Đản Sanh
- Trì Tụng Kinh Phổ Môn
- Trì Niệm Thánh Hiệu Mẹ Hiền QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

THÁNG 04:

* Chủ nhật ngày 27/04/2014 (nhằm ngày 28/03/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

THÁNG 05:

* Chủ nhật ngày 25/05/2014 (nhằm ngày 27/04/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

* Chủ nhật ngày 11/05/2014 (nhằm ngày 13/04/ Giáp Ngọ)
KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN - PL. 2557

THÁNG 06:

* Chủ nhật ngày 29/06/2014 (nhằm ngày 03/06/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM.
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

THÁNG 07:

* Chủ nhật ngày 27/07/2014 (nhằm ngày 01/07/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

* Thứ tư ngày 16/ 07/ 2014 (nhằm ngày 20/06/ Giáp Ngọ) 8:30 PM : Vía BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM THÀNH ĐẠO
- Trì Tụng Kinh Phổ Môn
- Trì niệm Thánh Hiệu QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

THÁNG 08:

* Chủ nhật ngày 18/08/2014 (nhằm ngày 12/07/ Giáp Ngọ)
KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN BÁO HIẾU

THÁNG 09:

* Chủ nhật ngày 29/09/2014 (nhằm ngày 19/09/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

* Thứ tư ngày 23/09/2014 (nhằm ngày 19/9/ Giáp Ngọ) 8:30 PM: Lễ Vía BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM Xuất Gia
- Trì Tụng Kinh Phổ Môn
- Trì Niệm Thánh Hiệu QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

THÁNG 10:

* Chủ nhật ngày 27/10/2014 (nhằm ngày 23/09/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

THÁNG 11:

* Chủ nhật ngày 24/11/2014 (nhằm ngày 22/10/ Giáp Ngọ), Từ 6:30 AM đến 6:30 PM
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì Tụng Đại Bi Thần Chú (108 biến)
- Tu tập 01 ngày an lạc

THÁNG 12:

* Chủ nhật ngày 28/12/2014 (nhằm ngày 07/11/2014): Lễ Vía ĐỨC TỪ PHỤ A DI ĐÀ PHẬT

* Chủ nhật hằng tuần sinh hoạt và tu học bắt đầu từ 6:30 AM (Trì Tụng LĂNG NGHIÊM CHÚ.....)

* Thứ Tư và Thứ Sáu hằng tuần bắt đầu từ 8:30 PM Tụng Kinh, Trì Chú , Niệm Phật....

TRANG CÚNG DƯỜNG

Từ tháng 01 năm 2011 đến tháng 11 năm 2013

ĐỔ SÂN XI MĂNG SÂN CHÙA

01. SC Thích Nữ Như Châu	$4000
02. SC Thích Nữ Như Bình	$1000
03. GĐ Nguyễn Liễu	$200
04. Lê Thị Thoa	$100
05. Nguyễn Văn Cân	$100
07. Mr Paul	$100
08. Nguyễn Bích Phượng	$100
09. Lotus Nail	$100
10. GĐ Nguyên Mỹ	$200

CÚNG DƯỜNG LƯ HƯƠNG

1. GĐ Trí Cường Huệ Khai	$400
2. Nguyên Ân	$500
3. Diệu Thoa	$100

CÚNG DƯỜNG LÓT GẠCH LÊN ĐỒI

1. GĐ Lê Nam và các con	$500
2. GĐ Quang Thanh tiền công thợ	

CÚNG DƯỜNG LÀM NHÀ BẾP

1. GĐ Quang Thanh	
2. GĐ Thanh- Lan	

ẤN TỐNG DU HOÁ TẬP 2

Gia Đình: Trịnh Thị Cẩy

CÚNG DƯỜNG MUA 02 CÂY SƯỞI (HEAT)

1- Phạm Xí- Hùng	$50
2- Ngô Minh Đức	$50
3- Trí Cường	$20
4- Lan Thanh	$20
5- Tân Ái	$20
6- Phùng Hạnh	$20
7- Lan Chi	$20
8- Lệ Nguyệt	$20
9- Minh Nguyệt	$20
10- Bùi Mai	$20
11- Thanh Thủy	$20
12- Đoan	$20
14- Diệu Ngọc	$20

CÚNG DƯỜNG LÀM PATIO

01. GĐ Lan Sanh	$200
02. GĐ Kiều Sơn	$200
03. GĐ Xí Hùng	$200
04. GĐ Tuyết Dự	$100
05. GĐ Nguyên Mỹ	$100
06. GĐ Thành Tâm	$300
07. Vô Danh	$100
08. GĐ Nguyễn Liễu	$100
09. Minh Mẫn	$40
10. GĐ Tân Ái	$200
11. GĐ Thanh Thủy	$100
12. GĐ Lan Thanh	$100
13. GĐ Huệ Khai	$100
14. GĐ Phùng Hạnh	$200
15. GĐ Nhân Trang	$100
16. Tư Đông	$20
17. GĐ Phượng - Hòa	$50
18. Gd Nguyên Ân	$100

CÚNG DƯỜNG LÓT THẢM PHÒNG KHÁCH

Gia Đình : Thể Nhất

CÚNG DƯỜNG CÂY TRỒNG QUANH ĐỒI

Gia Đình : Diệu Hoa

DANH SÁCH QUÝ PHẬT TỬ CÚNG LÀM HÀNG RÀO

1. Như Thái	$500
2. Minh Nguyệt	$100
3. Eleans	$100
4. Diệu Ngọc	$50
5. Tịnh Hiền	$110
6. Lê Nam	$100
7. Lệ Nguyệt	$800
8. Ẩn Danh	$100
9. Liễu Nguyễn	$100
10. Dự	$100
11. Jerry Thuốc	$100
12. Thuận Nguyễn	$500

QUÝ PHẬT TỬ CÚNG DƯỜNG LÀM HỒ QUAN ÂM

1. Võ Thị Thanh	$500
2. Nguyễn Thị Thoa & Bạn	$400
3. Phú Nguyễn	$1600

CÚNG DƯỜNG CHUÔNG BẢO CHÚNG

1. Thể Nguyệt	$400
2. Tracy Túc Ngô & Mai Lê	$400
3. GĐ Huệ Linh & Bạn	$1200

CÚNG DƯỜNG XE

1. GĐ Thể Nhất	
2. GĐ Tâm Lưu	
3. GĐ Diệu Hoa	

CÚNG ĐẤT CHÙA

1. Phan Thị Trang	$3000
2. Phan Hiển- Sally	$500
3. Thể Đồng	$2000
4. Ẩn Danh	$5000

Trên đây là những Phật sự tượng trưng đã làm được trong 03 năm qua, và có rất nhiều vị ẩn danh, quý Phật tử âm thầm đóng góp nguyệt liễm, gửi check cúng dường để duy trì sinh hoạt và những Phật sự khác như gây quỹ xây dựng tượng đài, gây quỹ trả nợ đất chùa, Phật Đản, Vu Lan, An vị Phật, các khoá tu…… do chùa tổ chức, và nhiều công sức đóng góp công quả hằng tuần. Trong khuôn khổ trang giấy có hạn, chúng tôi xin phép không ghi hết ra đây, nếu có gì thiếu sót, trong tinh thần phát tâm vô cầu mong tất cả quý nam nữ Phật tử xa gần, hoan hỷ lượng thứ cho. Cầu nguyện tất cả quý vị luôn an lành và thịnh vượng.

Xuân Quý Ty

MỘT PHIÊN TOÀ CẢM ĐỘNG Ở INDONESIA

Đây là 1 câu chuyện có thật tại Indonesia. Trong phòng xử án, chủ tọa trầm ngâm suy nghĩ trước những cáo buộc của các công tố viên đối với một cụ bà vì tội ăn cắp tài sản.

Bà bị buộc phải bồi thường 1 triệu Rupiah. Lời bào chữa của bà lý do ăn cắp vì gia đình bà rất nghèo, đứa con trai bị bệnh, đứa cháu thì suy dinh dưỡng vì đói.

Nhưng ông chủ quản lý khu vườn trồng sắn nói bà ta cần phải bị xử tội nghiêm minh như những người khác.

Thẩm phán thở dài và nói: "*Xin lỗi, thưa bà...*" Ông ngưng giây lát, nhìn ngắm bà cụ đói khổ. *"Nhưng pháp luật là pháp luật, tôi là người đại diện của Pháp luật nên phải xử nghiêm minh. Nay tôi tuyên phạt bà bồi thường 1 triệu Rupiah cho chủ vườn sắn. Nếu bà không có tiền bồi thường, bà buộc phải ngồi tù 2 năm rưỡi."*

Bà cụ run run, rướm nước mắt, bà đi tù rồi thì con cháu ở nhà ai chăm lo. Thế rồi ông thẩm phán lại nói tiếp: *"Nhưng tôi cũng là người đại diện của công lý. Tôi tuyên bố phạt tất cả những công dân nào có mặt trong phiên tòa này 50.000 Rupiah, vì sống trong một thành phố văn minh, giàu có này mà lại để cho một cụ bà ăn cắp vì cháu mình bị đói và bệnh tật."* .

Nói xong , ông cởi mũ của mình ra và đưa cho cô thư ký "*Cô hãy đưa mũ này truyền đi khắp phòng và tiền thu được hãy đưa cho bị cáo*".

Cuối cùng, bà cụ đã nhận được 3,5 triệu Rupiah tiền quyên góp, trong đó có cả 50.000 Rupiah từ các công tố viên buộc tội bà, một số nhà hảo tâm khác còn trả giúp 1 triệu Rupiah tiền bồi thường, bà lão run run vì vui sướng. Thẩm phán gõ búa kết thúc phiên toà trong hạnh phúc của tất cả mọi người.

Đây là một phiên tòa xử nghiêm minh và cảm động nhất mà tôi được biết, vì tất cả chúng ta đều phải chịu trách nhiệm với cuộc sống xung quanh chúng ta, vị thẩm phán đã không chỉ dùng luật pháp mà còn dùng cả trái tim để phán xét.

Nguồn Trang Nhà Quảng Đức (st)

Suy Nghiệm:

Tương duyên trong đời sống là một chân lý và thật hết sức hiển nhiên, tuy nhiên trong đời sống thường nhật với nhiều lo toan, chúng ta đã quên lãng rất nhanh những gì thật cần thiết và hết sức quan trọng. Động đất, mưa bão, sóng thần, khủng bố, chiến tranh, nghèo đói và hận thù… tất cả mọi thứ xung quanh cuộc sống diễn ra, dù hạnh phúc hay đau khổ chính là mối tương duyên tạo tác từ trái tim và liên hệ các tâm thức.

Người trí nhìn và thấy mối tương duyên đó, suy nghiệm và hành động cho phù hợp với lẽ phải quy luật và văn minh hành xử thì chắc rằng nỗi khổ đau trong đời sống sẽ có nhiều giảm thiểu.

Suy nghĩ và hành động có trí tuệ và vị tha chắc chắn là những con người và những bài học hết sức quý giá, cần phải có trong nền giáo dục hiện đại. Hiện đại chính là tính thiết thực, hiệu quả. Giáo dục và học hỏi những bài học, những gương sống thiết thực ngay đời sống cụ thể, chính là một nền giáo dục hiện đại mang lại nhiều hiệu quả nhất, giá trị hơn nhiều thuộc làu và nhai đi nhai lại những gì đã có trong sách vở mất tình thời đại.

Du Hóa

sự tích khăn tang

TƯỜNG DINH

Ngày xưa, có vợ chồng nhà phú hộ nọ sinh được năm người con gái. Nhà giàu nhưng lại không con trai, nên bao nhiêu tình thương họ đều dồn vào những cô con gái. Lần lượt năm cô lớn lên, ai nấy đều lập gia đình và đi ở riêng.

Vì các cô lấy chồng xa, nên hai ông bà phú hộ cảm thấy nhớ con quá. Một hôm bà bảo chồng:

- Sắp tới, ông chịu khó trông nhà cửa cho tôi đi thăm chúng một lượt, sau đó tôi lại về trông để ông đi...

- Phải đó - ông đáp - nhưng bà phải đi nhanh nhanh lên mới được, đừng bắt tôi đợi lâu!

- Không được đâu, tôi tính ở lại với các con đứa nào ít nhất cũng một tháng, năm đứa vị chi là năm tháng, còn đi đường tổng cộng độ vài ba chục ngày, như vậy cũng mất ngót nửa năm rồi ông ạ!

- Thôi được, thế thì bà nó đi đi, bà nhớ đừng để cho đứa nào quấn quýt quá rồi ăn dầm nằm dề ở đó làm cho tôi mỏi mòn trông đợi.

Rồi người vợ cùng con hầu ra đi. Nhưng chỉ được vài tháng đã thấy bà trở về, vẻ mặt buồn xo. Thấy thế, ông liền hỏi dồn:

- Cơn cớ làm sao mà bà về nhanh như vậy? Có gặp điều gì khó khăn dọc đường hay không mà vẻ mặt bà không được vui?

Bà phú hộ đáp:

- Chẳng có gì hết, tôi vẫn bình yên, chúng nó đều mạnh khỏe cả. Tôi về sớm là vì tôi muốn ông khỏi trông. Ông cứ đi một lần cho biết.

Thấy vợ nói úp úp mở mở, ông phú hộ chẳng hiểu gì nên cuối cùng cũng sắm sửa hành lý ra đi.

Ông ghé nhà người con gái thứ nhất. Chàng rể tiếp đón niềm nở làm ông hài lòng, nhưng con gái ông lại không được như thế, nó chỉ chuyện trò giả lả được đôi câu rồi quay vào công việc của nó.

Đến khi chồng nó ra đồng trông coi thợ cày cấy, thì con gái ông lúi húi lo việc bếp núc, cha con chẳng có dịp chuyện trò.

Mãi đến gần trưa, ông cảm thấy bụng đói cồn cào, định bảo nó dọn cho mình ăn trước như khi còn ở nhà, nhưng rồi lại nghĩ thầm: "Để xem nó đối đãi với cha nó ra sao cho biết?!". Ông thấy con gái chờ chồng về mới dọn cơm ra. Chàng rể của ông lúc ấy tuy đã về rồi mà vẫn còn bận một số công việc nên ông phải đợi tiếp. Đến khi thấy quá trưa, con gái ông mới gọi chồng:

- Mình ơi, hãy để đó vào ăn cơm đi, cho ông già ăn với!

Nghe con gái nói thế, ông cảm thấy không được vui. Chiều hôm ấy và liên tiếp những ngày sau cũng vậy. Ông nghiệm ra rằng con gái ông chăm sóc cho chồng nó chứ không phải cho ông: "Thì ra bây

giờ nó coi cha nó chẳng ra cái quái gì. Nếu chồng nó không ăn thì có lẽ mình cũng phải ngồi nhịn đói". Ở chơi được ít ngày, thấy con gái không được vồn vã đằm thắm như xưa, ông liền từ giã vợ chồng nó mà đi đến nhà đứa khác xem sao.

Lần này vừa đi ông vừa lẩm bẩm: "Chắc thế nào những đứa sau cũng phải khác chứ, chẳng lẽ đứa nào cũng như vậy cả sao? Vợ chồng ta trông cậy chúng nó rồi đây sẽ chia nhau về phụng dưỡng một khi bố mẹ tuổi già kia mà!"

Nhưng khi đến nơi, ông thấy đứa thứ hai cũng chẳng khác gì đứa đầu. Nghe bố đến thăm cũng tiếp đãi gọi là cho tròn bổn phận rồi lại loay hoay vào công việc nhà chồng, bỏ mặc ông chẳng chút quan tâm.

Lần lượt ông đi thăm đủ cả năm cô con gái yêu quý nhưng chẳng đứa nào là không say mê với công việc của nó, chẳng đứa nào quan tâm chăm sóc đến ông như lúc còn ở nhà. Sau cùng, ông chép miệng:

- Vậy là con gái một khi bước về nhà chồng thì chẳng c òn là con mình nữa. Nó xem chồng trọng hơn bố mẹ nó nhiều.

Nghĩ vậy nên ông quày quả trở về. Ông tính lại thời gian thăm con cả đi lẫn về còn ngắn hơn cả bà.

Khi về, ông gọi vợ lại bàn rằng:

- Thế là mấy đứa con gái có cũng như không, chẳng hy vọng gì vào chúng nó đỡ đần mình tuổi già nữa rồi. Bây giờ bà để tôi đi kiếm một đứa con nuôi đặng mai sau nó săn sóc chúng mình lúc mắt lòa chân chậm. Bà nó nghĩ sao?

Vợ phú hộ trả lời:

- Thôi ông ạ! Đừng có đi mà mất công lại nhọc xác. Con đẻ rứt ruột ra mà chúng không đoái không hoài thì con nuôi có làm được gì?

Phú ông liền bảo:

- Trên đời này có kẻ tốt người xấu, đâu phải ai cũng như ai, bà đừng ngại.

- Được rồi, ông cứ đi đi, cố tìm một đứa con ngoan phụng dưỡng, mọi việc ở nhà mặc tôi lo liệu.

Phú hộ bèn đóng vai một ông già nghèo khó rồi ra đi từ làng này đến làng khác, đến đâu ông cũng rao:

- Ai mua cha không? Có ai mua cha thì ra mà mua! Mua ta về làm cha chỉ mất năm quan tiền thôi...

Mọi người nghe ông già rao như vậy thì tưởng ông điên. Có người còn vui miệng nói:

- Mua lão ấy để về nhà mà hầu ư? Và để rồi đây lão ta trăm tuổi qua đời có được đồng nào còn phải lo tống táng nữa sao? Thà là nuôi một người đầy tớ còn hơn.

Tuy có nghe nhiều lời mỉa mai cười cợt, phú ông vẫn không nản chí, vẫn đi hết xóm này đến ấp kia, miệng rao không ngớt:

- Có ai mua cha không này?

Bấy giờ ở làng nọ có hai vợ chồng một nông phu nghèo, nghe có người đi bán mình làm cha, chồng bảo vợ :

- Hai vợ chồng mình mồ côi từ thuở bé, chưa bao giờ được hưởng tình cha con, lại chưa có mụn con nào, thật là buồn. Thôi thì ta mua ông già này về thủ thỉ với nhau khuya sớm cho vui cửa vui nhà.

Thấy vợ bằng lòng, anh chàng chạy ra đón ông già vào và nói :

- Ông định bán bao nhiêu tiền?

- Năm quan không bớt.

Anh chồng liền thưa:

- Thú thật với ông, nhà tôi nghèo quá, muốn mua ông nhưng không sẵn tiền. Vậy ông ngồi chơi để tôi bảo nhà tôi đi vay xem sao.

Phú hộ ngồi chờ hồi lâu, thấy chị vợ chạy đi một lát rồi lại quay về, nhưng số tiền vay được cùng với tiền nhà gom lại cũng chỉ có hai quan. Anh chồng liền nói:

- Thôi thì ông thông cảm cho, hai ngày nữa mời ông trở lại, chúng tôi sẽ có đủ tiền.

Hai ngày sau, vợ chồng anh nông phu trao tiền cho ông, mời ông vào nhà "cha cha, con con" rất thân tình. Phú hộ thấy đầu tóc người vợ bây giờ biến đi đâu mất liền hỏi:

- Này con ơi, tại sao đầu tóc của vợ con lại cắt cụt đi như vậy?

Anh chồng tần ngần đáp:

- Chẳng giấu gì cha, nhà con quá nghèo không đủ tiền mua, mà nếu không mua thì biết có dịp nào tốt hơn. Vì vậy, vợ con phải cắt tóc đi bán mới có đủ số tiền năm quan đó.

Từ ngày có người cha nuôi, hai vợ chồng nông phu tỏ ra rất niềm nở và chịu khó chăm sóc hầu hạ ông không biết mệt. Phú ông vẫn không cho biết gốc tích quê quán thật của mình, hằng ngày vẫn cứ ăn no ngủ kỹ, đôi lúc lại kêu váng đầu mỏi lưng, bắt họ phải xoa bóp hoặc tìm thầy chạy thuốc.

Mặc dầu vậy, hai vợ chồng vẫn cơm nước săn sóc không bê trễ. Cứ như vậy được vài tháng sau, nhà họ đã nghèo lại càng mạt thêm.

Hai vợ chồng phải cố gắng làm thêm để nuôi cha, có bữa phải nhịn đói để nhường cơm cho ông già.

Tình hình như vậy kéo dài nửa năm, nợ nần của họ chồng chất quá nhiều mà trong nhà gạo tiền đã kiệt. Tuy vậy, họ vẫn không hề lộ vẻ mỏi mệt, cố làm vui lòng cha già.

Một hôm, hai vợ chồng ngủ dậy đã thấy người cha nuôi khăn gói chỉnh tề, ông bảo họ:

- Các con hãy đốt cái nhà này rồi đi theo ta!

Vợ chồng anh nông phu trố mắt nhìn nhau, tưởng ông phát điên, nhưng sau đó lại thấy ông phú hộ giục bảo:

- Làm con thì phải vâng theo cha mẹ, chớ có sai lời. Cha đã bảo các con đi theo cha kiếm ăn thì cứ việc đi, còn cái nhà này ọp ẹp chẳng đáng bao nhiêu đừng tiếc nữa.

Vợ chồng nghe thế thì biết ông nói thật, không dám cãi, đành nhặt nhanh một vài món đồ buộc thành một gói, rồi châm lửa đốt nhà.

Đi theo ông già, họ thấy ông ban ngày lần hồi xin ăn, tối tối lại vào nhà người xin ngủ nhờ, họ vẫn vâng lời, không chút phân vân.

Ba người đi xin ăn như thế được năm ngày, cuối cùng đến trước một ngôi nhà ngói tường vôi, ông mới vui vẻ bảo họ:

- Các con ơi, đã đến nhà ta rồi!

Bà phú hộ bước ra cổng đón vào, ông tươi cười bảo vợ:

- Bà nó này, đây mới thật là con của chúng ta đấy!

Bấy giờ vợ chồng anh nông phu mới ngớ người ra, biết được cha mẹ nuôi mình là một nhà giàu có.

Phú hộ bảo anh nông phu lấy theo họ mình, và từ đó hai vợ chồng bước vào một cuộc đời sung sướng.

Ít lâu sau, phú hộ lâm bệnh nặng. Biết mình sắp gần đất xa trời, ông bèn làm tờ di chúc để phần lớn gia tài cho đứa con nuôi, đoạn ông gọi vợ đến trối rằng:

- Sau khi tôi chết, bà nhớ đừng cho năm đứa con gái biết tin đấy!

Ông nói tiếp: - Nếu chúng nó có nghe ai mách mà về đây, chưa biết chừng tôi sẽ "bứt néo" trỗi dậy cho mà coi. Việc để tang thì đứa con trai cứ theo cổ tục, cắt tóc, đội mũ, quấn rơm trên đầu để chứng tỏ mình chịu cực chịu khổ với cha mẹ thì thôi cũng được, nhưng đứa con dâu thì bà bảo nó khỏi cắt tóc, vì tôi chưa bao giờ quên được cái việc nó đã hy sinh mái tóc dài của nó để mua cha, vậy nó chỉ cần đội khăn tang là đủ.

Nhưng khi khâm liệm cho chồng xong, bà phú hộ vì nặng lòng nên cũng cho người lén báo tin cho năm đứa con gái biết. Khi chúng về, bà đón ở cổng, thuật lại lời trối của cha cho chúng nghe và bảo chúng đừng có vào nhà, kẻo có sự chẳng lành.

Năm đứa con gái hối hận lắm, nhưng việc đã rồi biết làm sao? Khi đưa linh cữu cha, chúng đòi đi đưa cho bằng được. Khuyên can con mãi không xong, cuối cùng bà buộc lòng phải xé cho chúng ngoài khăn tang ra còn thêm mỗi đứa một vuông vải cho chúng che mặt lại để mong linh hồn bố chúng khỏi biết.

Từ đó, người ta bắt chước để tang theo cách gia đình này đã làm:

"Con trai cắt tóc vành rơm, mũ mấn, dây lưng chuối như cổ tục, con dâu được miễn cắt tóc, chỉ đội khăn tang, lại miễn cả che mặt. Còn con gái ngoài khăn tang còn có thêm một mảnh vải che mặt."

Phật thuyết
TRƯỞNG GIẢ PHÁP CHÍ THỆ KINH

(Thất dịch Nhơn danh kim phụ Lương lục)

Thích Tịnh Nghiêm *dịch*

Tôi nghe như vầy, một thời Phật ở nước Xá vệ, vườn cây của Kỳ đà và Cấp cô độc, cùng đại Tỳ kheo 1250, Bồ Tát muôn người nhóm họp. Lúc ấy buổi sáng Phật đắp y trì bát nhập thành xá vệ. Tỳ kheo Bồ Tát thảy đều theo hầu, chư thiên long thần và hương ẩm thần, vô thiện chi thần, phụng hoàng thần, sơn thần, chấp nhạc thần vương, thảy đều tán hoa, đốt hương trỗi các âm nhạc ca ngợi đức hạnh của Phật mà nói kệ rằng:

Từ vô số ức kiếp,
Chứa hạnh khó thể lường.
Từ mẫn với chúng sanh,
Khiến phát hạnh đại đạo.
Ba cõi cũng như hóa,
Tất cả đều trống không.
Nay hiểu được huệ này,
Độ thoát cả mười phương.
Ba mươi hai tướng sáng,
Tuỳ hình có tám mươi.
Miệng phát vạn ức tiếng,
Công đức tự nhiên dung.
Tuy hiện ở tam giới,
Khai thị ba đạo trường.
Ba cấu nay đã diệt,
Tâm như nguyệt châu sáng.
Ở dục không đắm trước,
Bình đẳng lìa thương ghét,
Tất cả đều vắng lặng.

Lúc đó nhân dân nghe ca tụng Đức Phật. Một nước nhóm hội, xem Phật đi đến, cử động đi đứng, pháp tắc an từ. Nhan mạo oai dung, như trăng trong sao. Như mặt trời mới mọc, khắp chiếu thiên hạ, không chỗ quái ngại. Như Phạm Vương ở giữa chư thiên. Như Thiên Đế Thích tại cung Đao Lợi. Cũng như núi Tu Di xuất hiện trong biển lớn. Ở giữa bốn bên đều không thể động, hoan hỷ dũng dướt, xoa tay quy y.

Phật đến ngoài ngã pháp chí trưởng giả. Khi đến cửa phóng đại quang minh, đều chiếu mười phương.

Lúc ấy vợ trưởng giả trang nghiêm giường tòa, trang sức thân thể, các báu anh lạc, đeo hương chiên đàn, vẻ mặt đẹp đẽ, năm sắc sáng chói. Gọi người sai khiến, thường nô khách tỳ. Có chút lỗi lầm, đánh đập mắng nhiếc, không hỏi phải quấy.

Xa thấy ánh sáng của Phật, sáng hơn mặt trời, tâm tự nghĩ rằng: Ánh sáng rực rỡ này, chẳng phải mặt trời mặt trăng, Thích Phạm chư Thiên, ánh sáng phàm tục. Ánh sáng này mát mẻ, an ổn vô lượng. Thân tôi được chiếu tất cả không khổ. Không đói không khát tự nhiên no đủ, tại sao còn đánh đập tôi tớ. Mau đến trước cửa, xem thấy Thế Tôn, tướng hảo oai quang không thể ví dụ. Các căn vắng lặng, không có suy vào, như núi bảy báu, nguy nguy rực rỡ. Hổ thẹn vui buồn đảnh lễ dưới chân Phật. Ăn năn lỗi lầm đã phạm, không giấu giếm. Đã làm thân nữ, không thể tự trách, giận mừng phát khởi, nay xin cúi đầu sám hối, không dám dấu che.

Phật dạy: Lành thay, lành thay. Con được lợi lành lìa tất cả suy, thấy thân lỗi lầm, cải vãng tu lai. Thân người khó được, kinh Phật khó gặp, ức đời mới có. Sở dĩ đọa làm thân nữ, trong đó chứa nào dâm dục, tư thái ẻo lả tại ở bên trong. Không thể tu thân, phóng tâm buông ý tật đố, nhiều lời. Tham đắm hình dung mà tự ỷ thị. Thế gian vô thường hào phú oai thế, chỉ trong nháy mắt, phải nên thương các người dưới, cũng như con đỏ, giàu sang nghèo khó như trăng đầy vơi. Như mặt trời lặng mọc, nước lửa gió khởi, không lâu đều suy. Tất cả đạo tục đều từ tâm hưng. Trên trời nhân gian, địa ngục ngạ quỷ, và loài súc sanh đều từ mình gây ra.

Phật Thiên Trung Thiên, Duyên Giác Thanh Văn cũng lại như thế. Nay thân Ta 32 tướng, 80 tùy hình hảo chói sáng mười phương, đều từ trí mà đạt được, Bà trưởng giả nghe Phật dạy hoan hỷ vô lượng, kính trọng quy y, trách mình ngu muội, chỉ vì không biết, chưa nghe khai hóa, lời răn dạy vô thượng.

Phật dạy tu mười thiện nghiệp. Nghĩa là thân không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, miệng không vọng ngôn, lưỡng thiệt, ỷ ngữ, ác khẩu ý không tham lam ganh ghét, giận hờn, si mê. Nên phụng lục độ, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhứt tâm trí tuệ. Giữ tâm tứ đẳng từ bi hỷ nộ, từ bi rộng lớn. Cho đến được 32 tướng 80 tùy hình hảo. Mới vì nô khách, tỳ sử dạy rằng tân khổ sanh tử, chỉ rõ tội phước. Nói khổ sở tam đồ. Dùng đạo lý và những điều răn cấm, còn hơn đánh đập trang nghiêm anh lạc.

Lại có 4 việc, những gì là 4? Một là thành tín, 2 là giới cấm, 3 là tam muội, 4 là trí huệ. Đó là 4 việc

Bồ Tát tự trang nghiêm tâm. Tâm hành đại thừa không nam không nữ, cũng như huyễn hóa họa sĩ vẽ vời, tùy ý tu hành hiểu rõ không tuệ, tất cả vốn tịnh. Được thân không danh. Tứ vô sở uý, tứ sự bất hộ. Riêng đi trong 3 cõi độ thoát tất cả, Bà trưởng giả nghe Phật dạy tâm khai dũng dướt, tức phát vô thượng chánh chân đạo ý, được bất thối chuyển.

Lúc đó Thiên Đế Thích đi đến sau Phật. Nói với người Bà trưởng giả rằng: Phật đạo khó được. Không như cầu chuyển nữ làm nam Nhật Nguyệt Thiên Đế, chuyển luân Thánh Vương. Lúc đó, Bà trưởng giả dùng kệ tụng rằng:

Thiên Đế nhựt nguyệt vương,
Chuyển luân chư bốn thành.
Oai thế một thời gian,
Không thể nương tựa lâu.
Giàu sang như sương mai,
Như người thấy trong mộng.
Thức rồi không có gì,
Không biết chỗ vô thường.
Năm ấm như huyễn hóa,
Ba cõi do mình tạo.
Ba đời đều bình đẳng,
Đạo tâm không bạn bè.
Nếu người hiểu biết rồi,
Ai nam và ai nữ?
Thiên Đế nghe lời này,
Im lặng không nói gì.

Phật dạy lành thay, lành thay, thật như lời nói. Ba cõi như huyễn hóa, như ảnh, như váng, như nắng quái, như trăng trong nước, như bẹ chuối. Người thế tục không hiểu chấp có vô ngã, bèn sanh ba cõi, không có thể tự cứu tế.

Bà trưởng giả tâm liền hiểu, biến thành nam tử, nhảy lên hư không, xuống lễ dưới chân Phật. Phật dạy người nữ rằng: Con ở đời sau hằng hà sa kiếp về sau sẽ thành Phật hiệu là Vô cấu Vương Như Lai chí nhân Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Vi thiện thệ, thế gian giải, Vô thượng sĩ, Đạo pháp ngự, Thiên nhơn sư, Phật hiệu Thiên Trung Thiên. Đời gọi là Quang Tịnh.

Lúc ấy trong hội chư Thiên nhân dân vô ương số, thấy biến hóa này đều phát vô thượng chánh chân đạo ý. Lúc ấy vợ của trưởng giả, các kiết sử đều hết, bạch Đức Phật rằng: Tôn và Ty đâu sai khác ư? Phật dạy: Tất cả vốn không, tùy tâm chỗ có. Tuy là hạ tiện phát tâm làm đạo, có thể thành Phật. Nếu là giàu sang, buông tâm kiêu mạn, không khỏi ác thú, địa ngục ngạ quỷ, súc sanh. Như trăng tăng giảm, như cây thạnh suy. Tất cả đều vô thường không có cái gì đáng nương tựa. Chỉ có đạo huệ sâu, là có thể bảo đảm, như hư không không tiến không thối.

Lúc ấy các người hạ tiện sai sử vui mừng nhảy hót, phát đại đạo ý biến thành nam tử, bất đắc khởi nhẫn. Phật dạy Ngài A Nan năm ấm vô xứ, lục tình vô căn, 12 nhân duyên không có đầu mối, tứ đại do nhơn, người ở chỗ nào?

Phật dạy lời ấy, mọi người đều hoan hỷ.

Phật thuyết Trưởng giả pháp chí thê kinh chung. Cao Ly Đại Tạng tập 14.

THỜI KHÓA SINH HOẠT
CHÙA BẢO SƠN

THỜI KHÓA SINH HOẠT HẰNG NGÀY

06 giờ 00 AM: Ngồi thiền - Lạy Phật

07 giờ 00 AM: Tụng kinh sáng

08 giờ 30 AM: Điểm tâm

12 giờ 30 AM: Thọ trai

05 giờ 00 PM: Tụng kinh chiều - Cúng cháo

06 giờ 00 PM : Tiểu thực

07 giờ 30 PM: Tụng kinh tối

09 giờ 30 PM: Thiền tọa

10 giờ 00 PM: Chỉ tịnh

- Sám Hối vào những ngày 15 và 30 Âm lịch mỗi tháng, vào lúc 7 giờ 30 PM.
- Chủ Nhật: Thuyết giảng và Cầu an- Cầu Siêu vào lúc 11 giờ 00 AM.
- Vào Chủ nhật giữa mỗi tháng Tây lịch có khoá tu **Thọ Bát Quan Trai.** Bắt đầu lúc 09 giờ 30 AM
- Kính thông báo đến Quý Phật tử được biết để theo dỏi và phát tâm tu học, tùy theo thời khoá mình có thể tham dự.

Trụ Trì,
Tỳ kheo Thích Huệ Giáo

PHẬT ĐẢN 2557
LỄ TẮM PHẬT

vu lan nhớ mẹ

Lệ Nguyệt

Hằng năm cứ vào độ trăng tròn tháng bảy Âm lịch là ngày Lễ Vu Lan, trong tâm thức của người Việt Nam.

Vu Lan mùa báo hiếu cha mẹ. Đức hiếu trung - Lòng Từ bi - Hỷ xả như giúp con người sống tốt hơn. Dẫu biết rằng không có người Mẹ nghèo trong mắt con thơ, chỉ có Mẹ sớm hôm tảo tần, vậy mà bây giờ tôi đã là mẹ, là bà ngoại vẫn chưa viết nỗi một dòng cho Mẹ trọn vẹn như tình thương của Mẹ dành cho tôi. Bởi lẽ, tôi biết dẫu đi đâu trên trái đất này, Mẹ vẫn luôn hiện hữu trong tôi, ánh mắt Mẹ vẫn lo lắng, vui buồn, những thành công hay thất bại của tôi, Mẹ luôn dõi mắt theo những bước chân trên những nẻo đường đời.

Nếu anh còn Mẹ, anh sẽ được cài một bông hoa màu hồng trên áo và anh sẽ tự hào được còn có Mẹ. Còn nếu anh mất Mẹ, anh sẽ cài lên áo một bông hoa màu trắng, sẽ thấy xót xa nhớ thương không quên Mẹ, dù người đã khuất…".

Bản thân tôi, cứ mỗi mùa Vu Lan về nhìn đóa hoa màu trắng trên áo, mắt tôi lại nhòa lệ, vì nhớ Mẹ, cho dù Mẹ tôi đã nằm xuống 20 năm rồi. Bên cạnh, người được hoa hồng sẽ thấy sung sướng nhớ rằng mình còn Mẹ và sẽ cố gắng để làm vui lòng Mẹ, kẻo một mai người khuất núi có khóc than cũng không còn kịp nữa.

Khi nghe ca khúc "Bông hồng cài áo" ai ai trong chúng ta cũng dâng lên một cảm xúc khó tả. Thật nhiều cảm xúc và bồi hồi về tuổi thơ được lớn lên trong vòng tay của Mẹ, nhớ lắm dáng Mẹ tảo tần sớm hôm, thương lắm bàn tay Mẹ chai sần ướm cơm nâng giấc ngủ cho con:

Mẹ cho con nắm bàn tay
Bàn tay Mẹ ẩm con ngày xưa đó
Mẹ ơi nếu lỡ một mai
Mẹ về với đất tay ai con cầm.

Ngày Vu Lan được cài bông hoa màu hồng trên áo, ta thấy mình hạnh phúc biết bao, rằng ta vẫn còn nơi sống, vẫn còn được sà vào lòng Mẹ mà nũng nĩu vòi vĩnh. Rồi khóc… cười thỏa thê. Mẹ luôn lắng nghe chia sẻ. Hoa hồng màu trắng quanh quẩn đâu đây, những khuôn mặt đượm buồn và những giọt nước mắt… xót thương cho nhưng ai không còn Mẹ!

Từ trong tâm thức tất cả chúng ta, đều cầu chúc Cha Mẹ được an lành, cầu chúc cho đôi mắt Mẹ không còn vương sầu, cầu chúc màu hồng trên áo mãi mãi là màu hồng. Cầu mong cho 365 ngày trong năm, ngày nào cũng là ngày Vu Lan, ngày của Mẹ, của những ai đang còn có Mẹ, nhớ Mẹ. Những ai còn hạnh phúc cài hoa hồng đỏ trên ngực áo mùa Vu Lan, xin hãy yêu quý Cha Mẹ mình, hay gìn giữ, nâng niu cha mẹ như báu vật. Đừng để khi Cha Mẹ không còn mới khóc than khi đó thì đã quá muộn màng, như dòng nước trôi đi có bao giờ trở lại. Một mùa Vu Lan nữa lại về, mùa của rộn ràng yêu thương, mùa của tri ân sum vầy.

Con đã viết rất nhiều… nhưng chưa một lần viết về Mẹ, dù Mẹ là người ở bên con nhiều nhất, lâu nhất và người thật sự yêu thương con. Hôm nay con bỗng thấy rằng… Mẹ! người suốt đời lo âu khổ nhọc vì con, không những chỉ cưu mang con chín tháng, mười ngày mà còn phải nuôi con từ thuở lọt lòng cho đến ngày con khôn lớn. Hành trình đó, quả thật gian lao khó nhọc. Nếu không có tình thương của Cha Mẹ thì con khó trưởng thành và khôn lớn như ngày hôm nay. Quả thật, công lao ấy được sánh như trời cao biển rộng. Khi con biết nằm nôi, Mẹ cho con bay cao với những rời ru mộc mạc, khúc hát yêu thương đi vào cuộc đời. Mẹ đã cho con trái tim biết yêu thương mọi người. Công đức của Cha Mẹ luôn trào dâng như suối nguồn bất tận. Mẹ nuôi con từ dòng sữa ngọt ngào, và Cha cho con trái tim yêu vô bờ bến. Mẹ đã dành cho con những gì tốt đẹp nhất, còn riêng mình chịu muôn phần đắng cay. Đối với Cha Mẹ con là niềm hy vọng và lẽ sống của mình. Chính vì thế, Mẹ vui trong niềm vui của con, Mẹ đau khổ khi thấy con thất bại. Dù con có khôn lớn bao nhiêu đi nữa, nhưng dưới mắt Mẹ con vẫn là một đứa trẻ luôn cần sự chăm sóc và che chở của Người. Dù con có đi khắp thế gian cũng không tìm thấy được tình thương mà Cha Mẹ dành cho con, vì tình thương ấy bắt nguồn từ trái tim yêu thương vô bờ bến. Thời gian thắm thoát thoi đưa, con khôn lớn nên người, nhưng Mẹ vẫn lo lắng theo từng bước chân con. Sợ con vấp ngã trước phong ba bão táp của cuộc đời. Mẹ thường nói với con rằng: "Niềm hạnh phúc lớn lao trong cuộc đời của Mẹ là thấy cháu con bình an và hạnh phúc".

Mẹ ơi! Trong vũ trụ có rất nhiều kỳ quan nhưng kỳ quan tuyệt hảo nhất vẫn là trái tim của Mẹ". Biển Thái Bình bao la, nước sông Hằng mênh mông cuồn cuộn, nhưng không sao có thể so sánh được với tấm lòng của Cha Mẹ. Với con Mẹ là biểu tượng thiêng liêng cao vời, Cha là tinh thần Chân - Thiện - Mỹ. Nếu có một người để con có thể chia sẻ những điều thầm kín riêng tư nhất, thì người đó chính là Mẹ. Nếu có người có thể tha thứ cho con bất cứ lỗi lầm gì người đó sẽ vẫn là Cha.

Con cám ơn Cha Mẹ đã dạy cho con biết cam chịu những gian lao thử thách của cuộc đời. Trong tận cùng nỗi đau đen tối của góc nhỏ đời con, Mẹ bao giờ cũng là người ở bên cạnh con với lòng bao dung, độ lượng và mở rộng tình yêu thương che chở. Chỉ có Mẹ mới có thể:

Đi cùng con qua hốc sâu thăm thẳm
Cạnh bên con khi tức tưởi một niềm đau.

Cám ơn Mẹ mang con đến thế gian này và cho con cả một khoảng thời gian tuổi thơ tốt đẹp. Con muốn nói với Mẹ rằng Mẹ là thiên thần hạnh phúc trong trái tim con. Cho dù hôm nay con phải cài một đóa hoa hồng màu trắng nhưng con luôn tự hào mình vẫn luôn có mẹ trong mùa Vu Lan buồn:

Hoa dù trắng hay hồng đều ý nghĩa
Chỉ được nồng hương sắc thể từ bi
Tình Mẹ còn hay tình Mẹ mất đi
Xin giữ mãi Mẹ ơi xin giữ mãi.
Con yêu Mẹ nhiều… nhiều lắm.

Kính dâng Mẹ mùa Vu Lan 2013

TƯỞNG NIỆM HÒA THƯỢNG ÂN SƯ:

cho để con tu cứu đời

NGUYÊN CHÁNH

Ôn trụ trì - gọi thế là đủ để nói hết một con người, không cần nói thêm gì nữa mà tất cả ai, đã sống và đang sống tại Thành phố Nha Trang cho đến thời điểm này, đều biết về Ôn - Trưởng lão Hòa Thượng Thích Chí Tín, trụ trì sắc tứ Long Sơn Tự - Tp Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa - thường quen gọi trong tâm thức mọi người - Chùa Tỉnh Hội.

Sau 1975 - một chiếc xe đạp cũ kỹ đi khắp các chùa chiền trong Thành phố Nha Trang, để nhắc nhở, sách tấn tinh thần của Tăng Ni làm Phật sự, động viên Phật tử tu học, đó là hình ảnh quen thuộc. Sau yên xe đạp một bó rau muống được cột chặt, Ôn mua ở Chợ Đầm vào mỗi buổi sáng để về nấu ăn cho Tăng chúng, đó là hình ảnh thường ngày. Bệnh nhân ở bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Khánh Hòa, và các trạm xá, các bác sĩ, y tá, nhân viên gác cổng qua nhiều thế hệ, ai lại không quen thấy hình ảnh Ôn, một tu sĩ với chiếc áo dài nâu bạt màu, vai mang, tay xách nhiều thứ, trái cây, sữa, đường, bánh và tiền tự đi mỗi phòng gửi bệnh nhân, an ủi họ trong lúc đau bịnh, đó cũng là hình ảnh quá quen thuộc của Ôn trong suốt bao nhiêu năm, Ôn có mặt tại Nha Trang và ít nhất gần 35 năm tôi được biết Ôn. Có thể nói, thời gian miệt mài như thế, và hành động của Ôn cứ kiên trì như thế, cuộc đời của Ôn thể hiện một hình ảnh như thế, đâu cần nói nhiều, vậy mà bao nhiêu thế hệ người tu đi qua, chắc khó tìm được ai hơn thế.

Ông Nội tôi chết, rồi Ông Ngoại tôi mất, kế đến Mẹ tôi qua đời, không một lời thỉnh cầu của gia đình, không cần phải thưa thỉnh, cung đón rình rang, cứ thế cách khoảng trong nhiều năm, Ôn lặng lẽ quang lâm nhiều tư gia, đốt hương, tụng kinh cầu nguyện và chia buồn với gia đình, cách tâm ấy, sự quan tâm ấy, tình người ấy, đã để lại quá nhiều cung bậc kính trọng đối với Ôn, trong tâm thức của người Phật tử và không phải Phật tử khi họ có mặt để tham dự rất nhiều lễ tang diễn ra tại Thành phố Nha Trang.

Bao nhiêu lễ hội của các chùa chiền trong Thành phố Nha Trang diễn ra, từ lễ nhỏ đến lễ lớn, Ôn không bao giờ tham dự, thế mà mọi thứ Ôn đều biết rất rõ, cặn kẽ, và có lời khích lệ chân thành, như là công việc của chính Ôn, tính khiêm nhường, không câu nệ hình tướng của một bậc xuất sĩ, cao Tăng là thế đó. Ngày chùa chúng tôi khởi công xây dựng, khánh thành đều có sự gia tâm của Ôn. Ôn gửi tiền cúng dường không là bao nhưng đó là sự quan tâm, lời động viên quý giá vô bờ bến mà Thầy tổ của chúng tôi, bao thế hệ huynh đệ, Phật tử tại chùa, không ai không nhớ đến ân tình của Ôn, người đã nặng lòng với tương lai của đạo pháp, tiếp trợ hậu lai là thế đó. Thật không biết, bao nhiêu hình ảnh xuất lộ từ hạnh nguyện quảng đại của Ôn, ngang qua một con người bình dị, mộc mạc, chân chất đậm đạo tình, đã để lại cho nhân thế một bài học vô cùng quý giá, dễ nhưng thật khó hành.

Nhớ lại, năm 1986 tôi có chuyến theo hầu thầy Bổn Sư đi ra thăm cố đô Huế, sự tình cờ, Thầy trò chúng tôi gặp Ôn đi theo đoàn hành hương ghé thăm Tổ đình Từ Đàm. Cũng chiếc nón lá cũ kỹ, áo nâu Ôn mặc phơi bạc theo năm tháng, trên vai mang một túi vãi, hình ảnh như một Bố Đại Hòa Thượng. Chúng tôi đến vái lễ Ôn, Ôn lặng lẽ lấy từ trong túi ra, không cần biết là bao nhiêu tiền, Ôn cho tôi. Tôi nhận và cám ơn Ôn. Trưa ngày hôm đó, chúng tôi đến Tổ đình Từ Hiếu, tình cờ gặp lại đoàn của Ôn cũng đến thăm Từ Hiếu, tôi vái lạy Ôn, lần nữa thói quen đó, Ôn lại lấy tiền từ trong túi vải ra, cho tôi nữa. Tôi cũng không dám nói gì, lặng lẽ nhận và cám ơn Ôn. Chiều hôm đó, chúng tôi lên Tổ đình Trúc Lâm, lại gặp Ôn cũng ghé Trúc Lâm, tôi lại vái lễ chào Ôn. Cũng thói quen đó, Ôn thò tay vào túi vải và lấy tiền ra cho tôi thêm nữa. Lần này, thì tôi mạnh dạn thưa Ôn, sao Ôn cho con tiền hoài vậy, sáng giờ con nhận của Ôn hai lần rồi. Ôn nghe tôi nói xong, không cười vẫn thản nhiên Ôn nói: "Cho để con tu rồi cứu đời". Kính lạy Ôn! Giá trị số tiền Ôn cho con không là bao nhiêu, lời dạy của Ôn rất ngắn, nhưng đã cho con một hành trang vô tận, lời dạy ấy đã đi theo con suốt chiều dài con lớn, và ẩn náu trong tâm thức của con, và dõi theo con trên bước đường con đi. Lời dạy của Ôn cho con, vẫn còn đang sáng rực, chiếu soi những bước chân của con TU ĐỂ CỨU ĐỜI. Tu để cứu đời, phải chăng là bản thể của người xuất gia, là hạnh nguyện rộng lớn của Ôn hiện hữu giữa trần thế. Ôi! Mộc mạc không văn hoa lời lẽ, chân thành không câu nệ hình thanh, thế mà cuộc đời Ôn đã chuyển tải hết màu sắc đạo hạnh, phẩm chất thanh cao của người tu Phật là thế đó, thế gian trôi nổi, bao nhiêu hình thanh, tướng trạng sẽ bị chôn vùi, còn lại chăng đạo tình và hành trang cứu đời, chứa đầy tâm nguyện vô biên, phục vụ chúng sanh chính là cúng dường chư Phật.

Hôm nay, tại Thành phố San Diego, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu một đệ tử của Ôn đã thiết lễ truy niệm, phục tang, hầu xưng tụng công hạnh cao cả của một bậc thầy khả kính của tầng tầng lớp lớp đệ tử tại gia, trong cũng như ngoài nước, có mặt trên khắp nẻo đường, quy hướng về chùa Phật Đà, thắp một nén hương tâm, nhớ tưởng một bậc xuất trần, long tượng của chốn thiền môn, đã thanh thản nhẹ gót ra đi, để lại vô vàn niềm kính tiếc.

Ôi! Một ngôi sao sáng giữa bầu trời rộng lớn, đã rơi rụng trong chốn u minh, thức tỉnh biết bao con người. Một tâm hạnh cao cả thênh thang đã một thời ôm ấp bảo bọc quần sanh như biển dài vô tận làm sáng đẹp cuộc đời.

Con xin nhiếp tâm hướng về Sắc tứ Long Sơn Tự thành kính đảnh lễ Giác Linh Ôn, cầu nguyện Giác Linh Ôn cao đăng Phật quốc, sớm hồi nhập Ta bà, cứu độ quần sanh.

Kính bái,
Thích tử Nguyên Chánh

CHÙA BẢO SƠN AN VỊ PHẬT
BỒ TÁT - A LA HÁN

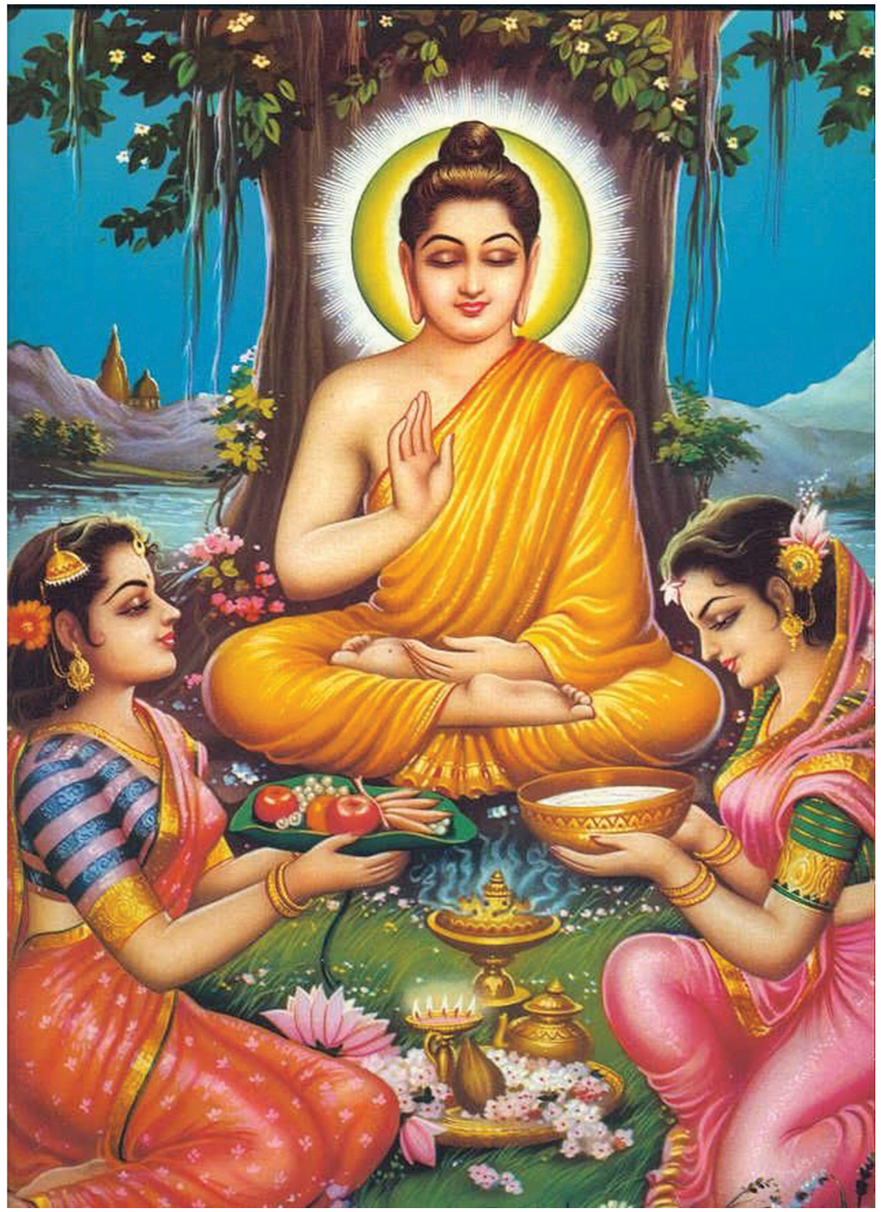

quan điểm của Đức Phật về thực phẩm và dinh dưỡng

Hyeon-Sook Lim
Nghiệp Đức dịch

Giới thiệu

Có một châm ngôn: "Chúng ta là những gì chúng ta ăn", hàm ý rằng thân thể bao gồm những thành phần phát xuất từ thực phẩm. Trong thực tế, cơ thể con người được hình thành bằng vật chất mà nó được cung cấp bởi những yếu tố bên ngoài chẳng hạn như prô-tê-in, li-pít, chất khoáng v.v... Tất cả những hành vi mà con người thực hiện, cả vật lý và tâm thức, là những chức năng điện hóa học được tạo ra bởi hooc-môn, chất dẫn truyền thần kinh, và en-zim; những thứ này tồn tại ở trong thân thể bằng những dưỡng chất lấy ra từ thực phẩm. Tương tự, ý thức, sự chú tâm, và nhận thức cũng được tạo ra thông qua tiến trình điện hóa học. Nhưng khái niệm này là chính yếu đối với khoa Dinh Dưỡng như một khoa học hiện đại. Đây là cơ sở của niềm tin rằng thực phẩm tiếp năng lượng cho thân và tâm thần.

Nhưng nếu tiêu điểm chỉ tập trung vào thân thể thì dễ dàng rơi vào việc thỏa mãn vị giác thay vì ăn một cách đúng đắn. Việc gia tăng gần đây những bệnh liên quan đến thực phẩm và béo phì cho thấy rằng chế độ ăn uống hiện nay có khuynh hướng tập trung vào thân thể mà nó không đủ để duy trì "sức khỏe toàn diện". "Sức khỏe toàn diện" là đề cập đến sức khỏe tinh thần, tình cảm, xã hội cũng như vật lý.

Đức Phật nhấn mạnh hơn 2.500 năm trước rằng hiện tượng vật lý và tâm thức là không thể tách rời. Khó có thể nói lời đúng đắn nếu không có sự chú tâm; không có suy nghĩ đúng đắn nếu không có ý thức; và không có hành động đúng đắn nếu không có nhận thức. Tâm về bản chất được nối kết với thân và ngược lại, vì thân thể được nối kết với tâm nên chúng có sự tương tác lẫn nhau. Ví dụ, một sự báo động trong đầu gây nên một sức ép tương ứng ở trong thân thể, chẳng hạn như co cơ và co thắt cơ tim. Bệnh vật lý gây nên sự yếu đuối và đau khổ tâm thần. Vì lý do này, mọi người cần tiếp nhận một sự nuôi dưỡ một ẩn dụ tuyệt vời mô tả sự nối kết này. Không khó để hiểu rằng, thực phẩm bao gồm không chỉ vật chất mà còn bao hàm những yếu tố vượt qua khỏi vật chất, chẳng hạn như tinh thần. Nhất nguyên luận nhấn mạnh cái nhìn bao hàm này về sự nối kết của thân và tâm.

Khoa Dinh Dưỡng như một khoa học hiện đại tập trung vào thực phẩm chỉ như là nguyên liệu vật chất và tầm quan trọng của người tiêu thụ thực phẩm là chỉ để duy trì thân thể. Tri thức khoa học về dinh dưỡng đã làm biến dạng nhiều cách hiểu truyền thống về thực phẩm, bao gồm những truyền thống dựa trên giáo pháp Phật giáo. Thay vì một cái nhìn rộng rãi về thực phẩm như là một khái niệm toàn diện liên quan đến tâm thức, cộng đồng và sinh thái, khoa Dinh Dưỡng xem thực phẩm chỉ như một vấn đề đo lường tính đếm, mà nó chỉ ảnh hưởng đến cơ thể. Điều này đã khiến chúng ta nghĩ rằng thân thể là một cỗ máy chỉ cần năng lượng để vận hành.

Kesten (2001), mặc dù là một nhà dinh dưỡng, đã hiểu được cách hiểu cổ xưa về thực phẩm, bao gồm tư tưởng của Đức Phật. Kesten đưa ra một vài hiểu biết mới về dinh dưỡng bằng việc giải thích cách những thuộc tính vốn có của thực phẩm liên quan đến một trạng thái sức khỏe: tinh thần, tình cảm, xã hội và vật lý. Nơi công việc sơ khởi này, Kesten 1) đề xuất khái niệm "dinh dưỡng tích hợp", mà nó không tách vật chất ra khỏi tinh thần, 2) tuyên bố thực phẩm thật sự là gì?, 3) nhận diện bốn phương diện của thực phẩm, 4) trình bày sáu bí quyết trị bệnh của thực phẩm, và 5) thảo luận về những phương cách tạo ra một sự nối kết tỉnh giác.

"Dinh dưỡng tích hợp" xác nhận cái nhìn tương tác và toàn diện rằng thực phẩm là tương thuộc sâu sắc với tinh thần, tình cảm, cộng đồng và ngay cả sinh thái. Ăn với chánh niệm, biết ơn, và cảm nhận về sự nối kết lẫn nhau của chúng ta và về môi trường có thể nâng cao sức khỏe của chúng ta.

Để nối kết cách hiểu của Phật giáo về thực phẩm với khoa học hiện đại về dinh dưỡng, cần thiết xem lại những quan điểm của Đức Phật về thân và tâm. Một sự xem xét lại như vậy mở ra những khía cạnh tích cực về chế độ ăn chay của Phật giáo cả về phương diện dinh dưỡng và sinh thái, và đưa chúng ta đến xem xét sâu hơn khái niệm của Kesten về "dinh dưỡng tích hợp". Điều chính yếu để phát triển những khái niệm dinh dưỡng mới là liên quan đến việc đạt lấy "sức khỏe toàn diện". Khoa Dinh Dưỡng và tôn giáo chia sẻ những mục đích tương quan, giúp ta thoát khỏi những bệnh vật lý và khổ đau tinh thần. Trong bài viết này, trước hết chúng tôi xem xét khái niệm "dinh dưỡng tích hợp"

và sau đó thảo luận quan niệm của Đức Phật về thực phẩm.

Khái niệm* "dinh dưỡng tích hợp" *được Kesten đề xuất

Khái niệm "Dinh dưỡng tích hợp" được Kesten đưa ra trong cuốn sách của bà, *The healing secrets of food.* Khái niệm của bà là một giải pháp toàn diện liên quan đến cả phương diện vật lý của dinh dưỡng và phương diện tinh thần, tình cảm và xã hội của những gì và cách con người ăn. Giải pháp của bà là rất giống với giải pháp của Phật giáo khi đưa ra khái niệm này bằng việc kết hợp tri thức cổ xưa về thực phẩm của những tôn giáo lớn và những truyền thống văn hóa trên thế giới với tri thức của khoa học hiện đại về dinh dưỡng. Kesten thấy rõ rằng hầu hết các tôn giáo và các nền văn hóa hiểu thực phẩm không chỉ là sự nuôi dưỡng thân thể.

Khoa học dinh dưỡng được khai sinh như một khoa học hiện đại vào những năm 80 thế kỷ XIX nhưng trớ trêu thay, quan điểm của nó về thực phẩm chỉ như một giá trị đong đo, tính đếm đã tạo ra một kỷ nguyên tối tăm về dinh dưỡng tinh thần. Bởi vì cái nhìn khoa học giới hạn của nó, quan tâm sức khỏe cộng đồng về thực phẩm chỉ tập trung hầu như chuyên biệt vào việc giảm những nguy cơ bệnh mãn tính chẳng hạn như đau tim, béo phì, tăng huyết áp và ung thư; trong khi mặt khác, xúc tiến một số chế độ ăn uống để giảm cân. Mặc dù những công trình này đã đem lại lợi ích lớn cho loài người, vẫn có những lợi ích lớn hơn có thể đạt được nếu những giải pháp dinh dưỡng cũng quan tâm vào những đặc tính vốn có khác của thực phẩm để bao gồm khả năng ảnh hưởng vào sức khỏe tinh thần, tình cảm và xã hội.

Kesten tin rằng trong khi mục đích của khoa Dinh Dưỡng là đưa ra những sự thật khách quan về thực phẩm, chẳng hạn như những ảnh hưởng của các dưỡng chất vào sức khỏe vật lý, đây là một cách hiểu không trọn vẹn về ý nghĩa của thực phẩm. Bởi vì thực phẩm là tương thuộc và có sự nối kết sâu sắc với tinh thần, tình cảm, cộng đồng và môi trường, chúng ta không thể có được "sức khỏe toàn diện" khi không có sự nhận thức này. "Sức khỏe toàn diện" là để cập đến một trạng thái hợp nhất của sức khỏe tâm thức với sự an lạc thật sự, sức khỏe của trí óc với niềm an vui thật sự, sức khỏe của liên kết xã hội với sự hân hoan thật sự, và sức khỏe của thân thể với sự khỏe mạnh thật sự. Đó là tại sao ăn với chánh niệm, biết ơn, và nối kết với nhau là quan trọng để nâng cao sức khỏe toàn diện.

Thật đáng tiếc rằng những quan niệm này về thực phẩm đã quá lâu không được chú ý đến. Như được trình bày từ đầu, khoa Dinh Dưỡng là tương tự với những khoa học khác, ở đó nó có xu hướng chỉ tập trung vào những gì có thể đo lường và bỏ qua mọi thứ mà chúng không đo lường được, đó là tại sao những đặc tính chữa bệnh vốn có của thực phẩm đã bị che lấp. Hầu hết mọi người, ngay cả những nhà dinh dưỡng, không xem xét những khái niệm này; do đó, chúng ta sử dụng thực phẩm chỉ như một phương tiện làm tăng điều kiện vật lý của chúng ta. Những nhà dinh dưỡng đã khám phá nhiều vấn đề quan trọng về prô-tê-in, hy-đrát-các-bon, và li-pít; rồi các vi-ta-min và các chất khoáng đã được bổ sung vào cho sự cân bằng, và cuối cùng các hóa học thực vật chẳng hạn như các polyphenol đã trở nên tiêu điểm chú ý nhất gần đây. Những phát hiện nay là cần thừa nhận trong việc nghiên cứu những bí quyết chữa bệnh của thực phẩm. Nhưng đáng tiếc, bởi vì chỉ tập trung vào phương diện sinh lý dinh dưỡng nó đã bỏ qua những khía cạnh quan trọng khác của thực phẩm.

Lý thuyết của Kesten về "dinh dưỡng tích hợp" đã là một điểm mốc quan trọng trong việc phát triển tri thức của chúng ta về dinh dưỡng. Kesten đã tìm cách hợp nhất ý nghĩa tinh thần, tình cảm và xã hội của thực phẩm với khía cạnh vật lý, theo đó có thể phục hồi lại gia tài đầy đủ của khoa Dinh dưỡng. "Dinh dưỡng tích hợp" của bà khảo sát những mối liên hệ giữa thực phẩm, sức khỏe, niềm vui, sự biết ơn, hoạt động xã hội và trí tuệ.

Trong cuốn sách của mình *Ageless body, timeless mind* (1993), Chopra viết "Sự chọc thủng có ý nghĩa nhất không chứa đựng ở trong những khám phá biệt lập mà ở trong một thế giới quan hoàn toàn mới." Khi "sức khỏe toàn diện" chỉ có thể có được thông qua sức khỏe tinh thần, tình cảm, và xã hội cũng như vật lý, thông tin hiện thời có được từ khoa học của khoa Dinh Dưỡng là không đủ để có được "sức khỏe toàn diện". Một cái nhìn đầy đủ về khoa Dinh Dưỡng phải bao gồm trí óc, tâm thức, cộng đồng và môi trường cùng với cơ thể. Một sự hiểu mới về thực phẩm là cần thiết, với một sự đánh giá đúng về những bí quyết chữa bệnh đa diện của thực phẩm bao gồm chánh niệm, cảm nhận, xã hội hóa và sự nối kết v.v…

1- Công bố về thực phẩm thực

Một phó phẩm của cách mạng công nghệ là đóng góp đáng tiếc của nó cho cái nhìn hiện nay về dinh dưỡng thông qua việc phát triển công nghệ để tinh chế và chế biến thực phẩm. Hai lợi ích của thực phẩm bị đánh mất thông qua những hoạt động này: 1. Các chất vật lý như các vi-ta-min, chất khoáng và phytochemical bị mất; và 2. Mất sự nối kết vô hình và sự đánh giá đúng về thực phẩm. Ví dụ, gạo lứt được phân thành gạo trắng, mầm và cám thông qua việc nghiền xát. Sự tiêu thụ gạo trắng mà chúng đã bị lấy đi những dưỡng chất cốt tủy đã trở nên phổ biến đối với mọi người thay vì gạo lứt. Rau và quả tươi bị nấu quá chín, nêm quá mặn và bị đóng lon/ hộp có sử dụng chất bảo quản nhân tạo.

Thêm nữa, thức uống nhân tạo được tiêu thụ rộng rãi, và các thực phẩm đã bị biến đổi về mặt di truyền đã trở nên phổ biến khắp nơi. Mặc dù những nhà sản xuất cố gắng cải thiện gạo trắng và nhiều thực phẩm được chế biến bằng việc sáp nhập trở lại những dưỡng chất bị mất đi trong quá trình chế biến, những thực phẩm này là không giống với tình trạng ban đầu của nó. Những hoạt động tinh chế và sản xuất cũng làm chệch đi mối liên hệ của con người với thực phẩm: người tiêu thụ không còn cảm nhận một sự nối kết hay lòng biết ơn về người sản xuất ra thực phẩm. Như vậy, khó để đạt được sức khỏe tinh thần, tình cảm và xã hội qua việc tiêu thụ những thực phẩm tinh chế hay chế biến sẵn.

Kesten (2001) quan tâm đến tình trạng này và bày tỏ rằng thực phẩm cần tươi, tự nhiên, không hỏng, bổ dưỡng và có lợi cho sức khỏe, với tình trạng nguyên vẹn ban đầu của nó. Điều này hoàn toàn trái ngược với quan niệm hiện nay về thực phẩm. Hầu hết chúng ta chấp nhận thực phẩm mà những thành phần ban đầu của nó đã bị hỏng mất, và như vậy không còn tươi, nguyên chất hay tự nhiên. Xã hội không nhận thức đầy đủ những ảnh hưởng của việc tiêu thụ những thực phẩm được chế biến này. Những dưỡng chất được cung cấp qua thực phẩm giúp duy trì những chức năng thuộc cơ thể, nhưng cơ thể không thể đóng chức năng đầy đủ với chỉ những dưỡng chất, mà không nhận biết sự nối kết của nó với tâm thức, cộng đồng và môi trường.

2- Bốn phương diện của thực phẩm

Kesten đưa ra một quan điểm rộng rãi về thực phẩm mà nó bao gồm bốn khía cạnh: sử dụng thực phẩm cho sức khỏe vật lý, cho sức khỏe tinh thần, cho sức khỏe tình cảm, và cho sức khỏe

xã hội. Từ cái nhìn hiện nay của khoa Dinh Dưỡng, thực phẩm chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe vật lý. Theo cái nhìn này, thực phẩm thỏa mãn cơn đói và cung cấp năng lượng và các dưỡng chất. Như vậy, giá trị của thực phẩm được định giá chỉ bằng lượng dinh dưỡng của nó. Mục đích của dinh dưỡng là để duy trì chức năng thân thể, và để giải quyết, ngăn chặn và đẩy lùi thực phẩm gây bệnh. Đây là phương diện của sức khỏe vật lý. Phương diện thứ hai liên quan đến sức khỏe tinh thần.

Quan niệm chính ở đây là sự nối kết tinh thần với thực phẩm, thông qua một sự hiểu biết về mối tương quan của tất cả các pháp trong thế giới: không khí, mặt trời, đất, nước, cây cỏ, muông thú, và con người. Nếu thực phẩm được sử dụng với một sự hiểu biết về sự nối kết này thì nó trở thành một con đường đưa đến sức khỏe tinh thần. Khía cạnh tinh thần này của dinh dưỡng liên quan với những đặc tính khác của tâm thức: ví dụ như sự quan tâm, tình thương, sự tôn trọng và biết ơn.

Khía cạnh thứ ba liên quan đến sức khỏe tình cảm. Điều này nối các cảm thọ với những hành xử liên quan đến thực phẩm, chẳng hạn như tham đắm hay sợ hãi một vài thực phẩm mà chúng có thể đưa đến những vấn đề như chứng chán ăn hay chứng háu ăn. Những nhà dinh dưỡng tâm lý thực hiện sự nghiên cứu về những ảnh hưởng của một vài loại thực phẩm đối với những cảm xúc qua việc làm giảm bớt các hoóc-môn, và sự ảnh hưởng của một vài loại cảm xúc và tính khí đối với việc chọn lựa thực phẩm. Mục đích ở đây là sử dụng thực phẩm để đạt lấy một kết quả cảm xúc mong muốn.

Khía cạnh sau cùng liên quan đến hạnh phúc xã hội. Điều này nói đến sự ảnh hưởng của thực phẩm khi được tiêu thụ trong một môi trường xã hội có cảm thông. Có những lợi ích khác nhau tùy theo tình huống: người ta ăn một mình hay với người khác, ngồi nơi một chiếc bàn bền chắc hay trên một chiếc ghế xem tivi, và môi trường của căn phòng là tích cực hay tiêu cực. Ăn chung cùng với những thành viên gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, hay những người hàng xóm thân thiện là rất quan trọng đối với lợi ích xã hội của chúng ta. Như vậy, dinh dưỡng xã hội mở ra sự nhận thức theo chiều hướng khác. Kesten (2001) đã giúp mở rộng lĩnh vực dinh dưỡng bằng việc đề xuất bốn phương diện của thực phẩm.

Những sự thật dinh dưỡng mới này cần được hiểu, bởi vì sức khỏe vật lý chỉ là một phần của "sức khỏe toàn diện", và không thể thành tựu bằng việc chỉ quan tâm đến thân thể. Tuy nhiên, hiểu biết hiện nay về dinh dưỡng chỉ liên quan đến những thành phần ở trong thực phẩm, những chức năng của các dưỡng chất ở trong cơ thể, những vấn đề sức khỏe liên quan đến thực phẩm, những gì cần để ngăn chặn và giải quyết chúng v.v… Tương tự với tình hình ở Hoa Kỳ, hầu như một nửa người tử vong ở Hàn Quốc là do vì những bệnh liên quan đến chế độ ăn uống: bệnh tim, béo phì, cao huyết áp, đột quỵ và ung thư. Những cái chết liên quan đến chế độ ăn uống này xảy ra bất chấp vốn kiến

thức về dinh dưỡng của người ta là rất rộng. Số người đang chống chọi lại những vấn đề sức khỏe liên quan đến chế độ ăn uống được xem là đang gia tăng; một ví dụ là bệnh béo phì.

Nhiều người Hàn Quốc bây giờ đang theo dõi trọng lượng của họ và tính đếm lượng ca-lo và bao nhiêu chất béo mà họ tiêu thụ. Đây là một sự cảnh báo đanh thép rằng kiến thức của chúng ta về dinh dưỡng là không đầy đủ. Thực phẩm không chỉ là về các dưỡng chất và con số. Một sự hiểu biết đầy đủ hơn là cần thiết; đòi hỏi một sự hiểu biết về thực phẩm có thể nuôi dưỡng những phương diện vật lý, tình cảm và trí tuệ của một con người. Như vậy, những sự thật dinh dưỡng mới phải là một thể thống nhất và toàn diện, và giải quyết những nhu cầu liên quan đến thực phẩm không thuộc vật lý, chẳng hạn như niềm vui ăn uống, những cảm thọ nối kết với thực phẩm, và niềm vui của bữa ăn xã hội. Nói cách khác, những nhà dinh dưỡng phải phát triển những chương trình ăn uống tốt nhất để trau dồi thân, tâm, và trí não.

3- Sáu bí quyết chữa bệnh của thực phẩm

Kesten thấy rõ rằng, bởi vì kiến thức của chúng ta về thực phẩm chủ yếu liên quan đến "thân thể", những vấn đề liên quan đến thực phẩm của xã hội là đang trở nên tệ hại và hỗn tạp. Bà khiến chúng ta thừa nhận sự tách rời vật lý hay tình cảm ra khỏi nhau, hay ra khỏi tự nhiên, và ngay cả bên trong chính chúng ta là do ảnh hưởng tiêu cực bởi các thói quen ăn uống của chúng ta. Trong một xã hội vội vã và nhiều lo lắng, những bữa ăn không còn được thưởng thức nơi bàn ăn, trong một khung cảnh thanh bình với gia đình quây quần, hay với thực phẩm thật sự bổ dưỡng. Thay vào đó, việc ăn uống được thực hiện một cách vội vã và lơ đễnh trong khi lái xe đi làm, hoặc đứng ăn tại bếp hay đang xem ti-vi.

Chúng ta chỉ quan tâm đến hương vị để thỏa mãn vị giác, lượng ca-lo và chất béo cho chế độ ăn uống; hay những thực phẩm dưới dạng dược phẩm để ngăn chặn những bệnh mãn tính. Hầu hết những nhà dinh dưỡng, những người viết về thức ăn, những chuyên gia sức khỏe, và thậm chí những nhà lãnh đạo tôn giáo, tiếp cận dinh dưỡng và sức khỏe theo dạng này. Bằng việc chỉ tập trung vào những đặc điểm bên ngoài, tâm thức, cộng đồng, trái đất, và vũ trụ không được để tâm đến và không để ý đến những bí quyết chữa bệnh của thực phẩm. Tuy nhiên, chứng cứ rõ ràng rằng thân thể có thể gặp phải những vấn đề như chứng khó tiêu, đột quỵ, hay đau tim nếu như có những cú sốc tình cảm, rắc rối tinh thần, hay sự xung đột giữa các thành viên trong gia đình. Rõ ràng thiền định có những lợi ích cho sức khỏe. Theo truyền thống, chỉ những người thực hành tâm linh phương Đông chẳng hạn như các Phật tử mới sử dụng kỹ thuật chữa bệnh hữu hiệu này cho những mưu cầu tâm linh. Tuy nhiên ngày nay, quan niệm thiền để có được những lợi ích sức khỏe đã trở thành xu hướng chính ngay cả ở những quốc gia Tây phương.

Kesten trình bày sáu bí quyết chữa bệnh mà chúng cho thấy rằng thực phẩm cấu thành nên một món quà sáu phần giống như một con súc sắc: xã hội, cảm thọ, chánh niệm, biết ơn, sự nối kết và thực phẩm tối ưu. Nếu chúng ta ban cho "con súc sắc dinh dưỡng" những phẩm chất của nó, chúng ta sẽ được đền đáp những bí quyết chữa bệnh của thực phẩm.

Sáu bí quyết này là:

1. Những bí quyết chữa bệnh của việc xã hội hóa: bằng việc kết hợp với người khác thông qua thực phẩm.

2. Những bí quyết chữa bệnh của cảm thọ: bằng việc thấy biết rõ những cảm thọ trước, trong và sau khi ăn.

3. Những bí quyết chữa bệnh của chánh niệm: bằng việc quán sát trong từng sát-na, sự nhận biết không phân biệt đối với mỗi khía cạnh của bữa ăn chúng ta.

4. Những bí quyết chữa bệnh của lòng biết ơn: bằng việc hiểu rõ thực phẩm và nguồn gốc của nó từ con tim.

5. Những bí quyết chữa bệnh của sự nối kết: bằng việc tạo ra một sự nối kết với Mẹ tự nhiên qua việc thọ hưởng thực phẩm với lòng yêu thương.

6. Những bí quyết chữa bệnh của thực phẩm tối ưu: bằng việc ăn những thực phẩm tươi, nguyên chất.

4- Những cách thức tạo ra một sự nối kết có ý thức

Kesten đề xuất nhiều cách thức để tạo ra một sự nối kết có ý thức. Thông qua những phương thức này, những bí quyết chữa bệnh có thể kết hợp thành một

bữa ăn chánh niệm trọn vẹn và tốt nhất.

1. Tìm kiếm sự an bình: Đó là điều quan trọng để giải thoát tất cả những cảm thọ và suy nghĩ tiêu cực khi xử lý thực phẩm để bắt đầu vào một hành trình nối kết có ý thức. Ví dụ, khi mua thực phẩm hay chuẩn bị những bữa ăn, thực hiện những điều ấy bằng một trạng thái điềm tĩnh, an bình, và tự tại của tâm. Khi ăn, chúng ta nên buông bỏ tất cả những vấn đề cảm xúc ở trong tâm và thay nó với tình thương tôn trọng thực phẩm của chúng ta. Bằng việc làm như vậy, một sự nhận thức sâu sắc về tất cả vạn vật ở trong Mẹ tự nhiên có thể đạt được.

2. Nối kết với sự bí ẩn của đời sống: Trước khi ăn, điều quan trọng là cám ơn những mối tương quan và nối kết của tất cả những thực thể sống mà chúng có sự tương tác với thực phẩm: đất, nước và những vật trung gian. Đất tạo ra cây cối mà chúng nuôi dưỡng con người và muông thú; nước là một thành phần cốt tủy của tất cả những thực phẩm có thể ăn được cũng như con người; và những người và vật trung gian tạo nên thực phẩm, chẳng hạn như nông dân, người lái xe, người bán hàng, đầu bếp, bạn bè và gia đình sử dụng năng lượng trong việc thu thập và chuẩn bị thực phẩm. Khi sự tương tác này được kinh nghiệm, nó tạo nên một sự nối kết có ý thức với tất cả mọi vật ở nơi Mẹ tự nhiên.

3. Hình dung mỗi loại thực phẩm ở hình thức ban đầu của nó: Hình dung cám gạo bị cuốn trong gió mỗi khi nhìn một chén cơm; mỗi khi thưởng thức khoai tây chiên chúng ta có thể hình dung mùi thơm của củ khoai tây khi chúng được nhổ ra khỏi đất; và khi cắn một miếng táo tươi tại sao không hình dung ánh nắng mặt trời chiếu trên cây táo? Hình dung mỗi loại thức ăn ở nơi hình dáng ban đầu của nó là quan trọng để tạo ra một sự nối kết có ý thức với Mẹ tự nhiên.

Quan niệm của Đức Phật về thực phẩm

Quan điểm mới về dinh dưỡng mà Kesten gọi là "dinh dưỡng tích hợp" đã được Phật giáo thừa nhận hơn 2.500 năm trước. Thực sự, triết học về "dinh dưỡng tích hợp" và "sức khỏe toàn diện" là cốt lõi của hiểu biết về thực phẩm như cách hiểu của các tôn giáo lớn cũng như các truyền thống văn hóa khác. Truyền thống Phật giáo nhấn mạnh thực phẩm và đưa ra những hướng dẫn cho việc sử dụng.

Phật giáo dạy rằng khả năng để chúng ta nhìn tự nhiên một cách đúng đắn đã bị bóp méo bởi vô minh, thứ được tạo ra bởi vòng luân hồi sanh tử. Tất cả khổ đau bắt nguồn từ vòng luân hồi này. Vì vậy, Ahimsa, hành xử từ bi với muông thú là một trong những điều cốt yếu giúp chấm dứt khổ đau. Một sự hành xử từ bi với muông thú một cách tự nhiên đưa đến chế độ ăn chay của Phật giáo.

Phật giáo chú trọng vào tính nguyên vẹn vốn có của thực phẩm và nhấn mạnh vào sự nuôi dưỡng lâu dài và ý nghĩa cho sức khỏe tâm linh, tình cảm và xã hội. Những khái niệm này bao gồm những hiểu biết về dinh dưỡng Phật giáo. Những Phật tử cổ đại đã khiến mỗi khoảnh khắc ăn uống là một kinh nghiệm có ý nghĩa và dành thời gian để tạo ra một sự nối kết với sự bí mật của đời sống vốn có trong cả thực phẩm và sự hiện hữu.

Có những luật lệ liên quan đến thực phẩm mà chúng khác nhau giữa các tông phái Phật giáo, chẳng hạn như thời gian thích hợp và số lượng thực phẩm có thể được ăn và việc cấm những thực phẩm sống. Tuy nhiên, tôn trọng luật lệ sử dụng thực phẩm mà nó không phạm vào giới thứ nhất trong năm giới, không được sát hại, là quan trọng và phổ quát nhất. Như vậy, trong Phật giáo, tôn trọng chế độ ăn chay trường là một kết quả tự nhiên và hợp lý của giới không được tước đoạt mạng sống. Đó là tại sao Phật giáo (Đại thừa), nói chung, về cơ bản luôn ngăn cấm việc ăn thịt động vật hay sử dụng những chất gây say nghiện. Các giới Bồ-Tát cũng triệt để cấm việc ăn những thức ăn mặn và cũng như việc ăn tỏi, hành, và một số rau gia vị khác.

Giáo pháp của Đức Phật và những truyền thống Phật giáo đưa ra những hướng dẫn quan trọng về thực phẩm cho tất cả chúng ta: những hướng dẫn này có thể được chấp nhận theo nghĩa đen cũng như nghĩa bóng đối với thế giới nhiều trần tục và chú trọng vào khoa học ngày nay. Theo những hướng dẫn này có thể khởi đầu một sự hiểu biết về những thực phẩm tốt nhất và cách những thực phẩm này ảnh hưởng đến tình cảm, sự quan tâm, biết ơn và sự nối kết giữa các loại hữu tình ở trong tự nhiên và xã hội. Đức Phật và tổ tiên của chúng ta hẳn đã hiểu tầm quan trọng của việc đặt ý nghĩa vào trong các bữa ăn. Năm giới đáp ứng như những hướng dẫn căn bản đối với cách để sống và nghĩ về thực phẩm. Xa hơn, năm phép quán tưởng (ngũ quán) đưa ra một cách thức cho việc suy ngẫm về thực phẩm trong khi ăn. Những sự thật dinh dưỡng này được thấm nhuần với ý thức, tình thương, sự quan tâm, tôn trọng, sự nối kết, cộng đồng, tâm linh, và cuối cùng là sức khỏe toàn diện. Mặc dù đây là một hiểu biết xa xưa, nó lại tương đồng với "dinh dưỡng tích hợp" mà Kesten đã đưa ra ở thế kỷ XXI.

Sự vô thường của thực phẩm phản chiếu vào trong tất cả đời sống. Thực phẩm đưa ra một sự nối kết với năng lượng sống mà nó vốn có trong vũ trụ. Sự quán chiếu rộng hơn về thực phẩm có thể giúp ta trải nghiệm những ảnh hưởng mạnh mẽ của nó. Sự thực, khi trồng trọt có ý thức, sự nhận thức này trở thành một phương tiện cho việc nối kết với cả "Mẹ tự nhiên", và sức khỏe toàn diện của chúng ta. Sự nối kết với thực phẩm được cân bằng và hoàn thiện chỉ khi có được sự nối kết của tâm, thân, tự nhiên và cộng đồng. Cuối cùng, sự cân bằng và hoàn thiện mối liên hệ đối với thực phẩm bằng việc nhìn sâu hơn vào giá trị dinh dưỡng và ca-lo của thực phẩm sẽ nâng cao sức khỏe vật lý, tình cảm, tâm linh và xã hội. Nhận thức trần tục sẽ được chuyển đổi thành sự viên mãn tâm linh...

1. Một cái nhìn Phật giáo về ăn chay

Bài viết có tựa đề "Một quan điểm Phật giáo về ăn chay" của Shywan, đưa ra một cái nhìn về ăn chay của Phật giáo. Shywan đã giải thích ba lý do đối với việc trở thành một người ăn chay.

a) Thực hành lòng từ: Một trái tim từ bi có thể biểu lộ ở trong mọi khía cạnh đời sống chúng ta, nhưng cách đơn giản và trực tiếp nhất là bằng việc thực hành một chế độ ăn chay. Một người từ bi không thể nghĩ đến việc ăn thịt của chúng sanh. Ngăn chặn khổ đau của chúng sanh bằng việc không ăn thịt của chúng để thỏa mãn khẩu vị là thể hiện tối thiểu sự cảm thông. Sự lựa chọn không giết hại xuất phát từ lòng thương và chọn lựa không ăn thịt chúng sanh phát xuất từ lòng từ bi.

Như được mô tả từ đầu, hành xử từ bi với muông thú ở trong Phật giáo là một sự thể hiện giới thứ nhất, không sát sanh, và kết quả ở nơi một chế độ ăn chay mà một cách cơ bản nó ngăn chặn bất kỳ việc ăn thịt nào. Đó là trọng tâm của chế độ ăn uống Phật giáo. Không có một sự phân cấp chúng sanh trong Phật giáo; tất cả đều quan trọng mặc dù mỗi loài tồn tại ở mỗi cấp độ khác nhau. Đức Phật dạy rằng giữ giới thứ nhất là cốt tủy để chấm dứt tất cả những khổ đau và vô minh; như vậy tôn trọng tuyệt đối một chế độ ăn chay là

một kết quả tự nhiên và hợp lý.

b) Tin vào nhân quả: Khái niệm nhân quả có thể hiểu đơn giản thế này: gieo nhân tốt thì nhận quả tốt, gieo nhân xấu thì nhận quả xấu, và quả tốt hay xấu chỉ là một vấn đề thời gian. Xem xét từ khái niệm này, mỗi miếng thịt được ăn và mỗi đời sống chúng sanh bị tước đoạt đều phải bị trả giá trong tương lai. Thật khó để nỗ lực chứng minh sự hiện hữu của khái niệm nhân quả, và nó thậm chí nghe có vẻ hơi khó tin. Tuy nhiên, ngay nơi đời sống này, những kết quả tiêu cực của việc ăn thịt là những chứng bệnh đau tim, vữa xơ động mạch, cao huyết áp, viêm não, đột quỵ, sỏi mật, bệnh xơ gan, và một số bệnh ung thư. Một sự nối kết đã được thiết lập trong tất cả những bệnh này giữa axit béo bão hòa và cholesterol mà chúng chính yếu có nguồn gốc từ động vật. Kết quả của việc ăn thịt, thực tế, là trực tiếp và có thể nhận thấy rõ ràng ở nơi sức khỏe vật lý.

Thêm nữa, theo Phật giáo, bởi vì tất cả chúng sanh đều có sự nối kết, mỗi chúng ta cần quan tâm những chúng sanh khác. Nếu một người giết kẻ khác, vị ấy thực sự đang giết một phần của chính mình. Tất cả hữu tình ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng bởi cộng nghiệp. Hành nghiệp phần nào giống với một tài khoản ngân hàng. Những hữu tình tạo nên nghiệp xấu thì tái sanh làm những chúng sanh thấp kém như súc sanh hay ngạ quỷ; những người thực hành ngũ giới và có tâm tốt sẽ sanh làm những chúng sanh cao hơn như loài người và chư thiên.

c) Thanh tịnh thân và tâm: Khái niệm này thì hơi khó để giải thích lô-gíc. Tuy nhiên, rõ ràng rằng ăn thịt tạo thành những phế phẩm chứa ni-tơ (N), chẳng hạn như a-mô-ni-ắc, u-rê, và a-xít u-rích, sau khi được tiêu hóa và chuyển hóa ở trong cơ thể. Những thứ này có hại cho cơ thể chúng ta. Bên cạnh những phế phẩm chứa ni-tơ, a-xít sialic, được tìm chính yếu ở trong thịt đỏ và sữa và được tiếp nhận từ những thực phẩm này, dường như để phát triển, khiến tạo nên u bướu. Hợp chất này được tìm thấy trên bề mặt các tế bào muông thú mà không tìm thấy nơi tế bào người.

Thêm nữa, muông thú chính chúng không phải luôn khỏe mạnh. Như vậy, nếu chúng ta ăn thịt của những con thú không khỏe mạnh, những vi sinh vật và những độc tố gây bệnh cũng có thể được đưa vào bụng. Thậm chí những chất độc, mà nó gây ra bệnh bò điên ở nơi bò và bệnh Creutzfeldt Jacob ở nơi người, được tìm thấy nơi những con thú mà chúng được cho ăn thịt và bột xương. Có vấn đề là thực phẩm thực vật ngày nay bị nhiễm thuốc trừ sâu; nhưng dù như vậy, chúng vẫn sạch hơn thịt. Một lợi ích bổ sung của việc ăn chay là một tâm thức an bình mà nó là kết quả ở nơi việc không lo lắng về những điều kiện mà một con thú bị giết thịt mang lại.

Đó là lý do tại sao mỗi khi người Phật tử nhìn thấy một người sắp sát hại một con thú vị ấy sẽ nghĩ đến một phương cách khéo léo để giải cứu hay bảo vệ nó, giúp nó thoát khỏi đau khổ. Tất cả chúng sanh muốn sống và sợ chết. Tất cả thú vật cố trốn thoát khi bị giết; ví dụ, một con cá bị ném lên đất liền, luôn cố gắng thoát khỏi thần chết.

Theo Phật giáo, mỗi thức ăn có những mức độ năng lượng khác nhau liên quan đến nó. Ví dụ, thức ăn chay có năng lượng nhẹ hơn, trong khi thức ăn bằng thịt động vật có năng lượng nặng hơn. Thức ăn bằng thịt động vật được xem mang nghiệp nặng hơn. Năng lượng nặng hơn này lan khắp cơ thể và tác động nó theo một cách thức tiêu cực…

2. Những kết quả của việc không theo giới thứ nhất

Thuật ngữ Phật giáo "Ahimsa" để cập đến lòng từ bi, hành xử không bạo lực với thú vật và với tất cả chúng sanh. Nó bảo đảm một đời sống tốt hơn và một sức khỏe tốt hơn. Cách khác, như được mô tả từ đầu, nếu ta ăn thịt của chúng sanh, ta sẽ hủy hoại lòng đại từ bi cũng như hạt giống Phật bên trong. Tức là, nếu ta không ăn thực phẩm bằng thịt động vật, những hạt giống từ bi và một tấm lòng cảm thông sẽ được vun bồi.

Ăn thịt bắt đầu một chu kỳ ăn nuốt và giết hại lẫn nhau, giữa những loài đang ăn và những loài bị ăn thịt. Đức Phật nói rằng sau khi quả báo sát sanh trả hết, người ăn thịt bị trói và nhấn chìm vào trong biển luân hồi sanh tử bất tận.

3. Năm quán tưởng trong khi ăn

Năm quán tưởng trong khi ăn, theo những chỉ dạy của Đức Phật, là một hướng dẫn giúp các Phật tử nghĩ về thực phẩm mà họ đang thọ dụng. Chính bước đầu tiên trong việc hỏi thực phẩm là gì, tại sao ăn nó, nó đến từ đâu, nó nên được ăn khi nào, và nó nên được ăn như thế nào.

a) Chúng ta nên xem xét thực phẩm là gì. Xem xét thực phẩm là "bình đẳng" với chúng ta mà ở đó nó hàm chứa những bí ẩn của đời sống con người. Thực phẩm được nối kết sâu sắc với tất cả những chúng sanh khác ở trong lưới trời Đế Thích. Như vậy, ở mỗi khoảnh khắc chúng ta là tương thuộc và liên kết với tâm linh, tình cảm, cộng đồng và ngay cả hành tinh, thay vì là một thực thể độc lập hay riêng biệt.

b) Chúng ta nên quán chiếu tại sao chúng ta ăn. Hiểu rằng thực phẩm được cung cấp là một điều cần thiết và một tác nhân chữa bệnh cho thân và tâm. Như vậy, thực phẩm chỉ được nhận và ăn cho mục đích "nhận ra Đạo", tức là phương tiện cho việc đạt đến giác ngộ.

c) Chúng ta nên xem thực phẩm đến từ đâu. Hình dung nơi chốn thực phẩm xuất phát và số lượng công việc cần có để trồng trọt, vận chuyển, chuẩn bị và nấu nó, và rồi dọn nó lên bàn. Như vậy chúng ta nên quán chiếu chúng ta có xứng đáng thọ dụng nó hay không.

d) Chúng ta nên quán chiếu khi chúng ta đang ăn. Bởi vì thực phẩm chỉ được thọ nhận để thực hành "Đạo" như là một phương thuốc để hỗ trợ thân thể, chúng ta phải thấy cách tâm hồn cũng như thân thể của chúng ta đói khát như thế nào. Người Phật tử tỉnh táo đối với sự quán sát này để ăn những bữa chỉ vào buổi sáng.

e) Chúng ta sau đó nên nghĩ về việc thức ăn được ăn như thế nào. Những lợi ích mà thức ăn mạng lại là khác nhau theo tình huống bữa ăn; ăn một mình hay với người khác, ngồi tại một chiếc ghế bền chắc hay trên một chiếc ghế xem ti-vi. Cùng ăn tại bàn với những thành viên yêu thương của gia đình, bạn bè, đồng nghiệp hay hàng xóm là rất quan trọng đối với lợi ích xã hội của chúng ta. Ăn uống trong một môi trường xã hội tích cực đem lại những lợi ích lớn nhất. Thực phẩm nên được ăn với ý thức về sự nối kết, sự quan tâm, chánh niệm và biết ơn để nó trở thành một con đường đưa đến sức khỏe tâm linh.

Nếu năm sự quán sát này được xem xét mỗi khi ăn, "sức khỏe toàn diện" có thể có được.

Những khía cạnh dinh dưỡng của ăn chay

Nói chung, được chấp nhận rộng rãi rằng chế độ ăn có kế hoạch chu đáo là lành mạnh về mặt dinh dưỡng và lợi ích cho việc ngăn chặn và điều trị những bệnh mãn tính. Thuật ngữ "chế độ ăn uống phòng bệnh" đã được sử dụng gần đây để nhấn mạnh khả năng tránh những bệnh liên quan đến thực phẩm. Có hai lý do chính mà người ta chọn một chế độ ăn chay giống với quan điểm Phật giáo. Thứ nhất là quan tâm đến thú vật và thứ hai là để nâng cao sức khỏe. Mặc dù Kesten không đề xuất một chế độ ăn chay nghiêm ngặt, bà nói rằng thực phẩm cần nên tươi, tự nhiên, nguyên chất, dinh dưỡng, và có lợi cho sức khỏe, với tình trạng nguyên vẹn của nó. Bà cũng tập trung vào bốn phương diện của thực phẩm: lợi ích vật lý, tinh thần, tình cảm và xã hội. Không dễ có được những lợi ích này bằng việc ăn thịt thú vật.

Tổ chức Web Dietitians nói rằng một chế độ ăn uống không thịt cá bây giờ là trào lưu chính. Tuy nhiên, người ta vẫn còn lo lắng về vitamin B12, một số chất khoáng bao gồm sắt, kẽm, can-xi và prô-tê-in. Trong phần này chúng ta trước hết sẽ thảo luận về những lo lắng dinh dưỡng liên quan đến chế độ ăn chay, và sau đó xem xét những điểm mạnh của lợi ích dinh dưỡng.

1. Những lo âu về dinh dưỡng

Về prô-tê-in, không cần thiết ăn thịt động vật để có đủ prô-tê-in. Chỉ prô-tê-in thực vật cũng cung cấp đủ cả a-xít amin cần thiết và không cần thiết cho sự tăng trưởng của cơ thể, cũng như những nguồn prô-tê-in của chế độ ăn kiêng khác, và lượng ca-lo thu vào là đủ cao để đáp ứng những nhu cầu năng lượng. Những loại gạo, đậu, hạt và tất cả rau quả chứa cả những a-xít amin cần thiết và không cần thiết. Cũng được biết rằng lợi ích sinh học của prô-tê-in trong đậu nành là gần như ngang với prô-tê-in động vật. Mayo Clinic Staff nói rằng đậu là một sự thay thế lành mạnh cho thịt, thực phẩm có nhiều chất béo bão hòa và cô-lét-xtê-ron hơn đậu. Rau đậu thuộc về loại rau quả bao gồm đậu hạt, đậu Hà lan và đậu lăng. Những mầm chồi, chẳng hạn như mầm linh lăng và mầm đậu nành cũng được xem là đậu.

Về các chất khoáng, có những nguồn dồi dào chất khoáng khác nhau, chẳng hạn như đồng, măng-gan và sắt, nằm trong số những thực phẩm có nguồn gốc thực vật. Tuy nhiên, giá trị sinh học của những chất khoáng trong chế độ ăn chay có thể có giới hạn, do vì a-xít phyic cao và có thể có những chất ức chế khác trong một số thực phẩm thực vật. Ngoài ra, thể sắt, sắt không có hê-mô-glô-bin, được tìm thấy trong những thực phẩm từ thực vật là ít giá trị hơn ở trong thực phẩm từ động vật. Tuy nhiên, đậu khô, đậu Hà lan, rau bi-na, đậu phụng, hạt và trái cây sấy khô chẳng hạn như nho khô, mơ và đào… là những nguồn thực vật giàu sắt, mặc dù những nguồn giàu nhất về loại khoáng chất này là thịt đỏ, gan và lòng đỏ trứng. Hunt kết luận rằng chỉ cần ta tiêu thụ đa dạng các loại thực phẩm, giá trị sinh học bị hạn chế này sẽ được bù đắp.

Ông cũng chỉ ra rằng tỷ lệ những người ăn chay mắc bệnh thiếu sắt là không cao, mặc dù có khuynh hướng họ có lượng dự trữ sắt thấp hơn động vật ăn tạp. Kẽm chính yếu được chứa trong trai sò, tôm và thịt. Tuy nhiên, gạo, đậu phụng và rau đậu cũng là những nguồn giàu kẽm. Hunt cho rằng bởi vì không có tiêu chí đáng tin cậy và rõ ràng để xác định lượng kẽm, không thể đánh giá sự ảnh hưởng của chế độ ăn chay về tình trạng kẽm. Những nguồn giàu can-xi là sữa, pho mát, sữa chua và những sản phẩm được làm bằng sữa khác. Tuy nhiên những loại rau xanh chẳng hạn như rau bi-na, cải xoan, củ cải, bông cải xanh, cũng như một vài loại rau đậu và những sản phẩm đậu tương cũng là những nguồn tốt về kẽm và có nguồn gốc từ thực vật.

Ngoài ra, trái cây và rau củ có thể hạn chế việc mất can-xi do tiểu tiện. Thêm nữa, câu hỏi về các chất khoáng không còn là một vấn đề khi ta có thể tiêu thụ những sản phẩm được bổ sung sắt, can-xi và kẽm chẳng hạn như ngũ cốc có bổ sung các chất này khi chế biến, nước cam, hay sữa đậu nành. Về B12, loại này vốn dĩ chỉ có từ những nguồn động vật. May mắn, nó cũng có thể tìm thấy trong một vài loại bột ngũ cốc và thức uống bằng đậu nành, cũng như ở nơi những phần bổ sung vitamin.

2. Lợi ích dinh dưỡng

Ngày nay, khoa học có hiểu biết tốt hơn về một chế độ ăn uống dựa trên thực vật bởi vì nhiều cuộc nghiên cứu chỉ ra rằng một chế độ ăn uống đặt nền tảng trên thực vật có thể mang lại những lợi ích chuyển hóa chất khác nhau, chẳng hạn như các mức cholesterol thấp hơn, giảm tỷ lệ mắc phải bệnh đau tim, huyết áp thấp hơn, kiểm soát đường được cải thiện, nguy cơ của nhiều bệnh ung thư thấp, giảm trọng lượng cơ thể, và thậm chí xương cứng hơn. Cũng được nhiều người thừa nhận rằng sự mang bệnh và đột tử ở những người ăn chay là thấp hơn những người ăn tạp. Những lợi ích này là kết quả từ một chế độ ăn uống mà ở đó có chất béo bão hòa không cao, có chất xơ trong rau quả, và hóa chất thực vật, trong khi chất béo bão hòa thấp với không có cholesterol từ thực phẩm thực vật.

Davis và Kris-Etherton tường trình lại rằng một chế độ ăn chay có lượng chất béo thấp hơn không đáng kể một chế độ ăn tạp. Tuy nhiên, chế độ ăn chay giảm một phần ba chất béo bão hòa và khoảng một nửa cholesterol so với chế độ ăn tạp. Thêm nữa, bởi vì cholesterol có nguồn gốc từ thực phẩm bằng thịt động vật, không có cholesterol ở một chế độ ăn uống đặt cơ sở trên thực vật.

Chất xơ trong rau quả là thành phần tiềm tàng có ích khác của một chế độ ăn chay.

Trong số những thành phần của thực phẩm thực vật, dược phẩm sinh vật đang có chiều hướng gia tăng bởi vì những lợi ích mạnh mẽ và bao quát của chúng. Được cho rằng những thành phần có nguồn gốc thực vật này có thể tăng cường sức mạnh bằng việc bảo vệ các tế bào ở trong cơ thể. Nơi thực vật, những hợp chất này đóng chức năng thu hút và đẩy lùi những vi sinh có hại; chúng cũng đáp ứng như những vật bảo vệ quang hóa, và đối phó lại những thay đổi môi trường. Nơi con người, chúng có thể có những chức năng bổ sung; những hoạt động chống ô-xy hóa, sự chuyển đổi en-zim khử độc, sự kích thích hệ thống miễn dịch, sự giảm chứng sưng viêm, sự điều biến trao đổi chất xtê-rô-ít, và những ảnh hưởng chống khuẩn và chống vi-rút. Sự kết hợp những quy trình sinh học này hầu như có khả năng thay đổi nguy cơ và nguồn gốc ung thư: chúng cũng hạn chế quá trình đột biến và biểu sinh của DNA.

Ornish nhấn mạnh khắp các cuốn sách của ông rằng bệnh đau tim có thể được đảo ngược bằng việc sử dụng bốn phương pháp: một chế độ ăn chay chất béo thấp, giảm căng thẳng, thể dục điều độ, và không hút thuốc. Trong số những giải pháp này, điều quan trọng nhất rõ ràng là một chế độ ăn chay ít chất béo. Ông khuyến khích bệnh nhân của ông ăn nhiều thực phẩm chay ít chất béo và thấy rằng hầu hết đã giảm trọng lượng quá mức cho phép. Thêm vào việc nhấn mạnh thực phẩm chay, ông đề cao việc giảm căng thẳng thông qua việc tìm kiếm an bình nội tâm và những nối kết xã hội, mặc dù mối liên hệ đối với việc giảm tăng cân hay sức khỏe tim mạch là khó để chứng minh về phương diện khoa học.

Những khía cạnh môi trường của ăn chay

Với việc xem xét cụ thể những ảnh hưởng của dinh dưỡng vào sức khỏe, môi trường, xã hội và kinh tế, sinh thái dinh dưỡng bao hàm tất cả những thành phần của dây chuyền thực phẩm, bao gồm sản xuất, thu hoạch, bảo quản, nhập kho, vận chuyển, chế biến, đóng gói, buôn bán, phân phối, chuẩn bị, và tiêu dùng thực phẩm, cũng như vứt bỏ những thứ phế thải. Sự mở đầu của một sản phẩm từ động vật đã góp phần cho vô số những ảnh hưởng tiêu cực vào môi trường. Để tránh làm tổn hại hệ sinh thái và để đạt được an toàn dinh dưỡng, những khía cạnh bổ sung cần được kết hợp. Sự cần thiết của việc chọn một cái nhìn toàn diện hơn cho sự phát triển bền vững đã được nhấn mạnh bằng những khủng hoảng gần đây nơi hệ thống dinh dưỡng, như được thảo luận tại Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về thực phẩm.

Chế độ dinh dưỡng ảnh hưởng đến môi trường, mà nó đến lượt quyết định phẩm chất của thực phẩm. Kết quả của hầu hết các cuộc nghiên cứu cho thấy rằng một chế độ ăn chay là rất thích hợp với việc bảo vệ môi trường, giảm ô nhiễm, và giảm những thay đổi khí hậu toàn cầu. Leitzmann nhấn mạnh rằng để cực đại hóa những lợi ích môi sinh và sức khỏe của một chế độ ăn chay, thực phẩm nên được sản xuất theo vùng, tiêu thụ theo từng thời vụ và được trồng trọt hữu cơ. Một chế độ ăn chay tôn trọng triệt để những điều kiện này là có cơ sở khoa học, được chấp nhận về phương diện xã hội, khả thi về phương diện kinh tế, thỏa đáng về văn hóa, có thể thực hiện được, và hoàn toàn có thể chứng minh được.

Khi sự tổn hại hệ sinh thái gây ra bởi việc sản xuất động vật công nghệ được kiểm tra, một vài khía cạnh cần được xem xét. Trước hết, nhu cầu đất cho việc sản xuất prô-tê-in thịt là gần như gấp mười lần sản xuất prô-tê-in thực vật, như vậy đưa đến việc phá rừng. Thứ hai, khoảng 40% thu hoạch hạt là để nuôi gia súc. Và thứ ba, phân súc vật góp phần làm gia tăng mức ni-trát có khả năng gây ung thư trong nước uống và thức ăn thực vật. Thêm nữa, sản xuất gia súc đòi hỏi đáng kể năng lượng và nguồn nước.

Nhiều nhà nghiên cứu khác nhau đề xuất rằng giải pháp giải quyết những vấn đề gây ra bởi sản xuất gia súc theo công nghệ là lối sống ăn chay. Những ảnh hưởng sinh thái tích cực của việc ăn chay có thể gia tăng thêm bằng việc tránh những thực phẩm gia công và bằng những thực phẩm có giá trị thích hợp cũng như những thực phẩm hữu cơ được sản xuất theo địa phương. Bằng cách này, cần có sự hỗ trợ để trợ giúp mở mang canh tác gia đình, việc làm an toàn, và sự an toàn của việc phân phối thực phẩm toàn cầu. Bổ sung cho những lợi ích sinh thái này, nuôi nhốt và giết mổ gia

súc có thể tránh được.

Ngang qua những sáng kiến này, quan tâm của Đức Phật về quyền của thú vật có thể được thực thi. "Sự bền vững" có nghĩa là tạo ra những điều kiện mà chúng đáp ứng những nhu cầu toàn cầu hiện nay và cũng giúp những thế hệ tương lai nhận được những nhu cầu của họ. Từ một quan điểm dinh dưỡng, sự bền vững cũng liên quan đến việc phân phối thực phẩm công bằng ngang qua hành xử bảo vệ sinh thái và ăn uống ngừa bệnh. Để đạt đến sự bền vững đòi hỏi một sự tái định giá rốt ráo về những giá trị chung của chúng ta để đạt được một cách hiểu mới về phẩm chất đời sống của chúng ta. Vấn đề phẩm chất xứng đáng của thực phẩm cần được nói rõ với tất cả mọi tầng lớp xã hội, với mục đích đạt lấy sự an toàn dinh dưỡng cho tất cả.

Đồng ý với lời dạy Đức Phật, Kapleau nhấn mạnh rằng thú vật cần được xem như những người bạn gia đình để chăm sóc và thương yêu, cũng như cần được xem như là hoang dã để giữ lấy sự cân bằng hệ sinh thái vốn mong manh của chúng ta. Thú vật cũng có nhu cầu cho mục đích khác: như một đường nối với những gốc rễ quá khứ.

Leitzmann lập thành công thức bảy nguyên tắc sau để thực hiện những nhu cầu về những khía cạnh sinh thái, kinh tế, xã hội và sức khỏe: 1. Thực phẩm chính yếu nên có nguồn gốc từ thực vật; 2. Bắt nguồn từ trồng trọt hữu cơ; 3. Được sản xuất theo vùng miền và theo thời vụ; 4. Được chế biến nhỏ; 5. Được đóng gói phù hợp sinh thái; 6. Buôn bán thực phẩm nên trong sạch; và 7. Thực phẩm nên được chuẩn bị có thẩm mỹ. Những nguyên tắc này là tương đương với những nguyên tắc được Kesten đề xuất ở nơi khái niệm "Dinh dưỡng tích hợp" của bà. Một chế độ ăn uống được đặt cơ sở trên những nguyên tắc này có cơ sở khoa học, được chấp nhận về phương diện xã hội, khả thi về phương diện kinh tế, thỏa đáng về phương diện văn hóa, có thể thực hành được, và có một mức độ bền vững cao.

Sinh thái dinh dưỡng cũng là một câu hỏi về những quyền ưu tiên con người. Những người tiêu thụ có sự quan tâm và thạo thông tin có thể xem xét các luận cứ và thực hiện những quyết định cần thiết. Cái nhìn về tương lai bền vững tùy thuộc vào những cá nhân nhận thấy có trách nhiệm cả với môi trường và sức khỏe của họ. Một trong những cách thức có hiệu quả nhất là đạt được các mục đích sinh thái học dinh dưỡng, bao gồm những chọn lựa thực phẩm lành mạnh và bền vững, là một lối sống ăn chay.

Kết luận

Bài viết này đưa ra những điểm tương đồng giữa cái nhìn mới của Kesten về khoa Dinh dưỡng và quan điểm của Đức Phật về thực phẩm. Cái nhìn của Đức Phật về thực phẩm đòi hỏi chúng ta những người đang sống trong thế kỷ XXI, xem xét lại những quan điểm lỗi thời của chúng ta về dinh dưỡng và về sức khỏe, rằng thực phẩm là năng lượng và thân thể là một cỗ máy mà nó điều chỉnh sự pha trộn đúng những dưỡng chất để có lợi cho sức khỏe. Cách hiểu này được hình thành chỉ một thế kỷ trước, thế nhưng nó đã che khuất tất cả những tri thức liên quan đến thực phẩm của thời cổ xưa bằng việc nhấn mạnh vào những vấn đề có thể nhìn thấy và đo tính được, và bỏ qua những phương diện không nhìn thấy như lợi ích và sức khỏe tình cảm và tinh thần.

"Dinh dưỡng tích hợp" có nhiều sự tương hợp với giáo pháp Phật giáo. Sự thực hành này tiếp cận thực phẩm và dinh dưỡng một cách toàn diện; nhấn mạnh không chỉ phương diện vật lý mà cũng bao gồm phương diện tinh thần, tình cảm và xã hội.

May mắn, với những xã hội đang thay đổi, dân chúng ở những quốc gia phương Tây đang xa lánh thịt và những sản phẩm từ động vật, và đang quan tâm đến một chế độ ăn chay. Khuynh hướng này đang khuyến khích những chuyên gia dinh dưỡng nghiên cứu về những ảnh hưởng của một chế độ ăn chay…

Hyeon-Sook Lim *
- Nghiệp Đức *dịch*

Chú thích

* Bài viết này của ba tác giả: Hyeon-Sook Lim, Sang-Ju Hwang, và Sung Bae Park. Hyeon-Sook Lim là giáo sư của Phân khoa Thực phẩm và Dinh dưỡng, Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc; Sang-Ju Hwang là giáo sư Phân khoa Mỹ thuật, Đại học Dongguk, Hàn Quốc; và Sung Bae Park là giáo sư về Triết học và Tôn giáo Á châu, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc, Phân khoa Nghiên cứu Á Châu-Hoa Kỳ, Đại học Stony Brook, Hoa Kỳ. Bài viết này được đăng trên International Journal of Buddhist Thought & Culture, Vol.12 (1/2009), tr. 29-57.

tudis về chùa

Du Hóa

Tudis là pháp danh của chú chó có tên là Meilairn. Tudis được gửi tới chùa qua một người hàng xóm của chủ nó. Chủ của Tudis đã nuôi dưỡng chú được gần 2 năm, tính theo tuổi của Chó, thì Tudis đã được 14 tuổi, độ tuổi chưa trưởng thành. Tudis sinh ngày 01 tháng 11 năm 2009. Cũng nhằm ngày sinh của Thầy và ngày thành lập chùa, đó là một sự trùng hợp đặc biệt.

Ở Mỹ nuôi chó không đơn giản, người ta thường nói chó là số 01, trẻ em là số 02, thứ 03 mới đến phụ nữ. Cho nên, khi chùa muốn nhận Tudis về nuôi cũng phải suy nghĩ thật cẩn thận. Không biết có đủ điều kiện, có thời gian chăm sóc và có đáp ứng nhu cầu mà sở bảo vệ động vật đòi hỏi hay không, nếu không xong thì cũng thật là rắc rối, cho người nuôi và lẫn cả chú chó này.

Suy nghĩ thì nhiều, nhiều lắm, nhiều lời khuyên không nên, vì Chó Mỹ cũng không đáp ứng thiết thực cho việc giữ nhà như chó ở Việt Nam. Chỉ nhọc công mà thôi, không khéo mang họa vào thân. Suy nghĩ lang man, nghĩ đến kiếp người liên quan đến kiếp chó, cũng là chúng sanh cả, tình thương yêu thì không giới hạn ở các loài, chúng sanh thì đều có Phật tánh, biết tu thì sẽ thành Phật trong tương lai. Nghĩ như vậy, Chùa quyết định mang Tudis về nuôi.

Ngày Tudis về chùa, sự khác lạ và bất ngờ với nhiều người là Tudis hòa nhập rất nhanh, chạy quanh khắp chùa với tinh thần hết sức thoải mái, như là trở về nhà của chính mình, vì đã đi lạc từng nhiều ngày qua. Đêm đó Tudis không ngủ được, nỗi mừng được trở về. Tudis đã thức suốt đêm đó, dưới ánh trăng mập mờ của những ngày đầu tháng, trong một không gian tịch mịch, giữa sân chùa, không một mảnh vải đắp thân và không sofa rộng rãi như đã ở nơi chốn lớn lên hai năm qua.

Thân phận của Tudis là một súc sanh, nhưng không thoát khỏi cái luẩn quẩn của chúng sanh ở trần thế, mặc dầu loài chó sanh ra ở phương Tây, các nước giàu có, vẫn sướng hơn nhiều so với các loài chó sinh ra ở các nước chưa phát triển. Chó ở các nước văn minh, được chăm sóc và nuôi dưỡng hết sức bài bản, và chó cũng không bị hành hạ cả thân lẫn tâm. Nhưng thân phận của kiếp người và súc sanh thì ở đâu cũng thế, phương nào cũng thế, đã là chúng sanh bị thôi thúc bởi nghiệp lực, thì không thoát khỏi những cái khổ của sanh, già, bệnh, chết, thương nhau mà xa lìa cũng khổ, ghét nhau mà cứ gặp cũng khổ, muốn mà không được cũng khổ, tâm thể và môi trường không ổn cũng khổ. Tudis có cái khổ thương nhau mà bị chia lìa, hay cái khổ của môi trường không ổn. Chủ nhà của Tudis phải dọn đi nơi khác, vì nhà không trả tiền nổi phải bán đi. Chủ nhà vào thuê ở trong một condo, thường condo thì không được nuôi chó. Thế là chủ và tớ phải chia tay, hoặc hai người bạn phải chia tay. Ngày Tudis về chùa cả nhà của Tudis đứng tiễn đưa trong hai hàng nước mắt. Chỉ có một mình Tudis là không nhìn lại khi ở bên chân Thầy.

Có người nói rằng, con chó này có duyên ở chùa, cũng có người nói lạ, sao nó hòa nhập với môi trường của chùa nhanh thế, và cũng có người nói là con chó này chắc kiếp sau nó sẽ thành người. Tất cả những gì mọi người nói không biết Tudis có nghe được chăng, nhưng Thầy mong rằng Tudis sẽ thành người trong kiếp sau, nếu Tudis chịu nghe kinh và lim dim niệm Phật theo tiếng mỏ mỗi ngày.

So với nhiều người và cả đồng loại chó, thì xét ra Tudis cũng có duyên với Phật pháp lắm chứ, chúng ta thường nghe nói: Phật Pháp nan văn, chúng Tăng khó gặp, vậy mà Tudis được quy y, được Thầy cho pháp danh và được ở trong chùa với Thầy, nghe kinh sớm tối. Chắc nay mai Tudis cũng sẽ ăn đậu hũ, rau luộc không ăn những thức ăn cho các loài chó nữa. Hiện nay, Tudis đã thèm ăn đậu hũ rồi đó, mỗi khi Thầy dùng cơm thì Tudis đã muốn xin một miếng.

Nếu chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, chúng sanh ai cũng có tánh giác ngộ, ai cũng có thể thành Phật, nếu giác ngộ và tu tập thì cũng tin chắc rằng Tudis cũng sẽ tu được trong nay mai, và cảnh chùa chính là nơi chốn để Tudis thay đổi thân phận của mình, đã nhiều kiếp mang trong cõi ta bà khổ lụy này. Một cảnh giới lắm nhiều oan trái và éo le của cuộc đời.

LỄ VU LAN 2013

ý nghĩa việc niệm Phật vãng sanh

Thường Quý - Hoàng Minh *dịch*

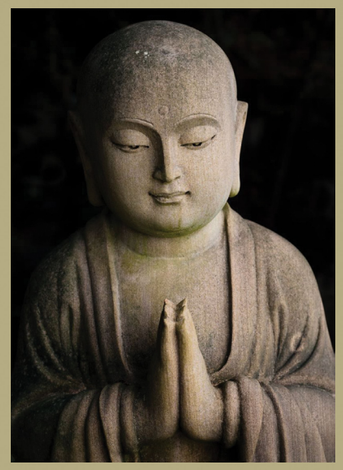

Đề cập đến sự phát khởi Tịnh -độ, thì trong khắp mười phương vốn có vô lượng Tịnh-độ. Như Tịnh-độ Lưu Ly của Đức Phật Dược Sư ở phương Đông, Tịnh-độ Chúng Hương của Phật Hương Tích ở cõi bên trên, Tịnh-độ Ngài Di-Lặc trên cung trời Đâu-suất, cho tới Tịnh-độ của chư Phật, Bồ-Tát trong khắp mười phương. Tịnh-độ nhiều vô số kể thế ấy, không phải không do nơi đâu mà có, đều do chư Phật vất vả chuyên cần tiến tu công đức mới được thành tựu. Mục đích thành tựu Tịnh-độ, vì để thu phục hóa độ chúng sanh, phàm có chúng sanh nào chí tâm phát nguyện vãng sanh, không một ai theo nguyện đó mà không thành tựu, một khi sanh đến Tịnh-độ, đều được quả vị Bất Thối Chuyển. Nhưng ở trong các Tịnh-độ, thì người tu hành học tập Pháp môn Tịnh-độ của đức Phật Di-Đà cõi Tây Phương Cực Lạc này với số lượng nhiều và phổ biến ở nước Trung Quốc. Vì vậy, không bàn về Tịnh-độ thì thôi, một khi bàn đến Pháp môn tu Tịnh-độ, mọi người không ai hẹn nhau mà cũng đồng tình lấy việc niệm Phật, vãng sanh nơi Tịnh-độ Cực Lạc làm chỗ nương tựa quay về.

Sở dĩ pháp môn Tịnh-độ Cực Lạc của Đức Phật A-Di-Đà được nhiều người tín ngưỡng và phổ biến, nguyên nhân chủ yếu nhất, là ở trong giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hơn nữa trong các Kinh-Luận Đại-Thừa cả thảy đều khen ngợi Tịnh-độ ấy, mọi chỗ đều lấy làm chốn nương tựa quay về. Ngoại trừ Kinh A-Di-Đà, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, và Luận Tịnh-độ, gọi đó là Ba Kinh Một Luận, vì chuyên bàn về Sự-Lý bên ngoài Tịnh-độ ấy, còn lại như có Thập Đại Nguyện Vương của Bồ-Tát Phổ Hiền trong Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài phổ nguyện rộng khắp, và Hải chúng trong Thế Giới Hoa Tạng, hồi hướng sanh đến Thế giới Cực Lạc, mong tới thời kỳ viên mãn quả vị Phật. Ở phẩm Bổn sự về Bồ-Tát Dược Vương, trong Kinh Pháp Hoa, có nói: sau khi đức Phật diệt độ được năm trăm năm, nếu có người nào nghe được kinh điển ấy, tu hành như pháp đã nói, khi xả bỏ thân này, liền được sanh đến thế giới An Lạc. Trên Chương Niệm Phật Viên Thông của Ngài Đại Thế Chí Bồ-Tát, trong Kinh Hoa Nghiêm nói: "Lúc khởi đầu tu tập, tôi dùng tâm niệm Phật, mà được

vào Vô Sanh Pháp Nhẫn, bây giờ ở cõi này, thu nhiếp người niệm Phật, quay về nơi Tịnh-độ. Tiếp đó, các Kinh như Kinh Bảo Tích, Kinh Cổ Âm Thanh Vương, Kinh Bi Hoa,… đều nói đến Tịnh-độ của Đức Phật Di-Đà. Ngoại trừ việc khai diễn Kinh điển, các loại phương diện Luận điển, Khởi Tín Luận của Ngài Bồ-Tát Mã Minh nói: chúng sanh mới đầu học Pháp ấy, muốn cầu chánh tín, tâm họ nhút nhát yếu kém, do sanh ở cõi Ta-Bà, thường không gặp được Phật, lòng tin khó thành, ý người đó muốn thối lùi, nên biết Đức Như Lai có Phương tiện thù thắng, nhiếp thu hộ trì tín tâm, gọi đó là nhân duyên chuyên ý niệm Phật, tùy theo bổn nguyện nơi mình muốn sanh ở Tịnh-độ của đức Phật nào, thì sẽ được sanh đến cõi Tịnh-độ của Đức Phật ấy, thường được gặp Phật, vĩnh viễn xa lìa đường ác. Trong Luận Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa của Ngài Long Thọ Bồ-Tát, có nói về Đạo khó tu và đạo dễ tu, Đạo dễ tu lấy việc niệm Phật Di-Đà làm đường lối mau lẹ. Tác phẩm của Đại sư Trí Giả có Thập Nghi Luận, bàn về tâm chuyên chí cõi Tây Phương. Tứ Khoa Giản của Thiền Sư Vĩnh Minh thì nói đến việc suốt đời niệm Phật, sanh đến cõi Cực Lạc. Thêm vào đó, sự xiển dương của các vị Đại Đức khắp nơi, mở rộng sự tu tập của chư vị Tổ sư thuộc Tông Liên Đài, do đó, ở nước Trung Quốc thì không ai không biết không ai không hiểu về Tịnh-độ của Phật Di-Đà vậy. Cho nên có cách gọi nhà nhà Di-Đà-Phật, những việc đó trở thành biểu tượng cho Phật giáo nước Trung Quốc của chúng tôi.

Phần trên đã nêu ra sự khác biệt về loại Tịnh-độ, với Tịnh-độ Pháp môn Di-Đà, đặc biệt nói sơ qua về nhân tố sở dĩ phổ biến của Tín chúng ở Trung Quốc. Chỉ có nghĩa niệm Phật vãng sanh, người trí thức trong giáo phái và ngoài giáo phái dưới thời đó, vẫn có người chưa hiểu hết tận đáy nguồn của việc niệm Phật vãng sanh. Như có một số trí thức bên ngoài giáo phái, cho rằng Thế giới Cực Lạc ở Phương tây được nói trong Kinh A-Di-Đà, muôn trùng công đức, Y-chánh trang nghiêm, giống như sự tưởng tượng của nhà nghệ thuật dựa vào hư không mà cấu tạo ra. Vì thế, xem người niệm Phật cầu sanh đến nơi Tinh-độ là mê tín, giống như người làm thơ vẽ tranh, chẳng qua tạo chỗ gởi gắm tinh thần trong cuộc sống mà thôi. Người chấp có loại tri kiến này, bản thân họ đã mê đắm trong năm món tham muốn, đầu óc mất đi lý trí. Muôn trùng sự khổ đau như sanh-già-bệnh-chết trong thế giới Ta-Bà, căn bản họ vô cảm trước nỗi đau thương. Họ đã không cảm nhận thấy được khổ đau ở cõi này, thì đối với Cực Lạc thuộc Tịnh độ của Ngài Di-Đà, đương nhiên sẽ chẳng tiếp nhận. Đã không thừa nhận có Thế giới Cực Lạc, thì xem người niệm Phật vãng sanh là mê tín, đấy là sự việc trong khoa ý, chẳng đủ lấy làm lạ. Những cái đáng lạ, vào ngày này thuộc niên đại sáu mươi cách đây hai mươi thế kỷ, rốt cuộc có lý luận đặc biệt phản khoa học này, cùng với hạng trí thức mang thân người khổ đau hiện thực đầy gai góc. Chúng ta phải biết rằng, nhà thiên văn trong giới khoa học hiện tại, đã chứng minh điều Phật nói trong hư không có vô lượng vô số thế giới. Thế giới đã có không thể đếm được, tức có sự khác biệt giữa khổ đau, nhiễm tịnh, hình thành cái tốt xấu, sạch dơ, vui khổ, đều là kết quả của điều kiện cá biệt đã huân tập thành. Do sức bổn nguyện sâu lắng của Đức Phật A-Di-Đà, và vô lượng công đức thanh tịnh đã huân tập tu trong nhiều kiếp, đã tạo thành thế giới Cực Lạc, do nơi cái Nhân mà cảm được cái Quả,

là sự thật chính xác. Đã là sự thật chính xác thì bản thân mình và mọi người khác phát nguyện niệm Phật sanh đến Thế giới Cực Lạc, thì chắc chắn đạt đến mục đích, chỉ cần sức nguyện của ta với mọi người kết hợp với sức nguyện của Đức Phật A-Di-Đà, công phu tu tập thường luôn tinh tiến mà gặp đến chỗ tốt, đến chỗ Thánh-Tiên Hiền, người niệm Phật vãng sanh Tịnh-độ không luận tại gia hay xuất gia, đều sanh như nhau trong kinh điển giáo lý nhà Phật, có lịch sử thật để khảo chứng được. Chắc chắn Tịnh-độ của Phật A-Di-Đà không phải sự tưởng tượng, nương vào hư không mà cấu tạo thành, cũng không phải việc lấy nhà nghệ thuật làm thơ vẽ tranh, dùng để tỷ dụ người niệm Phật được vãng sanh, gọi đó là sự gởi gắm trên cuộc sống tinh thần.

Người bên ngoài giáo phái, đối với Tịnh-độ của Phật A-Di-Đà, sanh ra sự hiểu lầm cùng với người niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ, lẽ ấy vẫn có nguyên nhân, như trong giáo Phái, có người xem việc niệm Phật vãng sanh Tịnh-độ là chẳng như thế, há chẳng phải đáng cười sao? Mà sau này đối với một Pháp môn ấy có người chẳng thể lý giải được, người cầm bút thật chẳng thể lặng im. Đối với người cho rằng niệm Phật cầu vãng sanh là chẳng như thế, lý luận của họ đã giữ lấy, nhận rằng chúng sanh tu hành trong đời ác gồm năm thứ uế trược ở cõi Ta-Bà này, tuy có năm món tham dục và muôn trùng phiền não che ngăn, dễ sanh tâm thối lùi mất đi chí nguyện, chỉ có người tu các pháp Tứ-nhiếp và Lục-độ mới có thể trì niệm được, có chúng sanh độ được, thăng tiến mau chóng trong con đường nỗ lực tu tập, ngược lại chúng sanh tin theo tu hành ở cõi Tịnh-độ mau chóng gấp bội. Vì trong Tịnh-độ có muôn trùng công đức trang nghiêm, tất cả trang nghiêm tráng lệ đường hoàng. Tất cả những vật dụng cần thiết hằng ngày của chúng sanh cõi ấy, chỉ cần tâm chúng sanh vừa khởi niệm, lập tức hiện như phía trước theo ý niệm, không có sự phân biệt tốt-xấu, giàu-nghèo, đại chúng thảy đều là bậc căn tính thượng thiện, cùng tụ hội một nơi, không có sự tranh luận giữa Ta-người khác, đúng-sai. Đã không có những sự thọ trì các Pháp như Tứ-nhiếp, Lục-độ, cũng không có chúng sanh để độ, vì thế bản thân không mong niệm Phật vãng sanh nơi Tịnh-độ, cũng xem người khác niệm Phật cầu vãng sanh là chẳng như thế. Tôi cho rằng người nào giữ cái lý luận này, thì không đủ nhận thức đối với giáo nghĩa, có kiến giải chưa trọn vẹn, mà vướng trong cái thấy nghiêng lệch của bản thân, phải hiểu rõ cõi đời ác đầy năm món uế trược chốn Ta-Bà với Tịnh-độ phương Tây, là do Đức Thế Tôn Thích-Ca-Mâu-Ni và Đức Phật A-Di-Đà đã phát thệ nguyện lớn ở trong đời quá khứ, thiết lập phương tiện khéo léo để độ chúng sanh. Vì tâm của chúng sanh ham thích điều vui sướng chán sự khổ não, cho nên một bên thì lấy khổ để nhiếp phục chúng sanh, thỏa nguyện dẫn dắt chúng sanh niệm Phật, vãng sanh Cực Lạc; một bên thì lấy sự khoái lạc để nhiếp thu, rèn luyện cho chúng sanh mau được Vô Sanh Pháp Nhẫn, chứng quả vị Bồ-đề. Nếu nói nơi Quốc độ uế trược, tuy có năm món tham dục và muôn trùng những sự phiền não, tu hành bị chướng ngại, mà trì niệm được các pháp như Lục-độ, Tứ-nhiếp, độ được chúng sanh, ngược lại công phu tu hành tiến bộ rất mau so với cõi Tịnh-độ, tức vì vậy mà chẳng chịu phát nguyện sanh nơi Tịnh-độ. Nhưng trước hết bản thân mình phải phản tỉnh lấy mình một lượt, không như

thế thì bản thân ta đã ngộ lý Vô Sanh làm Bồ-tát từ lâu rồi. Nếu là Bồ-Tát, Bồ-Tát trong cõi uế trược, sẽ chẳng bị sự mê hoặc của năm món dục, thậm chí thị hiện hành vi tham đắm năm món dục lạc để phương tiện giáo hóa chúng sanh, dạy chúng sanh niệm Phật, dẫn dắt quay về chốn Cực-lạc. Nếu chẳng phải là Bồ-Tát, thì tự lừa dối bản thân mình, miễn cưỡng cho rằng bản thân mình thị hiện làm Bồ-Tát đã lâu, ngốc nghếch trong cõi Ta-Bà, khó tránh được sự ràng buộc của phiền não, và sự dẫn dụ của năm món dục lạc. Một khi thân này mất rồi, muôn kiếp khó mà có lại được.

Nếu bảo ở trong cõi uế trược có các pháp Pháp Lục độ, Tứ nhiếp để trì niệm, có chúng sanh độ được, nhưng ở Tịnh-độ thì ngược lại. Chúng ta hiểu rõ tất cả Pháp của Phật, không pháp nào là không làm cho chúng sanh lìa khổ được vui, trừ phiền não nóng giận của chúng sanh, mà nhận được sự mát dịu nơi thân-tâm. Chúng sanh niệm Phật vãng sanh Tịnh-độ, không những lắng nghe Phật A-Di-Đà hiện đang thuyết Pháp, mà ngay cả tiếng chim hót, tiếng gió thổi, tiếng cây lay động, đều phát ra âm thanh hòa nhã, diễn dương Phật Pháp, làm cho chúng sanh ở trong hai thời-sáu thời, sinh ra tâm niệm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Trong khoảnh khắc cực ngắn, đựng đầy các hoa thơm đẹp, cúng dường mười vạn triệu Đức Phật ở thế giới phương khác. Những nhân duyên thấy nghe thù thắng huân tập như thế, đúng là ngày đó nương sức bổn nguyện mà Ngài trở lại tạo công phu tu dưỡng tự tu hành hóa độ người khác. Chính trong quốc độ uế trược này, đại Bồ-Tát phát tâm trì các Pháp Tứ-nhiếp, Lục-độ, đều là nhận sự hóa độ thanh tịnh thù thắng từ cõi Tịnh-độ phương khác, đã chứng xong Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ví dụ thế này, như học sinh đi lưu học ở nước Mỹ, vì thiết bị và tài liệu giáo trình không được kiện toàn, vì thế phải sang nước khác tạo thêm điều kiện tiến tu. Một ngày kia học thành tài quay trở về nước, đem tất cả những điều mình học được, tạo phúc lợi cho nhân dân cho quốc gia. Nếu hạnh Bồ-Tát chẳng được tu tập lâu, nương theo mong ước mà làm cho những điều tốt của mình được vang xa, cầu đạt được tiếng tăm vang lừng, quên mất đi bản thân mình là phàm phu nơi vùng đất mong manh, không mong cầu tự độ, mà miễn cưỡng

làm việc độ nhân, kết quả, chẳng những không thể nhiếp hóa được người khác. Đúng là vẽ hổ không thành ngược lại thành hình chó, muốn cầu thăng tiến, ngược lại bị tụt xuống, tới chỗ nguy hiểm.

Cho đến công phu tu hành của chúng sanh ở cõi uế trược, ngược lại công phu tu hành của chúng sanh ở cõi Tịnh-độ mau chóng. Ở đây chẳng nói như thế, sự mau chậm của công phu tu tập, phải xem căn cơ chín muồi của chúng sanh, và sự cạn-sâu của cái duyên để làm chuẩn tắc. Như đại Bồ-Tát thị hiện ở chốn nhân gian, công phu tự tu hành hóa độ người khác, chắc chắn thần tốc. Như thuộc hàng Bồ-tát mới phát tâm, công phu tu hành tại quốc độ uế trược, không những chậm trễ, còn có mối nguy hiểm làm mất đi công phu. Công phu tu hành của chúng sanh nơi Tịnh-độ, như hàng Thượng Phẩm Thượng Sanh, vãng sanh vào nước Cực Lạc ấy, chứng ngộ mau chóng Vô Sanh Pháp Nhẫn trong thời gian mau lẹ. Trải qua thời gian ngắn nhất, phụng sự cúng dường chư Phật khắp mười phương thế giới. Thứ tự được thụ ký trước chư Phật, sau khi được thụ ký, chư vị Bồ-Tát lại trở về nước, được vô lượng trăm ngàn pháp môn Đà-La-Ni, độ rộng chúng sanh, ở đấy có thể thấy được công phu mau chậm của chúng sanh ấy. Như hàng Hạ Phẩm Hạ Sanh, người thuộc Hạ Phẩm Hạ Sanh, sanh đến cõi nước Cực Lạc ấy ở trong hoa sen, mãn hai mươi đại kiếp. Mãn kiếp hoa nở, gặp được chư Bồ-Tát, sự chậm chạm của căn cơ chúng sanh, có thể thấy được ở đây. Nhưng công phu của chúng sanh trong chín phẩm, bất luận chậm mau, đều không có sự nguy hiểm thối lùi mất các công đức. Nếu theo lời dạy của Kinh Vô Lượng Thọ: Phật dạy: "Nhân các trời hôm nay... vì lập ra đức lành, chánh tâm chánh ý, trì giới thanh tịnh, một ngày một đêm, tại nước Vô Lượng Thọ, làm lành trăm tuổi, tạo ra căn cứ mau-chậm của công phu tu hành nơi chúng sanh ở hai cõi Tịnh-Uế,

Sự thật chẳng như thế, phải biết rõ Phật thuyết Pháp, là nhân thời-nhân địa-nhân cơ hội mà tạo sự giáo huấn của các tâm khổ. Thế giới Ta-Bà, xấu-dơ đầy dãy, thêm vào đó ý chí chúng sanh bạc nhược, Phật lo chúng sanh tự bào mòn tự vứt bỏ tâm niệm của mình, cho nên dùng lời dịu nhẹ dẫn dắt, khuyến khích nỗ lực tiến tu mà thôi. Ta và người khác chấp văn tự mà hại nghĩa lý, tăng thêm vọng tưởng trong việc gánh vác bổn ý của Phật chúng ta, tội lỗi vô biên.

Tóm lại, pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, trên các Kinh Luận, mọi chỗ đều được khen ngợi. Các bậc đại đức từ xưa đến nay, người niệm Phật sanh đến cõi Tịnh độ, không đếm xuể số lượng ấy, đều có sự thật lịch sử khảo chứng, cũng tức là dẹp bỏ muôn trùng sự khinh trọng vọng hiện Uế độ- Tịnh độ, càng chẳng thể coi khinh việc niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là sai trái. Cuối cùng bút giả kính ngưỡng khuyến khích, sớm có ngày buông xả cái thấy nghiêng lệch nơi mình, mau sớm niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Trước tiên lấy việc tự độ mình, rồi sau đó lại nương nơi sức nguyện tạo ra sự so sánh thỏa đáng đối với việc làm lợi ích cho người khác. Đương nhiên, người niệm Phật cũng không phải thấy được cái khổ ở người khác rồi tự niệm Phật, mà khoanh tay đứng nhìn, luôn biết muốn thi hành đạo Bồ-Tát nên tùy phần tùy sức, để cầu trang nghiêm Tịnh-độ.

Quan Trung, ngày 21 tháng 06 năm Dân Quốc thứ 49.

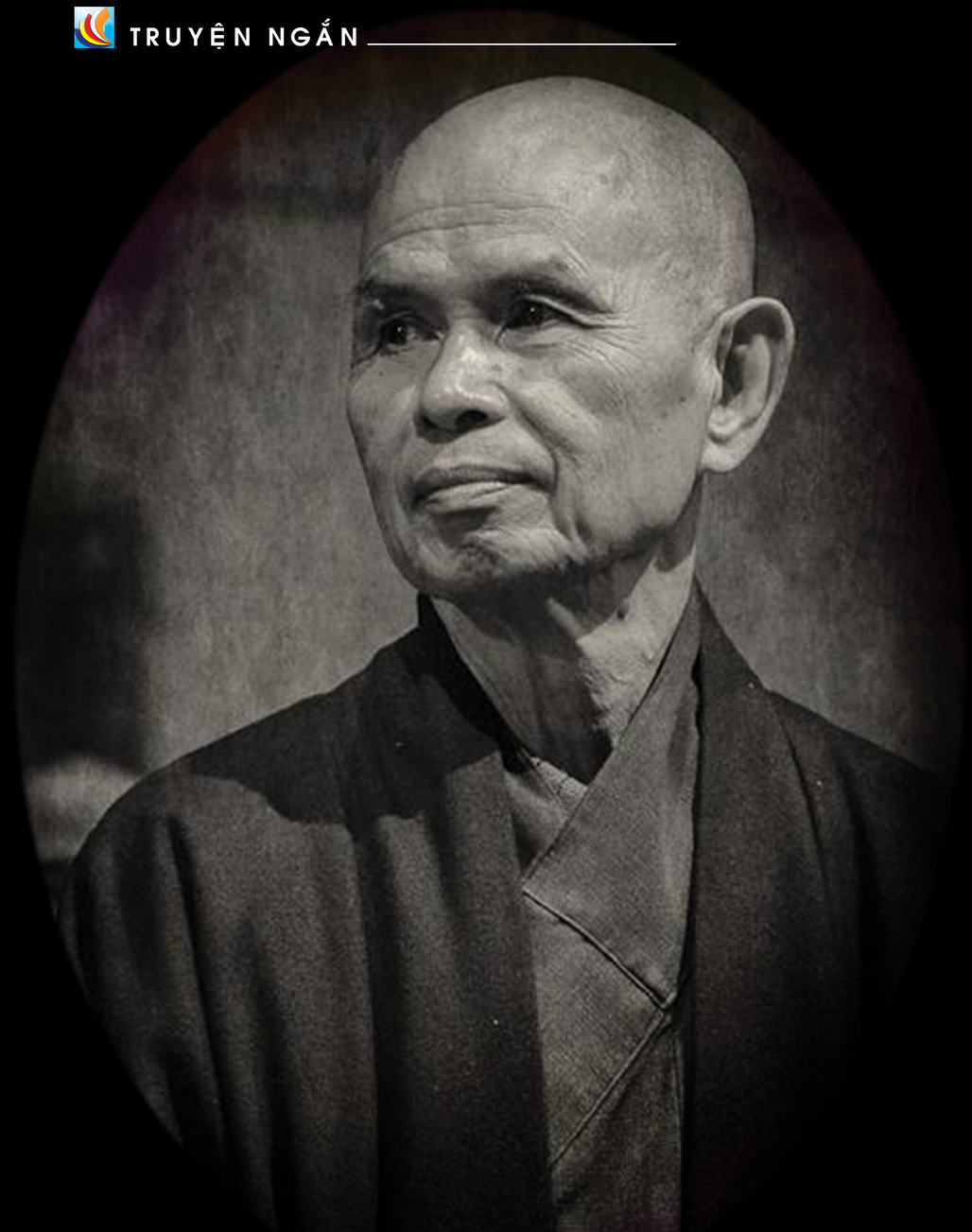

một màu hoa cho mùa Vu Lan

Hoang Phong

Mỗi năm vào dịp lễ Vu Lan thì chúng ta lại được nghe một bài hát thật cảm động là bài "Bông Hồng Cài Áo" của Phạm Thế Mỹ. Bài hát mượn ý từ một đoạn văn của Thiền sư Nhất Hạnh viết vào năm 1962, lúc ông vừa 36 sáu tuổi và đang học về khoa Tôn Giáo Đối Chiếu tại đại học Princeton Hoa Kỳ. Trở về nước vào giữa mùa Pháp nạn, biết đâu ông lại càng cảm thấy thấm thía hơn về những gì mà mình vừa học ở đại học Princeton? Vài năm sau khi bài viết của Thiền sư Nhất Hạnh được nhiều người biết đến thì Phạm Thế Mỹ viết bài hát "Bông Hồng Cài Áo, lúc ấy có lẽ ông cũng trạc 36 tuổi. Cả hai vị cùng sáng tác vào lứa tuổi tràn đầy sức sống và chín chắn, một sức sống nẩy mầm từ lòng mẹ và một sự chín chắn mang lại từ một giai đoạn lịch sử thật phức tạp và khó khăn của dân tộc cũng như của Phật Giáo trên quê hương.

Phạm Thế Mỹ nhắm mắt vào năm 2009 để lại cho chúng ta một cánh hoa thật đẹp. Thiền sư Nhất Hạnh thì vừa nhận bằng ngợi khen của đại học Harvard ngày 12 tháng 9 năm 2013, và là người đã mang về cho quê hương một tập tục thật đẹp nhằm nhắc nhở mỗi người trong chúng ta nhớ đến công ơn của mẹ. Phải chăng đấy là những gì mà cả hai vị đã nhân danh mẹ để mang lại cho cuộc đời này? Mỗi mùa Vu Lan, ai mà chẳng muốn nghe lại bài hát của Đặng Thế Mỹ và cài lên áo mình một cánh hoa của thiền sư Nhất Hạnh.

Vị Thiền sư kể lại sự tích về cánh hoa Vu Lan như sau:

"Tây phương không có ngày Vu Lan nhưng cũng có Ngày Mẹ (Mother's Day) mồng mười tháng năm. Tôi nhà quê không biết cái tục ấy. Có một ngày tôi đi với Thầy Thiên Ân tới nhà sách ở khu Ginza ở Đông Kinh, nửa đường gặp mấy người sinh viên Nhật, bạn của thầy Thiên Ân. Có một cô sinh viên hỏi nhỏ Thầy Thiên Ân một câu, rồi lấy ở trong xắc ra một bông hoa cẩm chướng màu trắng cài vào khuy áo tràng của tôi. Tôi lạ lùng, bỡ ngỡ, không biết cô làm gì, nhưng không dám hỏi, cố giữ vẻ tự nhiên, nghĩ rằng có một tục lệ chi đó. Sau khi họ nói chuyện xong, chúng tôi vào nhà sách, thầy Thiên Ân mới giảng cho tôi biết đó là Ngày Mẹ, theo tục Tây phương. Nếu anh còn mẹ, anh sẽ được cài một bông hoa màu hồng trên áo, và anh sẽ tự hào được còn mẹ. Còn nếu anh mất mẹ, anh sẽ được cài trên áo một bông hoa trắng.

Tôi nhìn lại bông hoa trắng trên áo mà bỗng thấy tủi thân. Tôi cũng mồ côi như bất cứ một đứa trẻ vô phúc khốn nạn nào; chúng tôi không có được cái tự hào được cài trên áo một bông hoa màu hồng. Người được hoa trắng sẽ thấy xót xa, nhớ thương không quên mẹ, dù người đã khuất. Người được hoa hồng sẽ thấy sung sướng nhớ rằng mình còn mẹ, và sẽ cố gắng để làm vui lòng mẹ, kẻo một mai người khuất núi có khóc than cũng không còn kịp nữa. Tôi thấy cái tục cài hoa đó đẹp và nghĩ rằng mình có thể bắt chước áp dụng trong ngày báo hiếu Vu Lan".

Tôi vô cùng bàng hoàng khi đọc đến câu: "*Tôi cũng mồ côi như bất cứ một đứa trẻ vô phúc khốn nạn nào*". Chữ "*khốn nạn*" xoáy sâu vào tim tôi khiến tôi nghẹt thở. Ngày nay không thấy mấy ai dùng đến từ này để nói lên một sự thương hại nào đó cho những kẻ bất hạnh. Phải chăng từ này đã trở thành quá xưa và không còn phù hợp với sự vô tình của ngày nay nữa? Thật vậy Thiền sư Nhất Hạnh viết câu trên đây cách nay đã nửa thế kỷ.

Trong quyển Việt Nam Tự

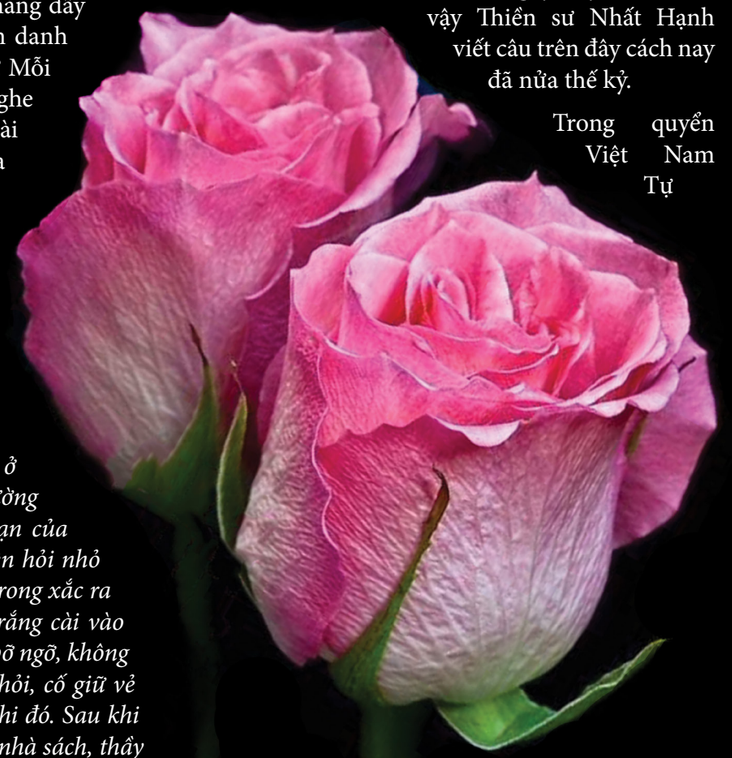

Điển do Hội Khai Trí Tiến Đức xuất bản năm 1931 chữ "khốn" được giải thích là nghèo khổ, khó khăn, gian nan; chữ "khốn nạn" thì có nghĩa là cùng khổ và hèn mạt. Quyển tự điển này lại còn đưa ra hai câu ca dao làm thí dụ: *Của rẻ ấy là của ôi, Lấy phải vợ dại khốn tôi trăm đường*; *Khốn nạn thay nhạn ở với ruồi, Tiên ở với cú người cười với ma*. Theo quyển *Hán-Việt Từ Điển* của Đào Duy Anh xuất bản năm 1932 thì chữ khốn gốc tiếng Hán có nghĩa là cùng khổ, chữ nạn có nghĩa là tai vạ nguy hiểm, và chữ khốn nạn thì có nghĩa là khó khăn. Dầu sao thì nguyên gốc của chữ khốn nạn không hề mang hậu ý của một sự nguyền rủa. Cách dùng trệch đi hay hiểu sai đã làm mất đi một chữ rất đẹp trong ngôn ngữ Việt Nam. Thật vậy trong quyển *Từ Điển "Từ và Ngữ" Việt Nam* của Nguyễn Lân xuất bản năm 1989, và *Từ Điển Tiếng Việt* của nhà văn và ngôn ngữ học Bùi Đức Tịnh, hình như được xuất bản lần đầu vào năm 2002, thì chữ khốn nạn có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là *khốn khổ đáng thương*, và nghĩa thứ hai là *hèn mạc đáng khinh bỉ*. Các quyển từ điển khác gần đây hơn đều nêu lên chữ khốn nạn với hai ý nghĩa như thế. Phải chăng vì lý do chữ khốn nạn mang hai ý nghĩa đối chọi nhau nên không mấy ai dùng đến nữa hầu tránh mọi sự hiểu lầm hay chăng?

Nếu Thiền sư Nhất Hạnh tự nhận mình là một đứa trẻ mồ côi, vô phúc và khốn nạn, thì tôi cũng sẽ sẵn sàng chấp nhận và cám ơn bất cứ ai gọi tôi là một đứa trẻ vô phúc và khốn nạn, dù là với ý nghĩa này hay ý nghĩa kia, hay là cả hai. Bởi vì chính cái khốn nạn ấy đã giúp tôi lớn lên như một con người, xứng đáng với tình thương yêu của mẹ tôi đối với tôi. Ngày còn bé mỗi khi vấp ngã, u đầu sứt trán hay đứt tay thì mẹ tôi luôn nhai gừng để xát vào chỗ sưng hay để băng bó cho tôi, mẹ tôi vừa nhai vừa xót xa lẩm bẩm: thật khốn nạn cho con tôi quá! Chữ khốn nạn hay câu nói đau lòng ấy của mẹ tôi vẫn còn âm vang trong trí tôi đến mãi ngày hôm nay.

Ngành y khoa cách nay ba phần tư thế kỷ thật hết sức là đơn giản. Nếu đau bụng, kiết lỵ hay tiêu chảy thì có thuốc Ganidan, nóng sốt thì có thuốc Aspirin, viên nào cũng thật to, mẹ tôi phải bẻ ra làm tư hay ngâm vào nước. Thế nhưng cái khủng khiếp nhất cho những đứa trẻ thời bấy giờ là ho cảm và phải bị tiêm thuốc. Một hôm tôi nóng sốt và ho suốt đêm, mẹ tôi không ngủ và thỉnh thoảng đặt tay lên trán tôi, lo lắng vì cứ sợ tôi bị "ho gà" hay "sưng phổi". Sáng hôm sau mẹ tôi cõng tôi từ làng Vĩnh Thanh Vân ra nhà thương ở chợ Rạch Giá. Ngày ấy tôi đã được ba hay bốn tuổi, tôi có thể đi bộ được, thế nhưng từ cửa nhà mẹ tôi đã đưa lưng để cõng tôi. Trên lưng mẹ, tôi biết rằng thế nào tôi cũng bị tiêm thuốc. Thời bấy giờ, không cần phân biệt là trẻ con hay người lớn, cứ hễ ho cảm nhất là thêm nóng sốt, thì phải tiêm Eucalyptine, một thứ thuốc làm bằng dầu khuynh diệp. Tiêm dầu thì phải dùng kim to, và dầu thì khó tan nên mông thường sưng lên và bầm tím, có khi làm độc.

Ở nhà thương, sau khi chờ một lúc lâu thì đến lượt mẹ con tôi. Bác sĩ khám xong thì một bà y tá lấy một ống thuốc màu xanh lá cây tiêm cho tôi. Tôi nhất định không khóc vì tôi không muốn nghe mẹ tôi thốt ra cái câu xót xa ấy: thật khốn nạn cho con tôi quá! Tiêm thuốc xong bà y tá xốc nách tôi và đặt tôi đứng xuống đất. Tôi chỉ đứng được một chân, mẹ tôi ngồi sụp xuống đất ghé lưng để cõng tôi. Vị bác sĩ và bà y tá nhìn mẹ con chúng tôi và mỉm cười. Trên đường về trời nắng, thỉnh thoảng mẹ tôi lại hất ngược cái nón lá ra phía sau để che đầu tôi. Về đến nhà khi buông cổ mẹ thì tôi thấy lưng áo bà ba đen của mẹ thấm ướt cả mồ hôi. Tôi suýt bật khóc, cố nín, nước mắt chảy quanh...

Lớn lên tôi mới hiểu rằng tình mẫu tử cũng chỉ là một hình thức hay một thể dạng của nghiệp, nghiệp của mẹ tôi và của tôi. Cái nghiệp ấy phát lộ trên dòng tri thức của tôi sớm hơn một số các đứa trẻ khác thế thôi. Cái nghiệp ấy mỗi người đều có, thế nhưng có nhiều người khi lớn tuổi mới biết thương cha mẹ, và thường thì đã muộn, muộn cho mẹ và cho cả chính mình nữa. Trong dịp lễ Vu Lan nếu có ai cài lên áo mình một cánh hoa để nhắc nhở mình nên nghĩ đến cha mẹ cũng là một điều hay, tuy nhiên nếu cánh hoa ấy nở ra một cách tự nhiên trong lòng mình thì vẫn tốt hơn. Dầu sao thì cái nghiệp gọi là tình mẫu tử cũng phát lộ nơi mỗi cá thể bằng những cách khác nhau và ở những cấp bậc khác nhau. Chẳng phải là có những bậc cha mẹ hành hạ và ngược đãi con cái và đôi khi còn giết cả con cái mình nữa hay sao? Ngược lại cũng có những người con bất hiếu, bòn rút, đánh đập hay dằn vặt mẹ cha. Đối với các trường hợp ấy thì một cánh hoa trên áo nào có đủ sức để mang lại một tác động nào. Lý do cũng dễ hiểu, bởi vì những xung năng và tác động khác của nghiệp quá mạnh đã che lấp hoặc hóa giải cả tình mẫu tử. Ít ra đối với trường hợp của riêng tôi thì suốt quãng đời tôi mỗi khi nhớ đến lưng áo thấm ướt mồ hôi của mẹ thì tôi lại cảm thấy hiện ra trong tôi một sức mạnh nào đó thật thiêng liêng, giúp tôi đứng lên thật thẳng giữa cuộc đời này bằng đôi chân của chính mình.

Một thoáng cảm tính thương mẹ dù thật nhẹ nhàng và bất chợt đi nữa đôi khi cũng đủ để đánh thức những xúc cảm thật thanh cao của lòng hiếu thảo nơi mỗi người trong chúng ta, chẳng hạn như khi đang ăn một quả chuối hay một nắm xôi và chợt nhớ đến mẹ. Thiền sư Nhất Hạnh đã ví tình mẹ qua hai câu ca dao như sau:

"Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một, như đường
mía lau"

Chuối ba hương là một loại chuối tuy không đẹp mã nhưng rất thơm ngon, nếp một là loại nếp ngon nhất. Qua hai câu ca dao trên đây, người mẹ được biểu hiện bằng môt cái gì đó thận đơn sơ, giản dị và tự nhiên. Thế rồi vị thiền sư lại nhắc đến người mẹ bằng một cách khác hơn:

"Một món quà như mẹ mà còn không vừa ý thì họa chăng có làm Ngọc Hoàng Thượng Đế mới vừa ý, mới bằng lòng, mới sung sướng. Nhưng tôi biết Ngọc Hoàng không sung sướng đâu, bởi Ngọc Hoàng là đấng tự sinh, không bao giờ có diễm phúc có được một bà mẹ"

Nếu chữ khốn nạn khiến cho tôi phải bàng hoàng thì chữ Ngọc Hoàng khiến cho tôi bừng tỉnh. Thật vậy, mỗi người trong chúng ta đều có một nguồn gốc, một người mẹ, một quê hương. Chính cái nguồn gốc đó giúp mỗi người trong chúng ta cảm thấy mình hiện hữu rất thật và biết yêu thương một cách cũng rất thật. Chẳng phải là chúng ta có một người mẹ rất thật, một quê hương rất thật để yêu thương hay sao? Cái lưng áo thấm ướt mồ hôi của mẹ tôi lúc nào cũng rất thật trong lòng tôi. Con đường mòn dọc bờ sông Rạch Giá dưới nắng trưa lúc nào cũng in đậm trong ký ức tôi. Biết yêu thương mẹ sẽ giúp chúng ta không bao giờ cảm thấy mình cô đơn, dù cho một người nào đó có cài lên áo mình một cánh hoa màu trắng.

Tất cả mọi sự vật đều có nguồn gốc, tất cả mọi xúc cảm dù chỉ thoáng qua, cũng đều có nguyên nhân. Bất cứ gì không cội nguồn, không quê hương sẽ chỉ là cô đơn, bơ vơ và lẻ loi. *"Ngọc Hoàng Thượng Đế nào có cái diễm phúc có được một bà mẹ đâu?"* Nếu Ngọc Hoàng Thượng Đế có được một người mẹ thương yêu mình, ghé lưng để cõng mình, thì biết đâu con người sẽ không như ngày nay, hay ít ra thì cũng không có những người mẹ cô đơn và những người con bất hiếu.

Dầu sao thì các cách diễn đạt trên đây của Thiền sư Nhất Hạnh và của tôi cũng chỉ là những cách nói lên xúc cảm của mình. Thế nhưng xúc cảm lại mang hai thể dạng khác nhau: xúc cảm của yêu thương và rung động và xúc cảm của lý trí. Nói rộng ra là xúc cảm của lòng từ bi và xúc cảm của sự hiểu biết hay là trí tuệ. *"Mẹ già như chuối ba hương, như xôi nếp một như đường mía lau"* là xúc cảm của con tim. Thương cho Ngọc Hoàng Thượng Đế không cội nguồn và *"không bao giờ có diễm phúc có được một bà mẹ"* là xúc cảm của khối óc. Dầu sao thì xúc cảm cũng chỉ là những hình thức phát lộ của nghiệp, dù sự phát lộ đó hiện ra dưới hình thức từ bi và trí tuệ, hay hận thù và si mê. Một người tu tập khi đã ý thức được điều đó sẽ biết hướng những rung động của con tim và khối óc mình vào từ bi và trí tuệ, thay vì cứ mặc cho các thể dạng bấn loạn của chúng chi phối sự hiện hữu của mình.

Thuở ấu thời tôi thường đứng ở cửa bếp nhìn đàn gà kiếm ăn trong khu vườn sau nhà. Con gà mái bới đất, đàn gà con chạy tản mát chung quanh. Mỗi khi tìm được một hạt thóc hay một con trùn thì gà mẹ mổ lên lại nhả xuống, vừa gọi đàn con bằng những tiếng kêu cục cục, đàn gà con chim chíp bu lại và tranh nhau miếng mồi. Bới đất thế nhưng gà mẹ vẫn thỉnh thoảng ngẩng cổ canh chừng trên bầu trời. Nếu có bóng một con diều hâu thì gà mẹ nằm bẹp xuống đất, xoè cánh, lông cổ lông ức dựng ngược lên và không ngớt gọi con, đàn gà con chạy lại nấp dưới hai cánh và ức của gà mẹ. Gà mẹ ngẩng cổ và hơi nghiêng đầu để theo dõi bóng diều hâu trên không trung, dáng còn có vẻ như thách thức nữa. Đám gà trống thì cứ thản nhiên bới đất tìm mồi, hoặc đuổi các con gà mái khác để cắn cổ mà đạp, sau đó lại còn gân cổ mà gáy ó o.

Lớn thêm và vào cái tuổi vị thành niên tôi có đọc một câu chuyện ngắn rất cảm động nói lên một

Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ

sự hy sinh lớn nhất mà một người mẹ có thể làm được, ấy là câu chuyện "Anh Phải Sống" của Khái Hưng một nhà văn của thời tiền chiến. Câu chuyện thuật lại hai vợ chồng nghèo đi vớt củi trên sông vào mùa lũ lụt để đổi gạo nuôi ba đứa con nhỏ. Nước xoáy, củi nặng, thuyền chao và đắm giữa dòng. Hai vợ chồng cố lội vào bờ. Người vợ đuối sức, người chồng phải xốc vợ mà bơi. Thế nhưng một lúc sau thì người chồng cũng đuối vì sức nước mạnh quá:

- "Mỏi lắm rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi! Tôi không xốc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh tay rã rời. Vợ khẽ hỏi:

- Có bơi được nữa không?

- Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

- Em buông ra cho mình vào nhé?

Chồng cười:

- Không! Cùng chết cả.

Một lát, một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, chồng lại hỏi:

- Lạc ơi! Liệu có cố bơi được nữa không?

- Không!... Sao?

- Không. Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói:

- Thằng Bò! Cái Nhớn! Cái Bé!... Không!... Anh phải sống!

Thức bỗng nhẹ hẳn đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng lặng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ".

Đang viết về những gì rất thật, thế nhưng tại sao tôi lại nêu lên sáng tác của một nhà văn? Theo Phật Giáo thì trong thế giới hiện tượng, sự thật hiện ra dưới nhiều hình thức và thể dạng khác nhau, dù đấy là những sự thật thuộc các lãnh vực chính trị, lịch sử hay tín ngưỡng. Có những sự thật cần phải có một đức tin hoặc một sự cố gắng nào đó, chẳng hạn như những lời thuyết giảng hay những lời hô hào để có thể cảm thấy chúng là thật. Những sự thật ấy chỉ mang lại những xúc cảm giả tạo, gượng ép và phù du. Tuy nhiên cũng có những thứ sự thật khác rất nhỏ nhoi và tầm thường, tưởng chừng như không có hay không thật, thế nhưng lại rất thật, chẳng hạn như tình thương của một người mẹ. Sở dĩ đôi khi chúng ta không nhận thấy được cái sự thật ấy của tình mẫu tử, chẳng qua là vì nó quá giản dị, tầm thường hoặc quá kín đáo. Giản dị *"như quả chuối ba hương, như nắm xôi nếp một"*, tâm thường như con gà bới đất, như con chim tha mồi, kín đáo như những giọt mồ hôi trên lưng áo của mẹ tôi, hay một bàn tay buông ra giữa dòng nước xoáy.

Một thí dụ điển hình là bài hát "Bông Hồng Cài Áo" của Phạm Thế Mỹ vẫn cứ còn tiếp tục được hát lên trong mùa Vu Lan, chẳng qua là bởi vì có một cái gì đó rất thật, tàng ẩn ở bên trong nó, trong khi các bài hát khác của ông thì lại ít nhiều đã chìm vào quên lãng. Tiếng gọi tên ba đứa con của một người mẹ và những lời cuối cùng nhắn bảo với chồng là anh phải sống, chỉ là một sự tưởng tưởng của một nhà văn, thế nhưng hình như bên trong vẫn ẩn chứa một sự thật nào đó, bởi vì cái sự thật ấy đã có sẵn và tàng ẩn thật sâu kín nơi mỗi người trong chúng ta. Nhà văn chỉ khơi động và làm sống dậy cái sự thật ấy trong lòng chúng ta mà thôi.

Thật là khốn nạn cho một người mẹ vì sự sống của đàn con mà phải buông tay giữa dòng nước xoáy. Tuy nhiên đôi khi chúng ta cũng có thể thấy được trường hợp của một người cha can đảm, dám hy sinh tất cả vì mục đích của đời mình, thế nhưng không phải là hy sinh mạng sống của mình mà là mạng sống của con mình. Nếu Ngọc Hoàng Thượng Đế là một bà mẹ, thì biết đâu thế giới này cũng sẽ khác hơn, ít ra cũng bớt hung bạo và chiến tranh hơn, dù cho con người cũng có thể vì thế mà phải mang bản chất của một người mẹ, một người phụ nữ, tức mềm yếu hơn và dễ rơi nước mắt hơn.

Thật ra mềm yếu hay can đảm cũng chỉ mang tính cách tương đối. Nụ cười trên môi của vị bác sĩ và bà y tá khi trông thấy mẹ tôi ngồi sụp xuống đất để ghé lưng cõng tôi, vẫn còn ám ảnh tôi cho đến ngày nay, chẳng qua vì tôi vẫn không hiểu được ý nghĩa của những nụ cười ấy là gì. Cười trước sự gan lì của một đứa bé bị tiêm thuốc eucalyptine mà không khóc, hay là cười vì tình thương con quá đáng của một người mẹ, hay là biết đâu những nụ cười ấy cũng chỉ là những nụ cười rẻ tiền, vô thưởng vô phạt và chẳng mang một ý nghĩa nào cả? Thật vậy, nếu muốn hiểu được sự gan lì của một đứa bé và sự yếu mềm trong lòng một người mẹ, thì phải có một sự rung động thật tinh tế, một sự hòa nhập nào đó với những gì sâu kín trong lòng họ.

Sự yếu mềm trong lòng của một người mẹ cũng có thể toát ra một sức mạnh bằng những giọt mồ hôi trên lưng áo. Sự gan lì trong lòng một đứa bé cũng có thể biến thành những vần thơ thật yếu mềm:

Đóa hoa nào trên áo?
Đóa hoa nào trong tim?
Xin cài lên áo em,
Một đóa hoa màu thắm.
Trắng tinh màu áo anh,
Cài hộ anh hoa trắng.
Trong tim anh heo héo,
Đau nhói một cánh hồng.
Bụi trần vương áo anh,
Đã bao lần hoa héo.
Nghìn năm anh vun xới,
Cánh hoa nào trong tim?
Áo anh vạt nắng chiều,
Hoen hoen màu hoa trắng.
Tim anh, em biết không?
Đỏ thắm một nụ hồng.

(30.08.13)

Tuy giản dị, vụng về và mộc mạc thế nhưng tôi vẫn xin hiến dâng những vần thơ này cho tất cả những ai có một người mẹ và cả những ai không có mẹ.

Bures-Sur-Yvette, 19.09.13

Hoang Phong

Tham Khảo

Bông Hồng Cài Áo
Nhất Hạnh
http://www.budsas.org/uni/u-vbud/vbpha087.htm

Bông Hồng Cài Áo, sự tiếp nối đẹp đẽ của cha mẹ nơi mình
Chúc Phúc - Quảng Kiến - Nguyệt San Giác Ngộ 2008
http://langmai.org/cong-tam-quan/Thich-Nhat-Hanh/tro-chuyen-voi-thien-su-nhat-hanh-quanh-bai-bong-hong-cai-ao

Anh phải sống
Khái Hưng
http://chimviet.free.fr/tienchie/0054khaihung/khaihn01.htm

Bông hồng cài áo
Phạm Thế Mỹ -Tiếng hát Khánh Ly
http://www.youtube.com/watch?v=t-dKR29RKLRM

VĂN NGHỆ

GÂY QUỸ trả nợ đất chùa

YAMAHA

Tổ Sư **NGUYÊN THIỀU**
(1648 - 1728)

Tổ Sư **Nguyên Thiều** với ngôi chùa Thập Tháp

Huệ Tịch

Lời tựa

Đầu năm 2007, khi đang theo học năm cuối của lớp Trung cấp Phật học Nguyên Thiều, tình cờ có nghe HT. Thích Minh Thông đưa Tăng - Ni Sinh lớp Trung cấp Phật học Khánh Hòa ra viếng thăm ngôi Sắc Tứ Thập Tháp Di Đà Tự, Huệ Tịch thật sự thấy ngạc nhiên. Lại nghĩ: sao đoàn không nghé thăm Tu Viện Nguyên Thiều trước mà phải chạy xa ra ngoài chùa Thập Tháp, chứ hồi ấy thật sự chưa hiểu nhiều về ngôi cổ Tự có hơn ba thế kỉ này.

Đến cuối năm 2009, lúc này đang theo học tại Học Viện Vạn hạnh, lại nghe Sư Cô Hạnh Tâm nói khi nào đủ duyên Sư Cô sẽ đưa lớp về viếng chùa Thập tháp ở Bình Định. Cô giải thích: hầu hết chúng ta ở đây đều thuộc Thiền phái Lâm Tế chánh tông.., Huệ Tịch mới hiểu đây chính là ngôi Tổ đình của dòng Thiền Lâm Tế, thuộc Phật giáo Đàng trong. Nếu có dịp, sao ta không bỏ những trở ngại để về thăm đất Tổ - chùa xưa, cũng là thể hiện được tinh thần hiếu đạo của người con Việt:

Con người có Tổ cóT tông,
Như cây có cội, như sông có nguồn!

Hôm nay, chắc là nhân duyên hội tụ, nên mới được giáo Thọ sư cho phép tìm hiểu và viết về Phật giáo thời Hậu Lê - Tây Sơn (1427-1788)[1], Huệ Tịch mới có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về ngôi Tổ đình này. Bài viết, nhất định còn nhiều thiếu sót, nhưng cũng hy vọng đáp ứng được phần nào cho bạn đọc gần xa khi tìm hiểu về Tổ sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch, cũng như ngôi chùa đầu tiên mà Ngài đã một mình cặm cụi đặt viên đá xây dựng trên vùng đất Phương Nam hẻo lánh!

[1] Triều đại nhà Tây Sơn, thật sự được chính sử ghi nhận bắt đầu vào năm 1788, khi Chúa Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế ở Phú Xuân.

Toàn cảnh - Ảnh nguyenthieu.org

Chùa Thập Tháp Di Đà (năm 1989) - Ảnh nguyenthieu.org

Mặt tiền chùa (năm 2002) - Ảnh nguyenthieu.org

1. Bối Cảnh Lịch Sử

Nếu căn cứ vào tác phẩm *Lí Hoặc Luận* thì Phật giáo có mặt ở Việt Nam vào khoảng cuối thế kỉ II Dương Lịch (DL)[1]. Phật giáo cùng đồng hành với dân tộc, đến Triều đại nhà Trần thì trở nên "vàng son". Thế nhưng chỉ tồn tại hơn một thế kỉ thì phải suy yếu theo quy luật tự nhiên (*thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành* - Thiền sư Vạn Hạnh).

Trong *Sử mục cương yếu* có ghi nhận rằng: lúc bấy giờ liên tiếp nhiều năm mất mùa đói kém, dân chúng phần nhiều đi tu làm sư và đi ở đầy tớ..! Như vậy, ta có thể xem đây là một trong những *pháp nạn* của Phật giáo lúc bấy giờ vậy! Thứ đến là dưới chính sách *đồng hóa* dân ta của nhà Minh: họ đã triệt tiêu văn hóa Phật giáo bằng cách cho tịch thu tất cả những tác phẩm mang tính văn học Phật giáo qua các thời kì, nhất là thời Lí-Trần, làm cho đạo Phật ở nước ta trở nên điêu tàn! Và sau ngày độc lập, các Chúa nhà Lê lại trọng dụng nho gia, làm cho Phật giáo trở nên cô lập hơn bao giờ hết. Đến thời Mạc - Lê đánh nhau, dân tình rơi vào cảnh lầm than, Nho gia trở mặt làm ngơ, thờ ơ trước vận nước.., lúc này người dân, cũng như các Chúa mới bắt đầu quay về tìm đức Phật bao dung, xem chùa là nơi nương tựa sớm hôm.

Mãi đến thời kì Trịnh - Nguyễn phân tranh thì phật giáo mới thật sự ***"đâm chồi"*** trở lại sau

[1] Lê Mạnh Thác, *Nguyên Cứu Về Mâu Tử,* Tu Thư Vạn Hạnh, 1982, tr. 49.

thời gian bị chôn vùi quên lãng. Hình thức tuy bị cô lập, nhưng trong lòng dân Việt vẫn không sao xóa được hình ảnh bác ái của đức cha lành khả kính (không thể mất gốc được), chỉ mất đi hình thức bên ngoài chứ không mất trong sinh hoạt của quảng đại quần chúng. Do đó, khi có cơ duyên là vụt dậy ngay! Các Thiền sư của thiền phái Trúc Lâm sau một thời gian ẩn bóng, nay cũng được xuất hiện trước sự cổ vũ nhiệt tình, và tiếp đến là sự có mặt kịp thời của các Thiền sư Trung Hoa sang truyền bá Phật pháp, mà tiêu biểu nhất trong giai đoạn này là Thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch! Trong bài viết về *PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG, ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN* của TS. Trần Thuận cũng có đề cập đến vấn đề này, Tiến sĩ nói rất rõ: .., chính tinh thần Phật giáo của các chúa Nguyễn có tác dụng thúc đẩy nhân dân đến với đạo Phật, thu hút các vị sư sãi trong và ngoài nước đến hoằng pháp trên đất Đàng Trong. Dấu chân lưu dân Việt đến đâu, chùa Phật mọc lên đến đó. Cùng với lực lượng người Hoa theo chân Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch vào Nam bộ, trên dải đất Đàng Trong từ đầu thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII đã xuất hiện nhiều ngôi chùa là cơ sở cho sự sinh hoạt tư tưởng và tín ngưỡng của lưu dân, là tiền đề cho sự phát triển của đạo Phật để thực hiện chức năng ổn định đời sống tinh thần[2].

2. Tổ Sư Nguyên Thiều

Vâng, nói về sơ tổ của Thiền phái Lâm Tế này thì có rất nhiều sử liệu, tuy nhiên vẫn chủa có tính thống nhất về tiểu sử của Tổ. Thật lòng mà nói thì học trò (Huệ Tịch) không dám "qua mặt" chư vị tiền bối về lĩnh vực lịch sử này, có điều là học trò may mắn bắt gặp được nhiều tư liệu, nên mới mạo muội nói lại vấn đề nay với mục đích chính là làm tư liệu nghiên cứu cho mình sau này!

Trong bài ký - minh được khắc trên bia đá dựng trước tháp của Tổ ở ấp Thượng Một, làng Dương Xuân Thượng, Thừa thiên Huế thì Tổ sư sinh vào giờ Tuất, ngày 18 tháng 5, năm Mậu Tý (1648). Năm 19 tuổi xuất gia với HT. Khoáng Viên ở chùa Báo Tư. Năm Ất Tỵ (1665), Ngài sang Việt Nam và lập chùa Thập Tháp ở phủ Qui Ninh (nay là Qui Nhơn, Bình Định). Viên tịch vào ngày 19 tháng 10 năm Mậu Thân (1728), thọ 81 tuổi[3]. Từ bia đá này, ta có phát hiện ra điểm nhầm lẫn cơ bản về năm sang Việt Nam của Tổ, không thể có chuyện sang Việt Nam lúc chưa xuất gia (mới 17 tuổi) được?

Năm Ất Tỵ (1665), Ngài sang Việt Nam, thuyết này được tìm thấy trong các sách, như: trong *Đại Nam Nhất Thống Chí* (do Quốc Sử Quán triều Nguyễn soạn); *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* (của HT. Mật Thể); *Thiền Sư Việt Nam* (HT. Thanh Từ).v.v.

Thế nhưng các sử gia khác thì cho rằng Tổ sư sang Việt Nam vào năm Đinh Tỵ (1677), các sách như: *Phật Tổ Tâm Đăng* (HT. Khánh Hòa); *Chùa Thập Tháp Di Đà (*của Lộc Xuyên - Đặng Quí Đích); *Phật giáo Nam Bộ* (từ thế kỉ XVII đến 1975 của TS. Trần Hồng Liên).v.v. Như vậy, phải chăng những thuyết này có sự biên chép nhầm lẫn cơ bản giữa chữ Đinh (丁) với chữ Ất (乙), chứ năm Tỵ (巳) thì vẫn giống nhau? Trong các sử liệu khác thì học trò thấy có phần êm xuôi hơn, cụ thể là trang *www.nguongquan.com* có ghi:

Tổ sư họ Tạ, quê ở làng Trình Hương, huyện Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, đời nhà Thanh Trung Hoa. Tổ sinh vào giờ Tuất, ngày 18 tháng 5 năm Mậu Tý (1648). Tổ sư họ Tạ, quê ở làng Trình Hương, huyện Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, đời nhà Thanh Trung Hoa. Tổ sinh vào giờ Tuất, ngày 18 tháng 5 năm Mậu Tý (1648). Năm Đinh Tỵ (1667) niên hiệu Đức Nguyên thứ tư đời Gia Tông nhà Lê nhằm năm thứ 30 đời Thái Tông Nguyễn Phúc Tần, Ngài vượt biển sang Việt Nam truyền đạo. Đến phủ Quy Ninh (Bình Định) ngoại thành Đồ Bàn, lập chùa Thập Tháp và mở trường xiển dương giáo lý Phật đà, lúc đó Ngài đã 30 tuổi (AL)[4]. Và tính đến năm viên tịch (Mậu Tý - 1728) thì khoảng thời gian Tổ sống ở Việt Nam là 51 năm, điều này thì hợp với bia kí ở tháp Tổ[5].

3. Đặt Đá Xây Dựng Chùa Thập Tháp

Không hiểu sao, lần đầu tiên đến Việt Nam, Tổ sư lại tìm đến ngay khu đồi Long Bích và cảm nhận như đây là vùng đất duy nhất để tạo lập Già Lam, hoằng pháp lợi sanh, mà ngày nay gọi là Thập

[2] TS. Trần Thuận, *PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG, ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN*..

[3] Bài kí - minh này là do chúa Nguyễn Phúc Trú ban vào năm Bảo Thái thứ 10 (Kỉ Dậu- 1729), tức là sau khi Tổ tịch khoảng sáu tháng.

[4] http://www.nguongquan.com

[5] Theo HT. Thích Viên Đạt (đệ tử của HT. Kế Châu): nếu căn cứ vào " Lịch truyện Tổ đồ" thì Tổ Nguyên Thiều đứng về đời thứ 69. Còn xét về Lâm Tế Chánh tông thì Ngài thuộc về đời thứ 33. Riêng Thiền phái Lâm Tế đến miền Trung thì Ngài là Sơ Tổ.

Tháp Di Đà Tự. Phải chăng, trước khi đến, Tổ đã thăm dò tin tức từ các thuyền nhân người Hoa sang buôn bán lâu năm? Câu hỏi tuy đơn giản, nhưng câu trả lời chính xác chắc phải nhờ đến các chuyên gia Lịch sử vậy.

Sau sáu năm xây dựng, năm Chánh Hòa thứ tư (1683), Chùa tạm ổn định và chính thức khánh thành. Đây cũng là lúc mà Tổ quyết định nhận lời mời của chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) ra Thuận Hóa để thay Thiền sư Hương Hải hoằng pháp[6]. Tổ đình lần đầu tiên được giao lại cho thiền sư Tánh Đề - Đạo Nguyên (đệ tử lớn) đảm trách (đệ nhất trú trì, Tổ chỉ là người khai sơn).

Tháp Tổ Nguyên Thiều - Huế - Ảnh nguyenthieu.org

Trong cuộc chiến giữa chúa Nguyễn với nhà Tây Sơn tại Bình Định, Tổ đình cũng bị tàn phá nặng nề. Đó là vào đời Ngài Thật Kiến - Liễu Triệt (1702-1764) trú trì. Chiến tranh kết thúc, đến đời trú trì thứ 06 là thiền sư Liễu Trí - Huệ Nhật (1752-1826) thì được sự ủng hộ của Vua Gia Long, cũng như Ngài Tăng Cang chùa thiên Mụ là Tổ Ấn - Mật Hoằng (1735-1835), Tổ đình được trùng tu lại (1802). Lúc này, bức hoành cũng được khắc lại và lấy tên là *Sắc Tứ Thập Tháp Di Đà Tự* do chúa Nguyễn Phúc Chu - Hiển Tông Hoàng Đế (1691-1725) ban[7].

Đời trú trì thứ bảy là Thiền sư Đạt Lượng - Hưng Long (1792-1860). Thiền sư Đạt Lượng "*dĩ nông vi thiền*" nên không ngừng khai khẩn và mua thêm đất, chùa lúc này lên đến hàng trăm ha, đảm bảo được lương thực cho Già Lam sinh hoạt. Năm Thài Thái thứ 5 (1893), Ngài Tăng Cang Chơn Châu - Vạn Thành (1865-19051) đúc đại hồng chung nặng 1000kg, đến nay vẫn còn.

Năm Giáp Tý (1924), Quốc sư Chơn Luận - Phước Huệ (1869-1945), xây dựng cổng Tam quan, ngôi Phương trượng và một lần nữa trùng tu lại ngôi Chánh điện. Trú trì đời thứ 14 là HT. Không Hoa - Kế Châu (1922-1996) cũng trùng tu lại ngôi Đại hùng bảo điện vào năm Bính Thân (1956). Và đến năm Canh Tuất (1970), HT. Kế Châu thành lập Phật học Viện Phước Huệ (tên của bổn sư Ngài).

Như vậy, trải qua hơn 3 thế kỉ, và cứ khoảng bốn đến năm mươi năm là ngôi Cổ tự này được trùng tu lại một lần[8]. Trải qua bao thăng trầm với thời cuộc, ấy vậy mà Chùa cổ vẫn kiên trì đứng đó thách đố với thời gian, và ngày càng khởi sắc hơn. Từ nơi đây, dòng Thiền Lâm Tế lan rộng khắp cả miền Trung, Nam đất Việt, mà ta hay gọi là Phật giáo xứ Đàng trong. Hằng năm, vào ngày 21 tháng Giêng (AL), Chùa có long trọng tổ chức lễ Húy kỵ Quốc sư Phước Huệ. Đối với người dân đất võ Tây Sơn (Bình Định) xem đây như là ngày lễ truyền thống; ngày hái lộc đầu năm, và dù bận bịu đến đâu, vào ngày này họ cũng trở về với chùa Tổ, thắp nén tâm hương để tưởng nhớ đến vị danh Tăng vang bóng một thời!

4. Ý Nghĩa và Phong Thủy

Theo nhận định của nhà nghiên cứu Đào Nguyên thì Chùa Thập Tháp Di Đà tọa lạc ở thôn Vạn Thuận, xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Chạy dọc theo quốc lộ 1A, tính từ hướng Quy Nhơn ra Quảng Ngãi, qua khỏi Thị trấn Đập Đá, tới cầu Vạn Thuận, rẽ vào con đường bên trái khoảng 200m là đến vào chùa. Tên chùa "Thập Tháp" là nguyên trước đây trên khu đồi này có 10 ngôi tháp Chăm, sau bị sụp đổ. Tên "Di Đà" là danh hiệu đức Phật giáo chủ cõi Cực lạc. Di Đà cũng có nghĩa là lý tính, bản giác của chúng sinh. Tập hợp các ý nghĩa trên, mà Tổ đình mang tên Thập Tháp Di Đà Tự[9].

Từ gốc nhìn quốc lộ 1A theo hướng Tây, ta thấy mái Chùa uy nghiêm cổ kính đứng tựa lưng vào đồi Long Bích, xoay mặt về hướng chánh Đông, áp sát cạnh phía Bắc thành Đồ Bàn[10]. Trước chùa có ao sen tươi đẹp, rộng lớn ngang mặt tiền Bảo điện như để trấn giữ ngăn chặn, hứng lấy những điềm không may mắn (theo phong thủy của người Hoa). Trên bờ ao là hàng tùng, đứng sừng sững ngày đêm, chẳng khác những chàng lính ngự lâm canh gác cho Vương triều Champa xưa. Dọc theo Thành có dòng suối Bàn Khê (một nhánh của sông Côn) róc rách bốn mùa, chảy đến chân Chùa thì lách qua hướng Bắc, bọc lấy cả khu đồi như để cung cấp nguồn sữa ngọt ngào, và cuốn trôi đi những ô phiền, não trược của cuộc đời, tạo nên cảnh trí hữu tình cho đất võ Bình Định! Chính phong cảnh nên thơ ấy đã làm cho vị trú trì đời thứ 14 xúc động:

龍壁山秋月
蟠溪水春天
萬古風光在
何勞覓那邊[11]

Phiên âm: *Long bích sơn thu nguyệt, Bàn Khê thủy xuân thiên, vạn cổ phong quang tại, hà lao mích ná biên.*

HT. Thích Viên Đạt, dịch nghĩa như sau:

Trăng thu Long Bích sáng ngời
Bàn Khê nước chảy xuân trời vô biên
Phong quang muôn thuở vô biên
Tìm chi bên ấy đảo điên nhọc lòng.

Nơi đồi Long Bích, nhìn theo hướng Tây Nam, du khách sẽ thấy Tháp Cánh Tiên đứng lặng lẽ một mình, như e dè bởi anh chàng Phốc Lốc (Tháp Vàng ở hướng Đông Bắc của chùa) mạnh mẽ trước mặt đang nhìn! Cửa Đông Nam thành Đồ Bàn có Tháp Bạc to lớn (chân tháp là Tu Viện Nguyên Thiều và Trường Trung cấp Phật học). Từ cổng Tam quan, nhìn về hướng Đông là núi Thiên Bút (núi Mò O) ngất ngưỡng giữa trời như sẵn sàng thách đố với khí trời khắc nghiệt của miền Trung[12].

Ngày nay, đến viếng Chùa, du khách có thể được nhìn tận mắt, sờ tận tay những tảng đá được chạm trổ từ những bàn tay khóe léo của nghệ nhân Chiêm Thành còn lưu lại. Như phía trước nhà Tổ còn tảng đá vuông, mà trước đó dùng để hành hình tội nhân của các Vua Chiêm (nghe nói rằng đá này rất linh). Trong *Đồ Bàn Thành Kí,* sử gia Nguyễn Văn Hiển cho rằng khu gò chùa Thập Tháp xưa kia chính lá Hoa viên (vườn Lãng Uyển), nơi được nhiều thế hệ vua Chiêm tới lui thưởng ngoạn. Và có lẽ do lúc còn ở Trung Hoa, Tổ Siêu Bạch đã nắm bắt được Lịch sử thành Đồ Bàn này rồi, nên khi đến Việt Nam là Ngài "đến thăm" Thành này ngay.

Thật vậy, thành Đồ Bàn, cũng như đồi Long Bích chính là vùng địa linh xưa nay của đất Bình Định và cho cả mai sau. Một minh chứng cho thấy là những dấu vết (gạch cổ, đá xưa) của vương quốc Chiêm Thành từ thế kỉ X đến nay vẫn còn để lại. Thứ nữa là ngôi Già lam Thập Tháp dù trải qua bao thăng trầm, thịnh suy của thời cuộc, có những lúc tưởng chừng như tàn rụi bởi chiến tranh, ấy vậy mà Chùa vẫn đứng đó và ngày một trang nghiêm hơn. Nơi đây đã sản sinh ra nhiều thế hệ Tăng tài (Tăng Cang, Quốc sư) cho đạo pháp và dân tộc, là niềm tự hào bất tận cho người con Phật không chỉ ở Đàng trong, mà còn cho cả nước cũng như ngoài nước. Có thể nói ***Thập Tháp Di Đà Tự*** rất xứng danh với hai chữ ***Sắc Tứ,*** với câu ca dao của dân tộc Việt**:**

Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống bao đời của Tổ tông!

[6] Thiền sư Hương Hải cùng đồ đệ của mình ra Đàng ngoài hoằng pháp.

[7] Trong *Đại Nam Nhất Thống Chí* có ghi: Minh Mạng nguyên niên, thầy tu ở tại chùa Thiên Mụ là Hòa thượng Mật Hoằng trùng tu lại, chùa chiền rộng rãi, sơn son thiếp vàng huy hoàng, cùng với chùa Linh Phong, nổi tiếng thắng cảnh ở Bình Định!

[8] Nếu tính từ năm Đinh Tỵ (1677) thì đến nay (2012), ngôi Tổ đình đã được 335 năm.

[9] Đào Nguyên, Chùa Thập Tháp Di Đà - Ngôi Tổ đình danh tiếng của Thiền phái Lâm Tế (trích trong Tuần Báo Giác Ngộ).

[10] Theo sách *Đồ Bàn Thành Kí* của Nguyễn Văn Hiển thì đây là Kinh đô nổi tiếng của người Champa. Thành nằm ở trung tâm Chiêm quốc, chu vi hơn 10 dặm, do Vua chiêm là Ngô Nhật Hoan xây dựng vào khoảng thế kỉ X (thời Tiền Lê).

[11] Đương thời, HT. Kế Châu còn là một nghệ sĩ tài hoa về thư pháp chữ Hán.

[12] Trong *Nước Non Bình Định,* nhà văn Quách Tấn kể: nơi đây còn có Giếng Tiên, rộng 2m, sâu hơn 1m, và người dân nơi đây còn gọi là Núi Tiên Đỉnh (Tiên Đỉnh Sơn).

THĂM_TẶNG QUÀ

TRUNG TÂM BẢO TRỢ LỘC THỌ

THĂM_TẶNG QUÀ
HỘI NGƯỜI MÙ TỈNH KHÁNH HÒA

Kỷ niệm bảo sơn

Nguyên Thảo - *Nguyễn Kim Phương*

Có ai ngờ được, một chuyến du lịch tâm linh mà lại hành trình đến nước Mỹ. Đến một phương trời Tây.

Chuyện lạ mà có thật, chuyện mà chưa bao giờ tôi giám nghĩ tới vì điều đó chỉ nghĩ là sự ước mơ, mơ ước mà thôi. Hơn nữa từ xa xưa đến nay các nhà khoa học, cũng như các nhà nghiên cứu về thế giới tâm linh họ đều hành trình về phương Đông để tìm hiểu về giá trị tâm linh của người phương Đông.

Nhưng riêng tôi...

Nhưng rồi không hiểu có phép lạ - hay có một sự nhiệm mầu thần kỳ nào? Mà thật kỳ diệu. Điều mà tôi chỉ mơ ước, ước mơ đã biến thành sự thật. Một sự thật quá đỗi bất ngờ.

Phước duyên đến mà tôi cứ ngỡ như trong mơ, tôi được sự hạnh phúc. Tôi thầm nghĩ tôi thật có duyên với Phật pháp và tôi cũng rất có nhân duyên với Thầy, vị Tôn túc đã hết lòng giúp tôi trong việc tu tập. Thầy đã khai ngộ cho tôi sáng tỏ thâm hiểu nhiều điều bổ ích của giáo lý Phật Đà.

Ngày mới chập chững bước chân lên chùa, Thầy giảng cho tôi: Muốn theo Phật là phải hiểu Phật, muốn hiểu Phật là phải học Phật. Khi đã học Phật rồi phải thực hành theo lời Phật dạy. Học phải đi đôi với hành. Đó chính là điều cơ bản của học Phật.

Cũng nhờ Thầy khai ngộ, tôi đã theo học lớp Phật pháp Cư sĩ Áo Lam do Tỉnh Giáo Hội Phật Giáo Khánh Hòa tổ chức - đến nay lớp đã được 14 năm, hiện vẫn còn tồn tại.

Áp dụng được những điều hiểu biết trong giáo lý để thực hành trong cuộc sống thường ngày, cũng từ ấy tôi vô cùng an lạc - cuộc sống gia đình thực sự hạnh phúc.

Cuối năm 2006, Thầy đã tạo mọi điều kiện giúp tôi có một chuyến hành hương về đất Phật tại Ấn Độ - Nepal, một chuyến hành hương không thể nào phai mờ trong ký ức.

Mùa hạ an cư năm Nhâm Thìn (2012), một lần nữa Thầy lại bảo lãnh cho tôi có một chuyến du lịch đi nửa vòng trái đất đến một phương trời xa lạ. Hoa Kỳ, một đất nước được mệnh danh giàu mạnh nhất và có nền khoa học tiên tiến và hiện đại bậc nhất thế giới - ở đấy có chùa Bảo Sơn, đã khánh thành và tổ chức lễ an vị Phật vào mùa an cư năm Nhâm Thìn (2012). Chùa Bảo Sơn tọa lạc trên vùng đất Tiểu bang Cali của nước Mỹ. Ơn Thầy, nên tôi đã có những chuyến du lịch ngoài sự mong ước.

Theo Ôn Trí Viên (Hòa thượng trụ trì chùa Kỳ Viên) cho biết: Bảo Sơn tự là tên cũ của ngôi chùa mà Ôn đã xuất gia tu học (Thầy Huệ Giáo là đại đệ tử của Ôn). Thầy Huệ Giáo sang Mỹ lập Chùa, Thầy lấy tên Bảo Sơn đặt cho chùa mới lập để tỏ lòng tri ân Thầy Tổ.

Phi cơ rời phi trường Tân Sơn Nhất lúc 11h30 ngày 4/7/2012 để đến Hoa Kỳ. Sau 4 giờ đến phi trường quốc tế Seoul Hàn Quốc - quá cảnh 9 tiếng, hành khách chỉ ở lại trong phạm vi sân bay và nghỉ trong phòng chờ, dành sức cho quảng đường bay dài đến Mỹ.

Gần 18 tiếng đồng hồ ngồi trên máy bay, sáng ngày 6/7 máy bay hạ cánh xuống sân bay Los Angeles. Trên chuyến bay từ Việt Nam sang Mỹ tôi rất may mắn được gặp hai mẹ con chị Tuyết người Ninh Hòa, nhưng định cư ở Mỹ lâu rồi về Việt Nam ăn Tết, nay trở lại Hoa Kỳ. Hỏi chuyện, được biết chị Tuyết cũng là Phật tử sinh hoạt tại chùa Bảo Sơn. Xuống sân bay chị Tuyết đưa tôi về nhà nghỉ ngơi và dùng cơm, đến chiều Tuyết chở tôi về chùa Bảo Sơn.

Đến chùa, đã thấy Thầy đã ra sân đứng chờ! Thầy trò lâu ngày gặp lại nhau thật vui, chuyện trò rôm rả, cả ba Thầy trò vui như ngày Tết. Rất may Thầy mới đưa Ôn Trí Viên đi thăm các vị Hòa thượng vừa về chiều cùng ngày.

Ôn Trí Viên sang Mỹ trước tôi 2 tháng để dự lễ khánh thành chùa Bảo Sơn và lễ An vị Phật. Ôn cho biết, khoảng tuần nữa là Ôn về Việt Nam. Như vậy tôi đến Bảo Sơn được 8 ngày thì Ôn về. Trong 8 ngày được gần Ôn, gần Thầy, ở trong một mái Chùa thấy thật vui, thật ấm áp, thắm tình đạo vị của những người con Phật đang sống xa xứ.

Thời gian Ôn sắp về Thầy Huệ Giáo hay đưa Ôn và tôi đi tham quan biển, công viên. Cả ba Thầy trò xem cá heo biểu diễn từ sáng sớm đến chiều tối mới về. Những nơi thăm viếng đều chụp ảnh kỷ niệm những ngày Thầy trò sống bên nhau trên đất nước Mỹ. Chắc chắn không thể có lần thứ hai.

Thầy Huệ Giáo có dự định sau khi Ôn về Thầy sẽ đi dự an cư một Chùa ở Bang khác rất xa, bay 6 tiếng đồng hồ mới tới. Ôn rất tâm lý, Ôn lưu ý Thầy: Thầy nên đưa tôi đi dự an cư cùng. Vì Ôn nghĩ tôi mới sang. Thầy lại đi xa, Ôn sợ tôi chưa quen với mọi sinh hoạt trong Chùa.

Sau khi Ôn về mới có thời gian quan sát tỉ mĩ chùa Bảo Sơn. Trước tiền sảnh là 2 vị Thiện Thần hộ pháp và 2 con sư tử bằng đồng rất lớn chầu hai bên cùng 2 vị hộ pháp canh giữ và bảo vệ ngôi Chùa.

Từ tiền sảnh đi thẳng vào là chánh điện, phía sau là bàn thờ Tổ, gần bên cạnh là bàn thờ linh. Thầy bố trí sắp xếp thật hợp lý, liên hoàn rất thuận tiện cho những ngày hành lễ.

Trong vườn đặt tượng Đức Bổn Sư và tượng các vị Bồ Tát, hài hòa với cảnh và trang nghiêm. Đặc biệt trong trú xứ đất chùa, một đồi thông cao thoai thoải, bóng râm phủ mát cả một góc vườn. Mùa hè, những làn gió lướt qua kẻ lá nhẹ nhàng thoang thoảng nhưng lay động cả một đồi thông, như tiếng nhạc du dương ẩn hiện làm tôi cứ ngỡ ngàng... đây là trần cảnh hay Tây phương?

Lý tưởng Thầy Huệ Giáo cao đẹp, muốn du hóa sang Tây - hay là ngẫu nhiên trùng lập đã có sự sắp xếp an bài! Do vậy, chùa Bảo Sơn trên nước Mỹ đã có cuộc hội ngộ của Ôn, Thầy Huệ Giáo và Nguyên Thảo hôm nay.

Thầy có tầm nhìn bao quát khi xây dựng vườn Lộc Uyển trên đồi thông này khi tôn tượng Đức Bổn Sư thuyết pháp cho anh em Kiều Trần Như. Các loài hoa phủ khắp vườn Lộc Uyển được tưới nước tự động. Rải rác vài bộ bàn ghế dưới các rặng thông. Những lúc có khách Ôn hay quý Thầy đến Bảo Sơn, các vị thích ngồi trên khu đồi ấy để đàm đạo công việc, dõi mắt toàn cảnh Bảo Sơn và khu vực xung quanh.

Ôn về Việt Nam, Thầy thường xuyên được các Chùa mời giảng pháp, hay đi dự lễ của các chùa khác. Thầy thường đưa tôi đi cùng do vậy tôi biết được nhiều chùa của Việt Nam cũng như của nước Á Châu trên nước Mỹ.

Một ngôi chùa Đài Loan rất lớn, khang trang, xây trên một khu đất rộng, có tên chùa Tây Lai. Lúc đầu tôi chưa hiểu, nên tôi thầm nghĩ - tại sao các Thầy lại đặt tên là Chùa Tây Lai? Sau khi được nghe quý Thầy trong chùa giải thích: Từ xa xưa tới nay Chùa là chỉ ở Châu Á, còn bên Tây chỉ có nhà thờ, chứ không có Chùa. Bây giờ quý Thầy Đài Loan du hóa đến đây nên dời Chùa, thỉnh Phật sang đây để thờ cúng nên gọi tên là chùa Tây Lai, lý do thật đơn giảng, thực tế nên dễ hiểu.

Tôi có một kỷ niệm thật vui, vào trung tuần tháng 9/2012 Thầy được mời đi thuyết Pháp tại chùa Việt Nam nhân dịp lễ Vu Lan, Thầy đưa tôi đi cùng. Chùa tổ chức lễ Vu Lan và kết hợp lễ mừng thọ tặng quà cho các Phật tử sinh hoạt trong Chùa từ 65 tuổi trở lên, tôi vinh dự cũng được xếp vào trong danh sách đó. Món quà là một quyển Kinh Tạng Pàli – Kinh Pháp Cú và một đĩa các bài giảng của các vị Hòa thượng. Một món quà tôi vô cùng trân trọng.

Thời gian ở Mỹ hơn 5 tháng thường được Thầy đưa đi tham quan nhiều Chùa. Nói chung Chùa của Việt Nam ở bên Mỹ có vài nơi xây cất chưa hoàn hảo. Muốn lập chùa, việc trước tiên là mua một căn nhà có diện tích đất rộng, rồi tùy theo tầm nhìn, tư duy và sự sáng tạo để tôn tạo thành một ngôi Chùa. Rồi cung thỉnh tượng Phật, tượng các vị Bồ Tát, các vị La Hán, các vị Thiện Thần, Hộ Pháp. Trong chùa có bàn thờ Tổ, bàn thờ Linh bài trí sắp xếp có thứ bậc, trang nghiêm, thế là có ngôi Chùa để bà con Phật tử đến Chùa cúng Phật, lạy Phật, tụng kinh, cầu an, cầu siêu và được nghe Thầy giảng pháp. Một thời gian sau có điều kiện sẽ trùng tu đúng với phong cách của chùa Việt Nam.

Ngôi Chùa là chốn tâm linh, là chỗ dựa tinh thần vững chắc và cũng là nơi để bà con Phật tử về Chùa tu học. Có Phật tử đến để chia sẻ sự bất an cùng quý Thầy, để được những lời khuyên bổ ích. Chùa cũng là nơi bà con gửi gắm niềm tin trong cuộc sống hiện tại và tâm linh khi quá vãng. Đó là điều hạnh phúc lớn lao nhất của người con Phật đang sống xa xứ nơi đất khách quê người.

Chùa Bảo Sơn cũng không nằm ngoài những yếu tố trên, Thầy mua căn nhà có đất rộng bao quanh và tôn tạo thành một ngôi Chùa. Điều tôi thấy ở Thầy làm việc dù lớn hay nhỏ khi quyết tâm Thầy làm bằng được. Làm gì cũng có sự sáng tạo, có tư duy và hoài niệm. Thầy dễ tính, dễ gần, nhưng khi vào công việc Thầy thật sự nghiêm khắc. Hay là nhờ sự kinh qua... nhờ sự trải nghiệm... mà ở Thầy có sự sáng suốt và quyết tâm mạnh mẽ. Nên khi quyết định làm việc gì cũng quyết đoán khi có thời cơ.

Thầy có ý chí, có niềm tin vững chắc nên được chư Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp hộ trì nên đã có sự nhiệm mầu thần kỳ đã giúp Thầy hoàn thành tâm nguyện.

Thầy đến Mỹ chưa được 2 năm, nơi xứ lạ đất người mà đã tạo dựng ngôi chùa hoàn thiện. Sự hoàn thiện ở đây không có nghĩa là ngôi chùa thật rộng, xây dựng như ở quê nhà! Thực tế khi đến với chùa Bảo Sơn, bước chân vào chánh điện đã thấy trần thiết đơn giản, ngăn nắp trật tự, không màu mè phô trương mà vô cùng ấm cúng, cũng đầy đủ tiện nghi, pháp khí cần thiết cho những ngày lễ hội.

Trong lúc đó có một số Thầy sang trước Thầy từ 5-10 năm mà vẫn chưa có Chùa mà phải đi Chùa này ở 5 – 3 tháng lại tới Chùa khác cứ loanh quanh như vậy bao năm trời vẫn chưa ổn.

Tôi cảm nhận Thầy mang cả tâm hồn Bảo Sơn tự ngày xưa của Ôn Trí Viên và Kỳ Viên tự hiện nay để du hóa trên nước Mỹ. Đặt chân đến Bảo Sơn, tôi có một cảm giác ngờ ngợ, vừa lạ lại vừa quen. vừa rụt rè lại vừa mạnh dạn, vừa xa vừa gần gủi thân thương. Một cảm xúc thật khó tả.

Tôi đến Bảo Sơn, trong chùa đã có chị Trang, anh Dũng. Lúc đầu chị Trang đến Mỹ ở với con, nhưng sau xin đến chùa làm công quả. Thời gian sau chị xin chuyển ra ngoài ở vì không tiện việc đi lại sinh hoạt hàng ngày. Còn anh Dũng là bà con của Thầy, đến giúp chăm sóc vườn tược, cây kiểng những ngày Thầy đi vắng.

Thầy đi vắng năm, mười ngày, tôi lo hương đăng và tiếp khách, nếu cần việc gì tôi ghi lại nội dung, khi Thầy về thưa lại.

Thời khóa chùa Bảo Sơn khi tôi đến như sau: tối thứ Sáu hàng tuần tụng kinh. Ngày Chủ nhật đầu tháng Thọ Bát. Những ngày Thọ Bát Phật tử làm thức ăn ở nhà mang đến, để có thời gian tập trung tu học không phải lo việc bếp núc. Hàng tháng có khóa tu 3 ngày. Bên Mỹ, Phật tử tuy không nhiều, nhưng là Phật tử thâm tín. Có 2 nữ Phật tử xin làm công quả trong việc hương đăng. Thứ sau hàng tuần tụng kinh, cả hai đến Chùa lau rửa dọn dẹp, hút bụi trong chánh điện và thay hoa quả do hai cô mang đến. Cả hai làm việc này từ ngày có chùa Bảo Sơn đến nay. Mỗi lần thay hoa quả trên các điện thờ, xong công việc ba chúng tôi chia trái cây được thay thành từng túi, đến tối, sau tụng kinh chia cho Phật tử mang về, vì để lại chùa không dùng hết.

Đặc biệt có vợ chồng là Phật tử xin Thầy thỉnh tượng Đức Bổn Sư và Địa Tạng Bồ Tát để an vị trong khuôn viên vườn Chùa. Cũng có Phật tử hàng ngày đi làm ghé qua chùa để lo cơm nước cho Thầy khi tôi đi vắng.

Một số Phật tử nam hay những Phật tử lớn tuổi, những ngày nghỉ thường đến Bảo Sơn làm công quả.

Lúc tôi mới đến Bảo Sơn, Thầy đang dựng căn phòng dùng làm trai đường. Căn phòng này rộng, Thầy chỉ cần mua vật liệu, còn công thợ đều do quý Phật tử lo liệu công sức, kể cả hệ thống điện nước. Ở Mỹ, tiền công làm một căn nhà còn đắt hơn tiền mua vật liệu xây Dựng! Thầy tôi có phước báu, đi đến đâu, làm việc gì mà Thầy có tâm nguyện đều được Phật pháp hộ trì.

Buổi sáng, 5 giờ tôi lên chánh điện thắp hương các bàn thờ, ngồi thiền, lạy Phật 108 lần rồi thắp hương Đức Bổn Sư và các vị La Hán, Bồ Tát trong khuôn viên và vườn Lộc Uyển (trên đồi). Sau đó, quét dọn trong nhà ngoài sân (sân Chùa rộng lắm). Nhiều hôm có gió lớn, lá rụng nhiều quét không xuể, phải dùng máy thổi. Công việc phải sắp đặt để đúng thời

gian chuẩn bị bữa ăn cho quý Thầy và quý Phật tử đến làm công quả. Chiều tối, lên chánh điện thắp hương tụng kinh, lạy Phật xong, Thầy trò ngồi chia sẻ công việc qua một ngày hay những việc sắp đến.

Tôi cảm thấy mình như một chú tiểu đang tập tu, trong lòng vui vui, thật hạnh phúc, vì đã làm được những việc mà ở bên quê nhà chưa bao giờ làm được và cũng chưa bao giờ được làm. Việc ăn chay, ở nhà (Việt Nam) tôi chỉ ăn 6 ngày trong tháng, nhưng ở Bảo Sơn tôi không để ý đến chay hay mặn. Các bác các cháu Phật tử rất quan tâm, mua sữa, bánh trái và khuyên tôi nên ăn uống điều độ để giữ gìn sức khỏe. Tôi thực sự cảm động, cảm thấy thời gian vừa qua như là một khóa tu dài ngày vậy.

Tôi nghĩ, ở tuổi gần tám mươi, nếu không có niềm tin vững chắc, không có quyết tâm, không có sự nhiệm mầu của Phật pháp thì làm sao thể có chuyến du lịch sang nước Mỹ rồi về Việt Nam một mình mà mọi sự thông suốt đến như vậy?

Ngày nhận giấy bảo lãnh của Thầy, tôi dấu các con, rồi nhờ người lo giấy tờ. Phỏng vấn xong, rồi visa gửi về kể cả vé máy bay đều hoàn tất. Chỉ còn 2 ngày nữa là bay, lúc này tôi mới báo với các con. Các con bất ngờ và phản ứng dữ lắm! Tưởng là tôi nói chỉ muốn đi, nên bảo: Mẹ tưởng đi Mỹ dễ lắm ư...? Làm sao mẹ phỏng vấn được? Làm sao mẹ đủ sức để ngồi 18 tiếng đồng hồ trên máy bay... Tôi cười, bảo: các con yên tâm, mẹ đã lo xong các thủ tục giấy tờ rồi kể cả vé máy bay! Chúng quá bất ngờ, hỏi: Tại sao làm một việc liên quan đến sức khỏe mà mẹ dấu con cái? - Vì mẹ biết, nếu nói trước mà các con phản ứng cỡ này thì mẹ làm sao mẹ đủ can đảm để lo các thủ tục giấy tờ! Thôi bây giờ mọi việc đã hoàn tất, mẹ muốn các con vui vẻ để mẹ an tâm lên đường. Các con yên tâm, vì mẹ tin, đi đâu cũng được Phật pháp hộ trì.

Ở đây tôi muốn nói những việc thực tế của mình! Tôi nghĩ, nếu muốn làm một việc gì chính đáng, trước hết phải có niềm tin vững chắc, có ý chí và sự quyết tâm. Là người con Phật, tôi tin rằng dù đi đâu, làm việc gì có tâm nguyện thiện đều được sự hộ trì của Phật pháp.

Trước lúc xuất cảnh, vào Sài Gòn gặp được người bà con mới ở Mỹ về. Biết tôi sắp đi Hoa Kỳ liền cho số điện thoại và địa chỉ gia đình người bà con ở cùng bang Cali với Thầy, để khi sang bên ấy chị em liên lạc với nhau. Vì vậy, thứ bảy, chủ nhật là các cháu đến Bảo Sơn xin phép Thầy đón về nhà chơi.

Các cháu đưa tôi đi vườn bách thú, các danh lam thắng cảnh, vào cả casino chỗ đánh bạc lớn nhất của bang Cali, các nhà hàng, siêu thị... Đặc biệt ở Mỹ có mặt hàng nào sắp hạ giá họ đều cho khách biết. Ví dụ như mặt hàng điện máy mua về dùng khoảng 3 tháng rồi, nếu mình không thích nữa, hoặc đổi cái khác họ vẫn giữ nguyên giá trị (nhưng với một điều kiện phải có hóa đơn và cái hộp đựng nó ban đầu) kể cả áo quần, vải vóc cũng vậy! Đúng nghĩa khách hàng là trên hết!

Nói đến tham quan, không thể không nhắc đến một chú là chồng của một Phật tử Bảo Sơn - chú đưa tôi đi xem chiến hạm tàu sân bay, chiến hạm này có từ Thế chiến thế giới năm 1945. Chiến hạm có 8 tầng, tầng nào cũng chứa máy bay, trên tàu có hàng trăm chiếc máy bay. Chú ấy cho biết: muốn đi xem hết cả 8 tầng phải mất mấy ngày! Rồi đưa tôi vào buồng lái, ngồi vào ghế nhân viên điều khiển tàu chụp hình lưu niệm.

Nhờ những chuyến thăm viếng nên tôi biết được nhiều chùa của người Việt Nam và Châu Á trên nước Mỹ. Đúng là Phật pháp đã du hóa sang Tây.

Cảm nhận và thực sự hạnh phúc vì đến đâu cũng gặp được Tăng bảo, bạn tốt, được mọi người thương yêu quý mến, chia sẻ đùm bọc - nên tôi đã có một chuyến du lịch vẹn toàn đúng như tâm nguyện.

Không biết nói gì hơn, chỉ biết trước hết là cảm ơn Thầy (dường như Thầy và tôi có nhiều nhân duyên trong tiền kiếp). Cảm ơn tất cả và tất cả bạn đồng Tu, những người đã giúp đỡ, chia sẻ cùng tôi trong thời gian sống trong Bảo Sơn tự.

Và cũng cảm ơn cô em họ cùng các cháu trong gia đình đã hết lòng đưa tôi đi thăm viếng các danh lam thắng cảnh trên đất Cali của nước Mỹ.

Bảo Sơn ơi! Thật đáng yêu,
Cho tôi nhớ mãi sáng chiều
công phu.

Nha Trang, ngày 6/12/2013

HỘI TỪ THIỆN HOA TỪ BI - BẢO SƠN
CỨU TRỢ LŨ LỤT TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

- THỊ XÃ AN NHƠN
- HUYỆN TUY PHƯỚC

CHÙA BẢO SƠN
THỜI KHÓA TU HỌC NĂM 2014

24613 5TH St- Murrieta, CA 92562
Tel: 951-294-7560. Email: chuabaoson@gmail.com
www.chuabaoson.net

THÁNG 01:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày10-11-12/01/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thiền tọa
- Thuyết giảng
- Thứ sáu ngày 31/01/2014 (nhằm ngày 01/01/ Giáp Ngọ)
- Tết Nguyên Đán - Đón mừng XUÂN DI LẶC năm Giáp Ngọ.

THÁNG 02:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày14-15-16/02/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thiền tọa
- Thuyết giảng

THÁNG 03:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày14-15-16/03/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thiền tọa
- Thuyết giảng
- Thứ tư ngày 19/03/2014 (nhằm ngày 19/02/ Giáp Ngọ) 8:30 PM : Lễ vía BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM Đản Sanh

THÁNG 04:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày 11-12-13/04/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thiền tọa
- Thuyết giảng

THÁNG 05:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày 16-17-18/05/2014
- Thiền tập
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- **KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN - PL. 2558**

THÁNG 06:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày13-14-15/06/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thuyết giảng
- Thiền tập

THÁNG 07:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày 11-12-13/07/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thuyết giảng
- Thiền tập
- Vía BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM THÀNH ĐẠO

THÁNG 08:
Thứ sáu đến chủ nhật ngày08-09-10/08/2014
Trì tụng kinh Vu Lan- BáoHiếu
Thuyết giảng
Thiền tọa
ĐẠI LỄ VU LAN BÁO HIẾU- **PL 2558**

THÁNG 09:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày12-13-14/09/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thuyết giảng
- Thiền tập
- Lễ vía BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM xuất gia

THÁNG 10:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày10-11-12/10/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thuyết giảng
- Thiền tập

THÁNG 11:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày14-15-16/11/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thuyết giảng
- Thiền tập

THÁNG 12:
- Thứ sáu đến chủ nhật ngày12-13-14/12/2014
- Thọ BÁT QUAN TRAI GIỚI
- Trì tụng kinh Pháp Hoa
- Thuyết giảng
- Thiền tọa
- Lễ vía ĐỨC TỪ PHỤ A DI ĐÀ PHẬT

Thứ hai - Thứ tư và Thứ sáu hàng tuần bắt đầu từ 7:30 PM tụng kinh Pháp Hoa - Niệm Phật.
Sám hối vào ngày 15 và 30 Âm lịch vào lúc 19:30 PM
Chủ nhật hằng tuần sinh hoạt và tu học bắt đầu từ:
9:30 AM: Trì tụng kinh Pháp Hoa
11:00 AM: Thuyết pháp
12:00 AM: Cúng ngọ- cầu an- cúng linh.
13:00 PM: Thọ Trai
16:00 PM: Công phu chiều- Thí thực

Hộp thư

Tập San Thị Hiện là một Đặc San đặc biệt, cũng là đầu tay do Tăng tín đồ chùa Bảo Sơn thực hiện, có sự trợ giúp, cộng tác của Chư Tôn Đức, quý Thiện hữu tri thức Phật giáo. Mục đích xiển dương lời dạy thiết thực của đức Phật, và tâm tình thăng hoa của người Phật tử khắp nơi, trong lúc thực hành đời sống đạo, và thi hành Phật sự đây là một ý niệm hết sức thiết thực và ích lợi trong công việc hoằng dương chánh pháp.

Chúng tôi, nhóm chủ trương rất vui mừng được sự động viên của Chư Tôn thiền đức Tăng Ni, và thiện hữu tri thức, cũng như sự yểm trợ của Phật tử xa gần, đã không vì tài hèn trí cạn, mạnh dạn khởi xướng cho thành hình Tập San Thị Hiện này.

Trong một thời gian ngắn, dành chuẩn bị nội dung và trình bày để kịp có nhân kỷ niệm ngày thành lập chùa, coi như là một món quà tinh thần gửi đến quý ân nhân và Phật tử, do vậy không thể nào hoàn bị được, tuy nhiên với tâm học hỏi và mong cầu hướng thiện, hy vọng Tập San Thị Hiện sẽ là một cánh hoa đủ sắc hương trong tương lai không xa.

Tập San Thị Hiện số 01 sẽ tiếp tục ra mắt vào trung tuần tháng tư, ban chủ trương mong mỏi sự đóng góp bài vở và tiếp kinh phí ấn loát của quý thiện hữu tri thức và Phật tử gần xa.

Đóng góp bài vở và chi phiếu yểm trợ, xin đề và gửi về:

Bao Son Buddhist Temple
(Tập San Thị Hiện)
24613 5th St- Murrieta- CA- 92562

PHƯƠNG DANH BẢO TRỢ IN ẤN

1. Vũ Thị Hạnh	*$100*
2. Bùi Lê Ái-Tân	*$100*
3. Phan Hiển- Sally	*$100*
4. Bùi Ngọc Mai	*$100*
5. Nguyễn Thị Vân	*$100*
6. Nguyễn Thị Thuận	*$100*
7. Hiền Phan	*$30*
8. Dũng phương	*$100*
9. Tu Viện Quán Âm	*$200*

PHIẾU NHẬN TẬP SAN THỊ HIỆN

Xin quý độc giả vui lòng Email những thông tin sau đây hoặc gửi phiếu này đến Ban Biên Tập Tập San Thị Hiện.

Họ và tên: …….....

Địa chỉ: …….....…… Thành phố: ……..….....

Tiểu Bang:……..... Zip:…….....

Điện thoại: …….....……..... Email (nếu có): …….....

Tôi muốn nhận Tập San Thị Hiện: .....

Tôi không muốn tiếp tục nhận Tập San Thị Hiện: .....

Ký tên:…….....

Ngày .....tháng .....năm .....

Tập San Thị Hiện trân quý mọi sự yểm trợ tài chánh tùy hỷ của độc giả và quý Phật tử, các cơ sở thương mại để giúp duy trì Tập san Thị Hiện phát triển, trong Phật sự truyền bá Phật pháp và bảo tồn văn hóa dân tộc.

Xin gửi về:

Bao Son Buddhist Temple
24613 5th St- Murrieta, CA-92562
Email: chuabaoson@gmail.com.